

NĂM THỨ 7 – NGÀY 1-10-1963

BACH KHOA

trong số này

ĐỖ-QUÂN bàn về chủ nghĩa xét lại • NGUYỄN-
PHƯƠNG ý nghĩa lịch sử • VÕ - QUANG - YẾN
óc não điện tử • NGUYỄN - NGU - I hai giờ với
hai tác giả « khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam » •
LAI-SINH đàm thoại với Staline • TRẦN-VĂN-KHÊ
lã thư Jérusalem • LƯƠNG-THẾ-NAM cái đèn kéo
quân • HOÀI-HƯƠNG thăm anh • IẾN-NGUYỄN
THANH mặc tửng • ĐỖNH-HOÀNG-SA khách
lạ quê hương • NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ một buổi
chiều • XUÂN-HIỂN máu thu • TRIỀU-HOA-ĐẠI
mong về tương lai • NĂM - CƠ — HOÀNG-THỊ-
THƠ trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc • **SINH**
HOẠT : thái độ của
người trí thức trước thời
cuộc (Nguyễn-Ngu-Í thuật) •

162



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẮT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẮT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẮT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIỀC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73s

BÁCH

KHOA trong số này

Số 162 ngày 1-10-63

ĐỖ-QUÂN bàn sơ lược về chủ nghĩa xét lại	3
NGUYỄN-PHƯƠNG ý nghĩa lịch sử	17
VÕ-QUANG-YẾN óc não điện tử	23
NGUYỄN-NGU-Í hai giờ với hai tác giả « khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam »	29
LAI-SINH đàm thoại với Staline (dịch Milovan Djilas)	39
TRẦN-VĂN-KHÊ lá thư Jérusalem II	51
LƯƠNG-THẾ-NAM cái đèn kéo quân (truyện ngắn)	59
HOÀI-HƯƠNG thăm anh (thơ)	71
LIÊN-NGUYỄN-THANH mặc tử ởng (thơ)	72
ĐỖNH-HOÀNG-SA khách lạ quê hương (thơ)	72
NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ một buổi chiều (truyện ngắn)	73
XUÂN-HIẾN máu thu trời quê (thơ)	80
TRIỀU-HOA-ĐẠI mong vẽ tương lai (thơ)	82
NĂM-CƠ — HOÀNG-THỊ-THƠ trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	83
SINH-HOẠT một vấn đề tâm lý chiến : thái độ của người trí thức trước thời thế (Nguyễn - Ngu - Í thuật buổi nói chuyện của Ô. Nguyễn-Mạnh-Côn)	95

BÁCH-KHOA

trong những số tới

- Từ thi đua hòa bình đến sống chung
hòa bình TÂN-PHONG
- Heidegger và Thi ca TRẦN-HƯƠNG-TỬ
- Đào tạo, huấn luyện và bổ nhiệm nhân
viên ngoại giao tại các nước PHẠM-TRỌNG-NHÂN
- Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-
kiều ở Pháp MỘNG-TRUNG
- Về cách trình bày trên làn sóng điện :
những tài liệu chính xác về âm nhạc
cổ truyền bình dân (dân ca) và bác học
(cổ nhạc) TRẦN-VĂN-KHÊ
- Cô đơn (trích dịch truyện « Adrienne
Mesurat » của Julien Green) CÔ-LIÊU
- Một ngày của Ivan (truyện dịch của A.
Soljenitsyne) NGUYỄN-MINH-HOÀNG
- Một ngày của Nguyễn-văn-Tồn (truyện ngắn) VŨ-HẠNH
- Thiếu đất (truyện ngắn) Y-UYÊN
- Ánh sáng trong bóng tối (truyện ngắn) LÊ-TẮT-ĐIỀU
- Gà và Ba tôi (truyện ngắn) VÕ-HỒNG

Bàn sơ lược về

« CHỦ NGHĨA XÉT LẠI »

Tác giả : *Melvin J. LASKY*

● ĐỖ-QUẢN lược dịch

« *Đồ chủ trương xét lại !* » Đó là danh từ chính yếu mà Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa thường dùng để mặt xát lẫn nhau ! Người ta chỉ có thể hiểu trọn vẹn danh từ này bằng cách đặt lại danh từ ấy vào mạch nguồn các sự biến chuyển của Chủ-Nghĩa Mác-Xít. Chính đó là mục đích của bài xã luận dưới đây do Ông Giám-Đốc tạp chí *Encounter* viết cho tờ *Preuves Informations*. Tác giả chứng minh rằng cuộc xung đột lý-tưởng vừa xảy ra càng ngày càng trầm trọng thực ra đã bắt nguồn trong lịch-sử của phong trào Cộng-Sản từ hơn nửa thế kỷ nay.

« **T**RONG địa hạt khoa học nhích gần chân lý thông thường là chấp nhận rằng một lý-thuyết có thể sai lầm được ; theo nghĩa này, tất cả những lý-thuyết khoa học đều mang một tính-cách giả thuyết có thể được xét lại dưới ánh sáng chân lý. Vậy các khoa học gia, theo định-nghĩa, cũng chỉ là những người chủ-trương xét lại... »

Xã hội chủ-nghĩa và phương pháp khoa học

Công thức đẹp đẽ trên đây do tác giả một cuốn sách xuất bản cách đây

mấy tháng ở Luân-Đôn : *Essays on the history of Marxist ideas* (khảo luận về lịch-sử tư-tưởng Mác-Xít : « Revisionism », do Leopold Labedz trình bày, Allen & Unwin xuất bản, Luân-Đôn 1962).

Nó làm cho người ta hết sức chú ý đến hai đề tài căn bản nhất về tận thâm kích từ thế kỷ nay của xã-hội chủ-nghĩa và lý-tưởng cách mạng. Từ khi Friedrich Engels phát minh ra từ ngữ « Chủ-nghĩa xã-hội khoa-học, » những người « mác-xít » đã áp dụng đến mực nào phương-pháp luận

lý và lý trí mà họ đã từng hãnh-diện về chủ nghĩa xã-hội khoa học của họ ? Họ đã thực-hiện việc kiểm thảo chủ-nghĩa của họ ra sao ? Nói một cách khác, đối với những đề tài học tập có tính cách hầu như giáo điều như vậy, họ đã bị ràng buộc hết sức chặt chẽ và sâu xa như thế nào ? Họ giữ thành tín đến mức nào đối với những nguyên tắc và thái-độ chính-trị nhắc nhở đến một giáo lý căn bản gần như chí-tôn không thể bị lay chuyển được ?

Chính văn-đề phương-pháp tự nó cũng có sự quan-trọng lớn lao. Tất cả những kẻ nào theo xã hội chủ-nghĩa ưa thích suy-nghĩ đều tự đặt những câu hỏi này. Chúng ta có thể hoài-nghi cái gì ? Hơn nữa, chúng ta chỉ có quyền hoài nghi thôi ư ? Nhưng có một văn-đề thứ hai nữa, xuyên qua những cuộc tranh luận sôi nổi về chủ-nghĩa xét lại. Nếu giáo điều là tai họa của thái-độ khoa học thì ngược lại sự thất bại chính là hiểm nguy của giáo điều. Có thể nào họ bị lầm chằng vì trong lịch-sử có những lỗi lầm không phải chỉ là một sự điên cuồng, mà còn là những tội ác rõ rệt. Chính Karl Marx cũng khác biệt với những người Cộng-Sản mà mục đích chỉ là tiêu-diệt tự-do cá nhân, và có tham vọng biến thế giới thành một trại lính không-lố, hay là một kho chứa hàng vĩ-đại. Vậy thì, đến mức nào những con người Mác-Xít, cảm thấy hiểm nguy, nhận ra khúc quanh có thể đưa đến tai họa ? Ai đã báo động cho thế-giới biết ?

Tất cả sự kiện đó có thể nằm trong phạm-vi các cuộc tranh luận lý-trí,

và tình cảm đạo đức. Nhưng với cuộc cách mạng Bôn Sơ Vích 1917, với sự thiết lập Liên Bang Xô-Việt, ta thấy rằng những văn-đề chính giáo và tà giáo trở nên sinh tử đối với những tư tưởng gia cá nhân, và bản chất chính trị của quyền hành giữa những đảng phái chính trị và những « Nhà nước — quốc gia ». Tháng 11 năm 1957, một bản tuyên-ngôn do 12 đảng Cộng-Sản đồng ký tên ở Mạc-Tư-Khoa đã tố cáo « Chủ-nghĩa xét lại » như một « hiểm họa tệ hại nhất » đe dọa chủ-nghĩa Cộng-Sản thế-giới. Năm 1960, một phát ngôn nhân Nga-Xô cho rằng những kẻ chủ trương xét lại đều là những tay sai của đế quốc. Cuốn « Tự điển chính-trị » Nga-Xô định nghĩa chủ nghĩa xét lại như một trào lưu trong phong trào giai cấp thợ thuyền ; trào lưu này, có lợi cho giai cấp trưởng giả, tìm cách làm giảm giá trị, nhứt nhuệ khí và phá hoại Cộng Sản chủ nghĩa bằng sự xét lại, nghĩa là bằng cách kiểm điểm lại, bóp méo, hay phủ nhận những giáo điều căn bản của mình. Tác-giả một bài báo đăng trong tạp-chí « Moskva » đã tuyên bố : « Hoặc chúng tôi tiêu diệt chủ nghĩa xét lại, hoặc chúng tôi bị nó tiêu diệt. Không còn đường nào khác nữa ».

Những người chủ trương xét lại đầu tiên

Làm sao mà kẻ tà giáo lại bị ghê sợ, và ghét bỏ hơn là kẻ không tin ? Trong trường hợp này vừa có sự mỉa mai bi thảm và sự cuồng nhiệt lý tưởng. Giáo sư Sidney Hook, một

người Mác-Xít theo chủ trương xét lại, đã viết : « Những người theo chủ nghĩa xét lại nổi tiếng nhất trong lịch sử chủ nghĩa Mác Xít lại chính là những người Bôn-Xơ-Vích. Ngay sự chiến thắng của chủ nghĩa Bôn-Xơ-Vích trong suốt bốn mươi năm năm vừa qua đã là một biện bác học thuyết chủ nghĩa duy vật sử quan theo ý nghĩa mà Marx đã hiểu. Phương thức quyết định chính trị xác định hình thức sản xuất kinh tế chứ không phải ngược lại... Điều người ta tô cáo là chủ nghĩa xét lại ở Liên Bang Xô Viết, không phải chỉ là sự xét lại chủ nghĩa Karl Marx mà là sự duyệt lại chủ nghĩa xét lại Bôn Xơ Vích ».

Trong một dịp nhắc nhở đặc biệt, ông Edouard Bernstein, người thường được gọi là ông tổ của chủ nghĩa xét lại tuyên bố : « Chúng ta không nên quên rằng chính Marx và Engels cũng đều là kẻ chủ trương xét lại ở thời họ. Thực vậy, họ là những người của « xét lại chủ nghĩa » lỗi lạc nhất trong lịch sử Xã-hội chủ nghĩa ».

Hai tác giả cổ điển của chủ nghĩa Mác Xít cũng đều cảm thấy rõ rệt mối hiểm họa và ý thức được sai lầm. Marx, như đã nói trên đây, đã cảnh giác để phòng chống lại những lẽ lỗi sai lạc dẫn đến việc tiêu diệt tự do cá nhân. Engels cũng chẳng mấy ưa chủ nghĩa giáo điều và thái độ thiếu thực tế ; trong bài đề tựa vào năm 1895, kiểm điểm lại những biến cố từ năm 1848, ông ta

nhìn nhận : « Lịch sử đã chứng tỏ rằng chúng ta đã lầm lẫn, và quan điểm của chúng ta ở thời đại đó chỉ là một ảo tưởng... » Sau cái chết của Marx vào năm 1883, chính Engels đã yêu cầu Edouard Bernstein (một người trí thức Do-Thái Đức như Marx) làm kẻ chấp hành văn nghiệp của ông. Bernstein đã sống gần gũi suốt năm năm ở Anh Quốc với Engels, vì ưa « thực tế » của Bernstein hơn là Karl Kautsky. Chính Kautsky trở nên người bảo vệ chính giáo chống chủ nghĩa xét lại cho đến lúc đến lượt ông lại bị Lénine và các bộ hạ trung thành lên án là kẻ bội giáo.

Bernstein viết : « Tôi bắt đầu nghi ngờ các chủ nghĩa ». Ông ta thắng thắn trên phương diện trí thức, và đủ can đảm để chấp nhận những điều « không xác thực » của Ông ta, để ngạc nhiên về « những sự chông chéo », để tin tưởng rằng không có gì « vượt lên trên các cuộc tranh luận » nếu không phù hợp với các sự kiện, và sự thật hiển nhiên : « Những ảnh hưởng quyết định về tư tưởng của tôi, một kẻ theo Xã hội chủ nghĩa, không thuộc về loại chủ nghĩa, mà thuộc về các sự kiện buộc tôi phải sửa đổi tư tưởng làm nòng cốt cho những tin tưởng của tôi ». Khi đảng phái của ông bác bỏ một vài quan điểm của Ông, Ông vẫn giữ vững ý mình, và tuyên bố một cách đường hoàng : « Lá phiếu của một hội nghị dẫu cao cả thế nào chăng nữa cũng không thể làm tôi chối bỏ những quan điểm mà tôi đã thấu lượm được qua sự khảo

BÀN SƠ LƯỢC VỀ « CHỦ NGHĨA XÉT LẠI »

sát những hiện tượng xã hội ». Phải chăng có một sự xụp đổ quá sớm của tư bản chủ nghĩa ? Có thể nào có được một chuyển biến hòa bình hướng về xã hội chủ nghĩa ?

Không thể có một chủ nghĩa nào vượt trên sự phê bình cả, và ông ta đề nghị đặt tên lại cho triết thuyết của mình : « chủ nghĩa xã hội phê bình » sự hoài nghi và thực nghiệm của Ông đã làm phật ý những người phàm bình Ông : Rosa Luxemburg và Kautsky đã lên án Ông là đã nhìn thê giới « dưới nhãn quan Anh-Cát-Lợi ».

Trong một bức thư nổi tiếng mà Bernstein đã gửi cho August Bebel vào năm 1898, Ông tuyên bố : « Tôi đã cố gắng kéo dài giáo huấn Mác-Xít để cho giáo lý Mác-Xít phù hợp với những điều thực tế... Tôi muốn cứu Marx ! Tôi muốn chứng tỏ rằng Marx đã tiên đoán tất cả điều gì đã xảy ra, và cái gì đã không xảy ra... Một lần, người ta đã hỏi tôi mấy câu vô hại, và khi tôi đáp theo lời cổ điển, thì đi đời rồi ! Tôi tự nhủ : Tình trạng này không thể nào để tiếp tục được nữa. Cố gắng hòa giải điều không thể hòa giải nổi chỉ vô ích mà thôi. Điều cần thiết là làm rõ ràng điều mà Marx nói đúng và điều Marx sai lầm ». Năm 1929 (Ông ta gần 80 tuổi) Bernstein tuyên bố trong một cuộc nói chuyện riêng (nhưng ông ta hạ thấp giọng như sợ có ai nghe thấy) : « Những người Bôn-Xơ-Vích đã có lý khi nói rằng Marx cũng là người trong bọn họ, Ông có biết không Marx đã có một khía cạnh rất là Bôn-Xơ-Vích ».

Điều rõ rệt và lý thú là những vấn đề liên hệ tới phương pháp và cách hành văn. Trong tất cả các cuộc bàn cãi đầu tiên về chủ nghĩa xét lại, cả hai bên đều có chỗ sai và đúng. Trong số các giấy tờ tìm thấy sau khi Bernstein chết, có những giòng chữ ghi chú nguệch ngoạc trên chiếc phong bì, Bernstein đã tuyên bố văn tắt :

« Những nông dân không bị tiêu vong, giai cấp trung lưu không biến mất, những cuộc khủng hoảng không phải càng ngày càng trở nên nghiêm trọng, sự đói khổ và bóc lột không lan tràn ». Thật là đúng. Chủ nghĩa tư bản chẳng những không chết mà còn có một tương lai vững chắc, một sự thịnh vượng không ngờ, và thậm chí nhuần tnh thần dân chủ. Cùng lúc đó, Kautsky chính thông hơn và bi quan hơn, phỉ báng ảo tưởng hòa bình và tiên bộ, tiên đoán sẽ có chiến tranh và tai họa (« krisen », « kriege », « katas-trophen »). Không ai có thể phủ nhận được tính cách xác thực của sự tiên đoán gồm ghê đó phát biểu rất lâu trước khi xảy ra hai trận thế chiến, và cuộc khủng hoảng kinh tế vĩ đại. Cả hai tai họa đều mang những nét chính yếu của một thực tại lưỡng hiệu. Ta chỉ cần nghĩ đến nước Đức, quê hương của Bernstein là đủ : Ông ta đã có lý vào năm 1904, nhưng lại nhầm vào năm 1914, nhầm năm 1932 nhưng lại có lý năm 1962.

Lénine, Trotsky, Plekhanov

Không có một nhà tiên tri nào hoàn toàn đoán đúng cả mọi sự và những nhà tiên tri giả hiệu cũng có

đôi khi nói đúng một phần nào. Điều đó đã được lịch sử những người Mác-xít Nga Xô và Đức chứng tỏ. Lénine đã có hôm phản đối về ý niệm (thời đó được Trotsky bênh vực) cho rằng một nền độc tài vô sản có thể không căn cứ trên « đại đa số lớn lao của dân tộc » và Ông ta tiên đoán :

« Kẻ nào cố gắng đặt tới xã hội chủ nghĩa bằng những con đường khác với đường lối dân chủ chính trị, chắc chắn sẽ đi đến những kết luận phi lý và phản động trên cả bình diện kinh tế lẫn chính trị ».

Một lần khác, trước cuộc cách mạng 1917 rất lâu (và trước khi Staline toàn thắng) Trotsky đã phản đối lại quan niệm của Lénine, quan niệm một đảng phái âm mưu và cách mạng :

« Guồng máy của Đảng sẽ chiếm chỗ của chính đảng đó. Ủy Ban Trung-ương sẽ chiếm chỗ guồng máy Đảng và sau rốt, kẻ độc tài sẽ chiếm chỗ Ủy-Ban Trung-Ương ».

Ai xét lại ai ? Lénine xét lại Trotsky hay ngược lại ?

Ngay đến ông thấy già nua lỗi lạc của họ, ông Georges Plekhanov người Nga, kẻ đã bảo vệ chính giáo Mác Xít trong suốt cuộc đời ông ta (1856-1918) đôi khi dường như cũng nhìn theo hai hướng khác nhau. Năm 1903, có một biên cò mà sử gia Isaiah Berlin nhận thấy rằng biên cò đó đánh dấu « điểm cao nhất của một quá trình đã thay đổi lịch sử thế giới ». Một nhà xã hội học Nga

tên Posadovsky đã nêu lên một câu hỏi tại hội nghị dân chủ xã hội Nga ở Bruxelles :

Posadovsky hỏi rằng những người theo chủ nghĩa xã hội loại « cứng rắn » như Lénine và các bạn ông ta, đã nhảu mạnh vào sự cần thiết phải thiết lập một uy quyền tuyệt đối do số người nòng cốt cách mạng của đảng nắm giữ, liệu điều đó có thể đi đôi được với các tự do căn bản mà chủ nghĩa xã hội và cả chủ nghĩa tự do đã chính thức cam kết thực hiện không ? Ông ta lại hỏi tiếp xem những quyền tự do Công dân căn bản — « Sự thiêng liêng của con người » — liệu có thể bị xâm phạm không, nếu những lãnh tụ của Đảng đòi hỏi như vậy ?

Chính Plekhanov đáp : « *Salus Revolutiae Suprema Lex.* » ! « Chắc chắn như vậy, nếu Cách mạng đòi hỏi thì tất cả — nền dân chủ, sự tự do nhân quyền — tất cả mọi thứ đều phải hy sinh... » Ít khi có những lời tâm sự tàn nhẫn như vậy. Thực thể, ở ông ta cũng như ở những nhà trí thức Nga có một sự sợ hãi lan truyền của một chính sách (thốt ra ở miệng nhân vật Chigalev trong cuốn « Possédés » của Dostoïevski) « bắt đầu trong sự tự do không hạn định và kết thúc trong sự tàn bạo không giới hạn ». Ông ta sợ « có một nền độc tài đối với giai cấp vô sản ». Ông ta hoài nghi rất nhiều : « Trong một nước Nga chậm tiến và bán Á-Châu chúng ta đã chẳng mở đầu một công cuộc tuyên truyền chủ nghĩa Mác Xít quá sớm ư ? » Ông

BÀN SƠ LƯỢC VỀ « CHỦ NGHĨA XÉT LẠI »

ta cảnh cáo để phòng những « thuật sĩ của Cách mạng » (chỉ Lénine và các đồng chí của ông) và những lý tưởng của một thứ « chủ nghĩa Cộng sản có tính cách tộc trưởng và độc đoán với một sự khác biệt duy nhất là có một giai cấp những người theo xã hội chủ nghĩa chăm lo việc sản xuất quốc gia thay vì « những Thiên-tử » như ở xứ Pérou... » Ông lo sợ sự thiết lập một chính thể « độc tài phương Đông » mới, và tuyên bố thêm :

« Nếu có một quốc gia nào chủ trương không cho anh quyền chính trị, nhưng có thể bảo đảm sự sung túc vật chất cho anh thì trong trường hợp ấy, anh cũng sẽ không hơn gì những kẻ nô lệ no say, hay một đàn súc vật được nuôi nấng từ tẻ... »

Ông ta rùng mình khủng khiếp khi các đồng chí ông ta tuyên bố câu « thanh toán » 30 năm trước khi xảy ra vụ ám sát Kirov và sự thanh trừng dưới thời Staline sau này.

« Anh hãy tưởng tượng rằng Trung Ương Đảng Bộ, do tất cả chúng ta nhìn nhận, có được cái quyền « thanh toán » mà hiện nay còn ở trong vòng bàn cãi. Sự việc sau đây sẽ xảy ra : Mở đầu hội nghị, ở khắp mọi nơi, Trung Ương Đảng Bộ sẽ thanh toán những phần tử không vừa ý ; ở khắp mọi nơi, Trung Ương Đảng Bộ đặt những tay chân, nhét đầy bọn này vào các Ủy Ban thì tất họ sẽ chắc chắn có được đa số tuyệt đối tuân lệnh ở Đại Hội Nghị chẳng khó khăn gì cả. Đại Hội Nghị gồm toàn tay sai của Trung Ương Đảng Bộ như vậy sẽ

sẵn sàng và ngoan ngoãn kêu : Hoan hô ! Đại Hội Nghị sẽ chấp thuận tất cả các biện pháp tốt hay xấu mà Trung Ương đã đề ra và sẽ tán dương mọi dự án, và mọi sáng kiến của Trung Ương. Như vậy thực ra, trong Đảng sẽ không có thiểu số, hay đa số vì rằng lúc đó có lẽ chúng ta đã thực hiện được lý tưởng của Hoàng Đế Ba-Tư rồi... »

Trong một tinh thần tương tự như Marx và Bernstein, Plekhanov nhấn mạnh về điểm một cuộc cách mạng đích thực chỉ có thể là một cách mạng dân chủ... « Nếu xã hội chủ nghĩa đã được cưỡng bách chấp nhận bằng vũ lực, nó sẽ dẫn đến một biểu thể chính trị như chế độ các Hoàng Đế Trung-Hoa hay Pérou, một chế độ độc tài của Nga Hoàng mới lai căng Cộng-Sản chủ nghĩa... » Trước khi chết (ở Phấn-Lan năm 1918) Plekhanov tố cáo rằng Lénine đã phản bội những lý tưởng mà Plekhanov và Lénine đã cùng tranh đấu. Ông ta còn nhắc lại một cách chua cay lời của Adler, lãnh tụ các người theo xã hội chủ nghĩa nước Áo, thường nói với ngụ ý trách ông rằng : « Lénine đúng là con anh » và ông ta đã đáp : « Đúng vậy nhưng không phải con chính thức ».

Cải cách hay cách mạng — Tự do phóng khoáng và chuyên chế

Vấn đề quy ước « Cải cách hay cách mạng » vẫn là nét lớn của sự phân giới trong phong trào Mác Xít, và một số người phái tả tấn công kẻ chủ

trương xét lại phái hữu với sự cuồng nhiệt và hăng hái của một Rosa Luxemburg. Bà là một nữ chiến sĩ nổi danh người Đức, của chủ nghĩa xã hội bị ám sát năm 1919, bà cho rằng học thuyết tiệm tiến mà những người cải cách rất chuộng đã trở nên một cơ bão chữa cho những kẻ thận trọng để làm rất ít và để làm rất chậm chạp. Bà cho rằng phong trào dân chủ xã hội đã bị ngưng kết lại trong sự mặc nhiên chấp nhận tình trạng hiện tại. Nhưng ngay chính cả người chiến sĩ phái tả này của khuynh hướng « Spartacus » cũng đề cho tinh thần tả thuyết ảnh hưởng. Bà ta chống lại « chủ nghĩa tập quyền cứng rắn » của Lénine, và chống đối một tổ chức âm mưu căn cứ trên sự « vâng theo mù quáng » và « sự lệ thuộc tự động ». Bà đã tranh đấu cho sự chiến thắng của quần chúng, nhưng cảm thấy việc đó không thể thành tựu được nếu không có « tự do báo chí », không có « tự do lập hội », và « hội họp ». Rosa Luxemburg không muốn có một xã hội chủ nghĩa do chừng 12 người trí thức ở trên cao chỉ huy và bắt buộc mọi người theo. Bà ta chắc chắn rằng cuộc cách mạng không cần đến sự khủng bố để đạt những mục đích của nó : « Cách mạng không thêm dùng và khinh bỉ sự giết chóc... » Bà đã chán ghét quan niệm một « khối quần chúng tập hợp thành đội ngũ » và tuyên bố :

« Thực vậy, bất cứ một cơ cấu dân chủ nào cũng đều có giới hạn và sai lầm, đó là những điều mà bất cứ tổ chức nào của con người cũng

đều có cả. Nhưng, liễu thuộc mà Lénine và Trotsky đã khám phá, việc loại bỏ nền dân chủ vì tính cách dân chủ của nó lại còn nguy hại hơn cả tệ đoan mà liễu thuộc đó định chữa ; vì nó đã làm cạn hết nguồn sống có thể sửa lành được tất cả các tật xấu bẩm sinh của mọi cơ cấu xã hội. Nguồn sống đó là đời sống chính trị hoạt động, độc lập, và hiệu động của đông đảo các tầng lớp nhân dân ».

Ở đây, một lần nữa, lại có sự phân chia rõ rệt : không phải giữa người phái hữu và phái tả, giữa người cách mạng và cải cách, mà là giữa những người theo chủ nghĩa xã hội tự do và những người theo chủ nghĩa xã hội chuyên chế. Trong cuốn sách « La Révolution Russe » (xuất bản năm 1922, sau khi bà bị ám sát ở Berlin) Rosa Luxemburg còn đi xa hơn nữa, và tuyên bố :

« ... Sự tự do chỉ dành cho những người về phe chính phủ — những đảng viên của một đảng — dù có đông mấy chẳng nữa, cũng không phải là tự do. Sự tự do tồn tại luôn luôn nơi người nào nghĩ khác với mọi kẻ xung quanh ».

Và sau đây là lời tự kiểm thảo Mác Xít với tất cả những gì tốt đẹp, lạ lùng, và bi thảm nhất trong sức mạnh tiên tri của nó :

« Với sự tiêu diệt đời sống chính trị ở khắp trong nước, nhất định đã tiền của dân Xô-Việt giảm dần. Không có tổng tuyển cử, không có hoàn

BÀN SƠ LƯỢC VỀ « CHỦ NGHĨA XÉT LẠI »

toàn tự do báo chí và hội họp, không có tự do bàn cãi, thì đời sống trong mọi cơ cấu công cộng trở thành một bức họa hoạt kê, trong đó chỉ còn chề độ thơ lại là hoạt động thôi. Không thể thoát khỏi luật lệ đó ! Đời sống công cộng giản sú: dần dần, chỉ còn chừng mây chục lãnh tụ Đảng cực kỳ cứng rắn, có lý tưởng cao lãnh đạo và thống trị. Thực tế trong những số người đó, chỉ độ một chục người đứng đầu lỗi lạc nắm giữ quyền hành và những phần tử tinh hoa trong giai cấp công nhân thỉnh thoảng được triệu tập để hoan hô diễn văn của các lãnh tụ và để đồng thanh chấp thuận những quyết nghị mà họ đưa ra. Nói cho cùng đúng là triều đại của một bè lũ — chuyên chế thì có chuyên chế — nhưng không phải là vô sản chuyên chế mà chỉ là một nhóm chính khách chuyên chế mà thôi . . . »

Georges Lukacs và Ernst Bloch

Tất cả kẻ nào không đồng ý với đường lối của Đảng, đều không mấy khi có dũng cảm tinh thần giữ vững lập trường của họ. Triệt gia Hung-Gia-Lợi Georges Lukacs, người đã tham gia một phần quan trọng trong cuộc cách mạng ở Budapest tháng 10 năm 1956, đã bị xâu xé giữa những ý tưởng và nhiệm vụ của Ông. Ngay từ 1923, trong một tập nghiên cứu nhan đề « Lịch sử và ý thức giai cấp » ông viết :

« Để tiện việc bình luận, chúng ta hãy cho rằng những sưu tầm mới mẻ đã chứng tỏ một cách xác thực là

mỗi một khẳng định của Marx đều hoàn toàn sai lầm trên thực tế. Trong trường hợp này, bất cứ người Mác-Xít chính thống đứng đắn nào đều có thể chấp nhận vô điều kiện tất cả những khám phá mới mẻ. Họ có thể bỏ rơi những luận cương mà chính Marx đã tự tay ký tên, mà không hề từ bỏ chính giáo Mác-Xít. Chủ nghĩa Mác-Xít chính thống không phải là sự nhìn nhận không phê phán tất cả những kết quả của cuộc tìm tòi Mác-Xít. Điều đó không bắt buộc phải có một « niềm tin » ở luận đề nào, và cũng không phải là giải thích một bản văn có tính cách « thiêng liêng » nào. Chính giáo trong các văn đề Mác-Xít hoàn toàn được căn cứ trên một phương pháp. Đó là một tin tưởng trên bình diện khoa học rằng duy vật biện chứng là một phương pháp tìm tòi rất đúng, và phương pháp này chỉ có thể được tăng cường tiếp tục và đào sâu theo hướng mà các người phát minh định cho nó. Tất cả những toan tính để vượt qua nó để « cải thiện » nó, đều dẫn đến hay là chỉ đưa đến sự nông cạn, thô lỗ, và triệt chung chủ nghĩa ».

Ở Âu-Châu, các người cổ võ cho Lukacs đều bị luồng cuồng vì ý niệm của Lukacs vẫn tôn trọng một phương pháp tuy rằng tất cả những điều tiên đoán căn cứ trên phương pháp đó đều đã tỏ ra sai lầm. Những đồng chí của Lukacs ở Đông Âu phần nộ vì sự lệch lạc nguy hiểm đó. Boukharine cho đó là « một sự quay về với học thuyết Hégel thời xưa » và theo Zinoviev (nói trong kỳ hội

ng nghị thứ năm Komintern năm 1924) thì điều đó hoàn toàn không dung thứ được :

« Chúng ta không thể tha thứ cái điều mà đồng chí Hung-Gia Lợi Lu-kacs đang làm trong địa hạt triết lý và xã hội học... Nếu chúng ta còn một vài vị giáo sư loại đó giảng dạy học thuyết Mác-Xít của họ, thì chúng ta tiêu cả rồi ! Chúng ta không thể dung thứ... một chủ nghĩa xét lại lý thuyết như thế trong Quốc Tế Cộng-Sản chúng ta ».

Và cũng không thể nào dung tha được một vị giáo sư khác là Ernst Bloch giảng dạy học thuyết Mác-Xít. Ông ta khởi thảo triết lý và « xã hội chủ nghĩa nhân bản » của ông ta ở Leipzig, Trường Đại Học Karl Marx ở Đông-Đức, và trong cuốn sách của ông nhan đề « Le principe de l'espérance » (nguyên tắc hi vọng) ông ta còn viết như sau : « Nhìn xuyên qua mọi vật không phải là tiêu chuẩn duy nhất của con mắt tinh tường. Chủ trương không nhìn mọi vật như thế nó trong suốt như pha lê cũng là dấu hiệu của một cái nhìn thâu đáo » (Kautsky, 60 năm về trước trong một lúc thành thực cũng đã viết : « Phần đông các đồng chí của ta có ảo tưởng rằng người ta có thể giải quyết mọi vấn đề mà chỉ cần khôn khéo là được. Không phải, có những vấn đề không thể nào giải quyết nổi... »

Giáo sư Ernst Bloch bị trục xuất khỏi Đại Học đường một cách đột đoán. Đảng tuyên bố : « Những triết lý huyền bí về hy vọng không thể đi

đôi được với chủ nghĩa Mác-Xít ». Khác với những môn đệ trẻ tuổi của ông ở Đông-Đức, Bloch không bị bắt hay bị giam, nhưng người ta vẫn lên án ông « đã làm lạc hướng thanh niên »... Các bạn ông nhắc nhở ông một cách hãnh diện và mau lẹ rằng Socrate cũng đã bị kết tội như vậy. Tháng 8 năm 1961, sau khi bức tường ngăn đôi Bá-Linh được dựng lên, nhà triết học 75 tuổi đó tìm cách trốn sang Tây-Đức và đã tiếp tục dạy học ở Đại Học đường Tubingue còn hơn là trở lại nơi mà suốt bao năm trường, ông hoài vọng tìm ra « một tổ ấm thực sự cho con người ».

Cải cách chống lại cách mạng ?

Thật hiển nhiên, chủ nghĩa xét lại không còn là một trò chơi thuộc về tà giáo do một nhóm trí thức với một mớ ý tưởng nữa. Trong suốt hai giai đoạn quan trọng nhất và cam go nhất — giai đoạn đầu vào khoảng cuối thế kỷ vừa qua và giai đoạn sau vào những năm 1950-60 ở Đông-Âu — nó đã ăn sâu vào sự tiến hóa xã hội chính trị của thời đại. Chủ nghĩa xét lại đầu tiên là « kết quả của một thế bí không giải quyết được đối với một đảng chính trị quần chúng mà lý thuyết nguyên thủy là tước bỏ hoàn toàn trật tự đã thiết lập, nhưng, trên thực tế, đã phải tham dự vào cuộc chiến đấu gay go hàng ngày để đoạt lấy thắng lợi chính trị... »

Theo một nghĩa thì, vấn đề « cải cách hay cách mạng » trình bày một xung đột giữa sự cuồng nhiệt và luân lý của lớp người tinh hoa cấp

BÀN SƠ LƯỢC VỀ « CHỦ NGHĨA XÉT LẠI »

tiền. Một mặt những người theo xã hội chủ nghĩa đã bị đẩy tới chỗ dứt khoát với một chế độ thời nát ; mặt khác, những người này cảm thấy có bốn phận phải cải tạo xã hội bằng đủ mọi cách vì quyền lợi của kẻ nghèo nàn, xấu số. Những người Cộng-sản theo chủ trương xét lại (đã bành trướng ở Đông-Âu sau khi Staline chết năm 1953) cũng như những đảng viên xã hội theo chủ trương xét lại cách đó không lâu đã đứng trước một nan giải : lý thuyết chống thực tế. Một khi tội ác đã được vi phạm dưới danh nghĩa chủ nghĩa xã hội Xô Viết (đó là đối tượng của sự giải thích có hệ thống và theo biện chứng pháp), một khi những tội ác đó đã được chính thức tố cáo ở Mạc-Tư-Khoa, mỗi người theo chủ nghĩa Mác-Lênin nào, già hay trẻ, đều đứng trước những vấn đề đau lòng. Những bạo hành của cả một thời đại lịch sử kéo dài một phần tư thế kỷ từ khi có chương trình tàn nhẫn tập sản hóa năm 1929 cho đến cuộc thanh lọc hàng ngũ của Staline năm 1952-1953 ở trong Đảng, liệu có thể chỉ gán cho những lỗi lầm bệnh hoạn của một cá nhân duy nhất không ? Những kẻ chủ trương duy vật sử quan liệu có thể gạt bỏ giả thuyết một duyên cớ xã hội sâu xa không ?

**Wolfgang Harich, Julius Hay,
Milovan Djilas**

Chắc chắn rằng, nếu bao biến cố thảm khốc đã xảy ra như vậy, chính vì có gì trục trặc trong sự cấu tạo phương pháp, nguyên tắc, và giá trị vẫn được

chấp nhận. Ở Varsovie, ở Budapest và ngay cả ở Léningrad, những nhà cách mạng đều trở nên hoài nghi, và dám nuôi dưỡng những ngờ vực. Cũng như những người tên tuổi lừng danh của nền âm nhạc cổ điển (những chữ B nổi tiếng trong tên Bach, Beethoven, Brahms) những chữ B hữu danh sau đây đã làm nổi bật công việc thúc đẩy lại tung ra phong trào xét lại : Bernstein, Bakounine, Boukharine, Bronstein (Trotsky). Một thanh niên phản loạn khác ở Đông-Đức, Wolfgang Harich đã tìm cách gây một diễn đàn chính trị mới (vì lý do đó, anh ta đã bị kết án 10 năm khổ sai ngày 9-3-1957).

« Học thuyết Mác-Lênin cần phải được khai thác và mở rộng qua những tri giác của Trotsky và nhất là của Boukharine, qua những tư tưởng của Rosa Luxemburg, và ít nhiều của Karl Kautsky. Chúng ta cần phải hòa tan vào học thuyết Mác-Lênin những yếu tố có giá trị trong các thuyết lý của Fritz Sternberg và của các nhà tư tưởng xã hội dân chủ khác. Chúng ta cũng phải nhìn nhận một vài yếu tố do kinh nghiệm Nam-Tur cung cấp và những điều đã được rút ra ở những cuộc bàn cãi lý thuyết tại Phần-Lan và Trung-Hoa... »

« Những hy vọng này bày tỏ hơi sớm quá, vì thời gian « Băng tan » (Dégel) không được bao lâu. Nhưng ngay cả khi nhận thấy sự tàn tạ của chủ nghĩa xét lại ở Đông-Âu, một quan sát viên thận trọng phải đi tới kết luận : Sự đòi hỏi của các nhà trí thức

cộng sản Đông - Âu một xã hội chủ nghĩa nhân bản quốc tế và dân chủ, cũng như nguyện vọng quần chúng dưới chế độ cộng sản đòi hỏi một sự tiến bộ kinh tế và một nền độc lập quốc gia thực sự, không thể nào bị cầm chỉ mãi mãi được. Chủ nghĩa xét lại có gốc rễ ăn sâu vào lòng khát khao tự do công bằng và chủ nghĩa xét lại cũng tái sinh như lòng khát khao tự do và công bằng vậy.

Trong cuộc mạo hiểm của tư tưởng Mác-Xít, một trong các nghịch lý là có những người đã được xây dựng để chấp nhận một quan niệm chân lý dựa trên thuyết « tương đối giai cấp » lại trở thành những người cuồng nhiệt say mê chân lý. « Nói lên sự thật phải là điều can bản », như Julius Hay, một chiến sĩ cộng sản tiên phong đã tuyên bố ở Trụ Sở Petöfi năm 1956, và danh từ này trở thành một trong những khẩu hiệu cách mạng của cuộc nổi dậy ở Budapest.

« Người ta phải có quyền chỉ trích bất cứ người nào và bất cứ cái gì ! Có quyền : buồn, yêu, nghĩ đến sự chết. Có quyền không cần tự hỏi xem ánh sáng và bóng tối có cân bằng hay không ? Có quyền tin tưởng uy lực vạn năng của Thượng Đế. Có quyền chỗi bỏ uy lực vạn năng của Thượng Đế. Có quyền nghi ngờ một vài con số ở chương trình ngũ-niên. Có quyền suy tư một cách không Mác-Xít. Có quyền suy tư theo Mác-Xít ngay cả khi tư tưởng mà người ta suy ngẫm chưa trở thành chân lý chính thức... »

Sự tin tưởng ở chân lý ấy, còn thấy ở Milovan Djilas, một người đã bị cầm

tù lần thứ hai năm 1962 ở xứ Nam-Tur của Thống chế Tito vì những bài ông viết. Trong tác phẩm sau rốt (1962) Djilas viết : « Chân lý đang xuất hiện, dầu những kẻ chiến đấu cho chân lý có thể bị tiêu diệt trong cuộc đấu tranh này ».

Cũng như Jean Jaurès đã hy vọng 50 năm trước đây, liệu chủ nghĩa Mác-Xít có chứa đựng những phương tiện để chủ nghĩa đó có thể được xét lại và cải thiện không ? Dầu sao, khắp nơi người ta cũng cho rằng những người theo chủ trương xét lại, theo cách nói của một triết gia Mỹ, « là một hy vọng lớn lao của thế giới để dân chủ hóa thế giới cộng sản ».

Tiến tới một « khai-băng » thường xuyên

Ở phương Tây, nơi mà những đóng góp quan trọng của Cộng Sản chủ nghĩa đã được pha trộn nhiều hay ít vào môn khảo sát khoa học hiện đại về con người và về xã hội, ta thấy có một số ít những kẻ chủ trương xét lại nhiều tính chất hiệu dị nhưng lại ít có ý nghĩa.

Marx đã được liên kết với Freud và cặp đôi với Heidegger cùng Jaspers (ngay cả với Sartre), và cũng phối hợp với cả Thiên Tông, Phật giáo. Những người Mỹ đã thử tìm cách truyền vào Chủ Nghĩa Mác-Xít, cái triết thuyết của John Dewey và người Anh lại truyền vào đó hệ thống kinh tế của John Maynard Keynes. Về phần những người Pháp theo chủ nghĩa tân Mác-Xít, họ tìm những nguồn mạch mới của một chủ nghĩa lý tưởng lãng mạn. Thực vậy, Jean

BÀN SƠ LƯỢC VỀ « CHỦ NGHĨA XÉT LẠI »

Duvignaud kết thúc cuộc sưu tầm về tân Mác-Xít chủ nghĩa ở Pháp, đăng trong tạp chí *Soviet Survey* ở Luân Đôn năm 1960 với những cảm-tưởng sau đây :

« Những mơ ước của thế kỷ 19 chắc chắn phù hợp với những nhu cầu căn-bản nhất của con người, và với sự đói kém khủng khiếp đã từng làm suy nhược xã-hội loài người từ hàng ngàn năm nay... Nhưng thời kỳ đó đã qua rồi. Làm sao mà những mộng tưởng của con người có thể cứ y hệt như những mộng ước cách đây hàng thế kỷ được ? Chả nhẽ lại không có những nhu cầu và mộng tưởng mới mẻ nữa hay sao ? Hay là chúng ta lại sống tối tăm trong những ảo-tưởng của thế - kỷ vừa qua, và dựng lên các thần tượng trước mặt những con

người đã hoàn toàn từ bỏ các thần tượng này. Sự phục vụ tốt đẹp nhất, và lòng kính mến thành thật nhất mà chúng ta có thể làm để tỏ lòng tưởng nhớ đến Marx là đòi xử với chủ-nghĩa Mác-Xít, như chính Marx đã đòi xử với các hệ thống tư tưởng của thời ông. Như vậy có nghĩa là : Tung ra một thách đố cho tổ-chức xã-hội đã được xây dựng trên danh nghĩa của ông và xác định rằng những mộng-tưởng mới phải được phát minh cho một thế-giới mới... »

Theo khẩu hiệu của những thanh niên nhiệt thành của tạp-chí *Phản Lan Octobre* thì : « Tư-tưởng còn có ở trước mặt cả một tương lai vĩ-đại ! ».

MELVIN J. LASKY
ĐỖ-QUÂN lược dịch

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, *Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội)* — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23 742

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclepropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.
Installations de gazothérapie.*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC
66, GIA-LONG — SAIGON

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOW LOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ

★ NGUYỄN-PHƯƠNG

KHI đã thấy địa vị của Sử học trong các ngành khoa học của loài người, chúng ta nên tìm cho biết lịch sử là gì.

Theo tiếng Hán Việt thì lịch có nghĩa là đã qua và sử có nghĩa là những gì miệng nói hoặc tay làm. Nói chung lịch sử chỉ về các việc người ta đã làm cũng như những lời người ta đã nói.

Nhìn kỹ hơn một tý vào cách dùng thông thường của tiếng đó, chúng ta có thể thấy nó bao hàm ba ý nghĩa, khi thì nhấn mạnh vào tính cách đã qua của sự việc, nghĩa là nhấn mạnh vào chữ lịch, và lịch sử bấy giờ là những việc làm và lời nói thuộc về phạm vi quá khứ ; khi thì nhấn mạnh vào sự nó đã được lưu lại cho đến ngày nay nhờ người xưa đã bỏ công ghi chép lại và lịch sử bấy giờ đồng nghĩa với tiếng sử ký (ký là ghi chép) ; sau hết, có khi lại nhấn

mạnh vào việc tìm tòi thời sự quá khứ, bởi vì muốn biết sự thật đã qua, người ta phải khó nhọc từ bỏ thế giới hiện tại để lùi về khoảng thời gian không còn nữa với những điều kiện riêng của nó, nhiều khi rất khác với các điều kiện hiện tại, và bấy giờ lịch sử có ý nghĩa giống như tiếng sử học.

Trong các ngôn ngữ Tây phương, những tiếng chỉ về lịch sử, chỉ có tiếng Đức *Geschichte*, bởi động từ *geschehen* (xảy ra) là chỉ có nghĩa « sự việc đã xảy ra », và không bao hàm ý kiến ghi chép tìm tòi, còn các tiếng khác, như tiếng Hy Lạp *istoria*, hay tiếng La-Mã *historia*, hay sau đó, tiếng Pháp *histoire* hay tiếng Anh *history* đều gồm tóm ba ý nghĩa vừa nói. Sau đây chúng tôi xin giải thích dài dòng hơn về các ý nghĩa.

1.— *Lịch sử*. Trước hết, Lịch sử là những gì xảy ra trong quá khứ về con

người. Nó là thời sự quá khứ của thế giới nhân văn, và của thế giới thiên nhiên, trong những gì có liên quan đến con người. Nó là việc đã qua, nên cố nhiên nó đã có một hình thức nhất định, nhất định trong thời gian, vì nó đã bắt đầu trong một thời gian nào đó và cũng đã hết trong một thời gian nào đó; rồi nó nhất định trong sự việc, vì nó đã diễn tiến bằng một cách nào đó và cũng đã kết thúc bằng một cách nào đó. Người ta không gọi lại được thời gian qua, người ta cũng không làm lại được việc đã làm, vì hoàn cảnh của lần làm lại không bao giờ có thể là hoàn cảnh của lần đầu. Như thế, người ta nói lịch sử có tính cách tuyệt đối và khách quan.

Lại, việc xảy ra cũng là việc thay đổi người ta thường nói không có gì xảy ra. Theo định nghĩa, thì thay đổi là chuyển từ hình thái này qua hình thái khác, từ tình trạng này qua tình trạng khác. Vì vậy, hễ đâu có sự chuyển biến là ở đó có thể có lịch sử. Người ta nói đến lịch sử quả đất chẳng hạn, để chỉ những thay đổi xảy ra về quả đất. Và người ta cũng nói đến sự anh hùng tạo nên lịch sử để chỉ những nhân vật thay đổi được bộ mặt của một địa phương, của một quốc gia, của một thời đại, tức là những việc khác thường, xuất chúng.

Những thay đổi trong quá khứ như vậy gọi là kinh nghiệm. Tất cả kinh nghiệm, trực tiếp hay gián tiếp, của con người làm thành lịch sử. Những gì con người đã làm, những gì con người đã nói, những gì con người đã cảm nghĩ, đều thuộc về phạm vi lịch sử. Sự lịch sử có một cánh đồng mông mênh như vậy,

không phải là một quan niệm mới. Người xưa đã cho rằng lịch sử bao hàm tất cả hoạt động của con người : *quidquid agunt homines*. Nhưng ngày nay, các học giả càng chú trọng đến điểm đó hơn và cố xô đổ mọi hàng rào có thể ngăn chặn cánh đồng đó lại.

Một điều nên nhớ là với cánh đồng rộng rãi, phong phú đó, lịch sử không phải gồm những sự kiện tổng quát, mà trái lại nó được làm thành bởi những sự kiện riêng rẽ, duy nhất. Những sự kiện của lịch sử là những sự kiện có một không hai, vì nó xảy ra trong một thời gian nhất định, dưới một hình thức nhất định, (như đã nói trên), và ở một địa điểm nhất định nào đó. Nói cách khác, sự kiện lịch sử không thể lặp lại được hoàn toàn. Một việc sau có thể có một số điều kiện tương tự như một việc trước, chứ không thể nào có hết được tất cả mọi điều kiện, vì ít nhất việc sau không hề có điều kiện thời gian của việc trước. Sự kiện lịch sử riêng rẽ, không lặp lại được hoàn toàn, nhưng không phải vì thế mà nó trở thành vô dụng. Nó vẫn lặp lại một phần nào, và phần được lặp lại đó đã đủ để làm bài học dạy đời, nên không thể nói được như Fustel de Coulanges rằng : lịch sử là vô dụng (*l'histoire ne sert à rien*).

Nên nhớ nữa là tính cách duy nhất của sự kiện lịch sử nói đây không loại trừ tính cách phức tạp của nó. Một việc duy nhất có thể rất phức tạp và có thể có một phạm vi xa rộng trong thời gian và không gian. Nó không thể là một tổng quát hóa, nhưng nó rất có thể là một việc to tát, rộng rãi, mà cụ thể, duy nhất, như khi nói Triều đại

nhà Trần, hay đời Lê - Thánh - Tôn, chẳng hạn.

Nhưng, bấy nhiêu chưa phải là đã nói hết về sự kiện lịch sử. Lịch sử, như đã nói trên, là những việc đã xảy ra về con người. Mà con người là một con vật xã hội. Bởi đó, mặc dầu, theo nghĩa rộng, tất cả mọi sự việc xảy ra về con người đều thuộc về phạm vi lịch sử, thì theo nghĩa hẹp, vẫn còn phải ghi thêm rằng, sự kiện lịch sử thực sự phải là những sự kiện có quan hệ đến đời sống xã hội của con người. Muốn cho có giá trị lịch sử, một sự kiện phải có một ảnh hưởng nào khả dĩ gây nên một thay đổi trong cuộc sống chung, và sự thay đổi này càng to lớn, sâu xa, giá trị lịch sử của sự kiện đáng kể. Chẳng hạn, người ta không để ý đến việc tiêu hóa thường ngày của con người và không cho việc đó là một việc lịch sử, mặc dầu việc đó cũng là một việc quan trọng cho đời sống riêng tư của con người. Trái lại, người ta kể là điển hình về phương diện sự kiện lịch sử những biến cố gây âm hưởng lớn trong phạm vi chính trị, kinh tế, tôn giáo, v.v... Vì vậy, biến cố lịch sử nổi vượt lên trên các việc xảy ra hàng ngày của xã hội con người cũng giống như những cây cổ thụ nổi bật lên trên cây cối bụi bờ chung quanh. Và cũng vì vậy, biết các biến cố nổi bật của lịch sử đó mà thôi không đủ, người ta còn cần phải tìm hiểu các việc khác xảy ra trong xã hội làm bối cảnh cho các biến cố đó, vì có hiểu như vậy người ta mới có thể đánh giá đúng đắn biến cố nổi bật kia.

Khi nói rằng không phải mọi biến cố, mọi sự kiện có liên quan đến con người

đều là biến cố, đều là sự kiện có giá trị lịch sử cả (theo nghĩa hẹp của nó) mà chỉ những biến cố, những sự kiện, có ba động lớn đến xã hội, chúng tôi đã có ý nêu lên rằng vẫn có một sự lựa chọn trong lịch sử, có một sự lựa chọn trong các việc xảy ra. Nhưng chính khi nói đến lựa chọn, là cùng lúc đó cũng nói rằng lịch sử không còn tuyệt đối nữa, mà bắt đầu tương đối, nó không còn hoàn toàn khách quan nữa, mà bắt đầu chủ quan. Đến đây, sự kiện lịch sử tỏ ra không còn chỉ là một sự kiện suông, đã xảy ra, duy nhất, mà nó còn phải là một sự kiện quan trọng.

Nhưng quan niệm thế nào là quan trọng và sự kiện nào quan trọng nhiều hay ít, là tùy sự phán đoán của từng người, của từng địa phương, của từng thời đại. Tính cách tương đối và chủ quan này trong các sự kiện lịch sử càng thấy được rõ hơn khi chúng ta xét đến ý nghĩa thứ hai của tiếng lịch sử sau đây.

2.— *Sử ký*. Nếu sự lựa chọn giữa việc quan trọng và việc không quan trọng, hoặc giữa việc quan trọng nhiều và việc quan trọng ít, mà còn bị vào vòng chủ quan bởi sự không sáng suốt của trí phán đoán, thì khi một người nào đó, với một trình độ kiến thức nào đó, với một tài năng trước tác nào đó, với một thứ ngôn ngữ phong phú ít hay nhiều nào đó, thấy một sự kiện lịch sử mình cho là quan trọng và bỏ công cầm viết diễn nó lại, thì kết quả của công trình diễn lại này càng lệ thuộc biết bao vào những điều kiện riêng của người cầm viết. Vậy mà lịch sử không thể có, nếu không có kết quả của công trình diễn lại như vừa nói thường gọi là *Sử Ký*.

Thật thế, bất cứ tài liệu sử ký nào do người đời để lại đều trải qua một tiến trình hình thành đầy dấu vết chủ quan. Muốn diễn lại, trước tiên người viết phải dùng giác quan để thấu nhận. Dùng giác quan để thấu nhận, vẫn mỗi người làm một khác, và nơi mỗi người lại có thể mỗi lúc một khác. Rồi lý trí phán đoán về kết quả của sự việc giác quan thấu nhận được cũng không phải giống nhau ở mỗi người, mà bao giờ cũng vậy, có phán đoán người ta mới lĩnh hội được. Hơn nữa, khi người ta cố gắng để truyền chuyển những điều mình đã hình dung được trong óc, người ta cũng không làm ai giống ai. Người ta diễn lại thế này hay thế khác tùy theo cảm tình, thành kiến, trình độ chú ý, trình độ kiến thức, tài năng, tùy theo bấy nhiêu kẻ đã nhiều rồi, mà còn tùy theo ý muốn của người diễn nữa.

Trong tình trạng chủ quan nhiều hay ít đó, các tập sử ký thường được chia làm ba loại. Trước hết là loại thuật chuyện. Loại này có lẽ đã xuất hiện sớm nhất để đáp lại cho nhu cầu xã hội của con người, bao giờ cũng hiếu kỳ, muốn nghe chuyện và muốn thuật chuyện mình đã nghe được. Với mục đích tìm vui và mua vui, câu chuyện được thuật lại rất dễ bị xuyên tạc khi chuyển từ người này qua người khác. Giai thoại, chuyện anh hùng, rất chóng được tô vẽ, nhất là khi được truyền chuyển dưới hình thức thi ca. Nhưng cũng có những câu chuyện được thuật lại chỉ với mục đích để ghi nhớ và bấy giờ nó được vẽ rắn rồi, trang nghiêm. Đó là trường hợp những bản danh sách các triều đại, các vua, những tập gia phả, ngọc phả, những bản tường thuật thành tích của các

bậc đế vương. Dầu vậy, trong các bản tường thuật thành tích cũng không khỏi xen vào những nét tô vẽ, và người đọc sử luôn luôn phải chú ý để phân biệt cho khỏi nhận lầm.

Loại thứ hai là loại những bài dạy đời, như dạy vua chúa về cách trị dân, hay dạy mọi người về đạo trung-hiếu, hay dạy võ sĩ cách chiến thắng. Loại này cũng xuất hiện sớm không kém gì loại trên là bao nhiêu, vì người đời sớm tìm lợi cũng như sớm tìm vui. Thời xưa, có người như Dionysius Halicarnassus đã nói « lịch-sử là phép giáo hóa bằng gương mẫu ». Kinh *Xuân Thu* của Khổng-Tử cũng là một ví-dụ rõ.

Nhưng nếu loại sử-ký thuật chuyện vẫn được các học giả tôn-trọng cho đến ngày nay, thì hạng sử phẩm có mục-đích giáo dục này lại đã bị nhiều người lên tiếng công kích. Căn - bản họ dựa vào để chê bác loại sử phẩm giáo dục là sự lịch sử không thể lập lại được. Nhưng như đã nói trên, sự kiện lịch-sử vẫn có lập lại, không nhiều thì ít, mặc dầu không bao giờ hoàn toàn, nên lịch-sử vẫn có giá-trị giáo dục. Vì vậy, không phải ít số những sử gia lên tiếng bênh vực giá-trị giáo-dục của lịch-sử. James V. Bryce chẳng hạn đã không ngần ngại nói : « Xét về mặt áp-dụng vào thực tế, kết luận của lịch-sử có giá-trị đích thực không phải cho học giả mà thôi, mà cho các chính-trị gia nữa. Người ta tránh được nhiều lầm lỗi nếu các chính khách và những nhà lập hiến có sẵn trong óc một số những châm ngôn cứng cỏi ».

Sau hết là loại sử phẩm tiến-hóa do các sử gia Đức chủ trương. Các ông như

Herder và Niebuhr muốn nghĩ rằng lịch-sử là một dục những sự-kiện, không phải rời rạc nhau, chỉ nối đuôi nhau như những mẩu chuyện riêng rẽ được sắp lại kế-tiếp nhau, mà đó là những sự kiện có nguyên nhân, có hậu quả, sự kiện trước là nguyên nhân cho sự kiện sau, và sự kiện sau là hậu quả của sự kiện trước, rồi cứ theo tương quan nhân quả như vậy các sự kiện lịch-sử đã có một đà tiến hóa từ quá khứ cho đến hiện tại. Loại lịch-sử này không loại trừ tư-tưởng giáo-dục, nhưng không lấy chỗ đó làm chủ điểm. Bắt đầu từ thế kỷ 18, loại sử phẩm tiến hóa này đã giúp rất nhiều trong việc làm cho lịch-sử trở thành một khoa học. Loại lịch sử này cũng đã gợi hứng cho những quan điểm lịch-sử lớn như quan điểm các đợt tranh đấu giai cấp qua tiến trình thời-gian của Mác chẳng hạn.

3.— *Sử học*. Chúng ta đã thấy lịch-sử là thời sự quá khứ, nó tuyệt đối, nó khách quan, nó duy nhất. Nhưng chúng ta cũng đã thấy lịch-sử lại là sử ký, nghĩa là những văn tịch kể lại thời sự quá khứ và bởi đó, nó tương đối, nó chủ quan, nó bị vào khuôn khổ của ngôn ngữ và tài

năng của người ghi lại. Nếu chỉ có thế thì bộ mặt của lịch sử thành ra thiếu nào biết bao. May sao lịch-sử lại còn có nghĩa là sử học, nghĩa là một công trình nghiên-cứu thời-sự quá khứ, và ghi chép lại thời sự quá khứ theo một phương-pháp khoa học thường gọi là phương pháp sử học để cố gột rửa, được bao nhiêu hay bấy nhiêu, dấu vết tương đối, chủ quan, dính vào nơi các sử phẩm. Biết quá khứ qua sử-ký, qua sử liệu, cố nhiên chúng ta phải cẩn thận kê cứu, khảo chứng, mới khỏi sai lầm, và kê cứu, khảo chứng để tìm cho ra chân lý của thời-sự quá khứ như vậy gọi là sử học. Những bài tiếp theo chúng tôi sẽ nói dài dòng về phương-pháp sử học này.

Đến đây, chúng ta thử trả lời một cách vắn gọn và đầy đủ cho câu hỏi : Lịch-sử là gì ? Gồm ba ý-nghĩa của tiếng lịch-sử như vừa trình bày, chúng ta có thể nói : Lịch-sử là những việc đã xảy ra liên-quan đến con người sống trong xã-hội và được ghi chép lại đúng theo phương-pháp sử. Hay vắn tắt hơn : Lịch-sử là con người hiểu biết về quá khứ của mình.

NGUYỄN-PHƯƠNG

- Tất cả chúng ta đều tìm hạnh phúc, nhưng không biết nó ở đâu, cũng như những người say rượu tìm nhà họ, biết mơ hồ rằng họ có một cái nhà ở đâu đó.

Khuyết-Danh

- Người nào không còn cảm thấy cái gì lạ lùng cũng không kinh ngạc điều chi, thì kẻ như đã chết ; mắt họ đã tắt đi rồi.

A. Einstein

- Người ta quên lỗi mình khi đã thú cùng một kẻ khác, nhưng thường thì kẻ này lại không quên.

Nietzsche

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000 000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

vô-quang-yên

ÓC NÀO ĐIỆN TỬ

ÓC não con người dù tiến bộ đến đâu cũng không làm nổi việc của cuộc sống mới. Dần dần các bộ não nhân tạo ra đời, không phải để thay thế mà để phụ trợ bộ não con người. Hiện nay người ta chế ra được nhiều bộ não điện tử vô cùng hoàn hảo có thể nhân lên gấp bội trí thông minh của con người.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	10	11	100	101	110	111	1000	1001	1010	1011	1100	1101

Tuy dùng một số chữ lớn gấp ba, hệ thống này là một sáng tác tài tình và hay ho vì lúc ban đầu, thường các bộ máy chỉ trả lời được « có » hay « không », dùng dấu + hay dấu -, và trong trường hợp này, dùng hai con số 0 và số 1. Vào thế kỷ 19, nhiều nhà sáng chế như THOMAS DE COLMAS, LÉON BOLLÉE, MONROE, FRIDEN đưa ra thị trường nhiều kiểu máy Leibniz. Đồng thời một người Anh, BABBAGE, cũng chế ra một

300 năm sửa soạn

Thật ra óc não nhân tạo không phải là con sinh của thế kỷ 20. PASCAL, năm 1642, đã chế ra một cuốn sổ có bánh xe dùng làm các phép cộng. 30 năm sau, LEIBNIZ, cho ra đời một bộ máy không những làm được phép cộng mà còn biết nhân. Ông đặt ra một hệ thống đánh số chỉ dùng hai con số 0 và 1 :

máy tính khổng lồ, dựa theo hệ thống máy dệt Jacquard. Nguyên tắc máy này giống hệt nguyên tắc những bộ máy tân thời với bộ não nhân tạo và các cơ quan số học, điều khiển. Cuối thế kỷ 19, HOLLERITH sáng nghĩ ra các tấm gạt có đâm lỗ. Vào thời ấy, một ông chủ nhà tang nghi ở Chicago, STROWGER, vì ghét các cô làm việc ở sở dây nói, cậy người cháu khám phá ra cách để khởi tiếp xúc các cô ấy. Từ đấy sinh ra điện thoại tự

động, trong nhiều thành phố lớn người ta có thể gọi dây nói thẳng với nhau mà chẳng phải qua nhà bưu điện. Và cũng từ đây người ta tin có thể chế ra máy tính thật sự : bộ não sẽ là những tấm cạt dăm lỗ, có những đèn vô tuyến điện chỉnh lưu, và những tế bào thần kinh là những trạm bưu thoại.

Nhưng khoa học phải đợi đến 1937 mới nghĩ cách cho ra đời chiếc máy đầu tiên. Hai người sáng chế ra là ECKERT và MAUCHLY, ở một viện đại học nhỏ trong tiểu bang Philadelphie bên Hoa-Kỳ. Máy đặt tên là Electronic Numerical Integrator and Automatic Computer, gồm có 30 ngàn ống điện tử. Lần đầu tiên môn điện tử được đem ứng dụng, một điều rất quan trọng vì với điện tử theo lý thuyết, tốc độ của máy có thể nhanh như ánh sáng. Nhưng chiếc máy này đóng cho quân đội để tính các bản bắn súng mà chỉ xong 9 tháng sau khi trận đại chiến chấm dứt nên quân đội không để ý đến nữa.

Mười năm quên bỏ. Ngày 28-6-1946, viện khảo cứu Princeton cho ra thông cáo quyết định tương lai các bộ máy điện tử. Ba nhà chuyên môn ký tên : John von NEUMANN, Arthur W. BURKES và Hermann H. GOLDSTINE. Các ông cho vào máy không những nhiều số để làm một trí nhớ vĩ đại mà còn muốn thêm vào trí thông minh. Như vậy, máy sẽ không chỉ nằm trong phạm vi các con số đã được ghi chú trước mà còn có thể tự tính lấy những con số cần dùng.

May cho các ông, khoa học trong thời kỳ ấy tiếp tục khám phá ra được nhiều điều bổ ích cho công cuộc thực hiện máy tính như bộ não thủy ngân của bác sĩ

ALEXANDER, bộ não điện tĩnh học ở viện đại học Manchester. Lần đầu tiên những tấm cạt dăm lỗ cũng rút lui nhường chỗ lại cho những bộ phận hoàn toàn thuộc về điện tử học. Đáng khác nhiều nhận định hợp lý mở đường cho những bộ máy tân thời.

Phần lớn những nhận định này đều do một kỳ tài của thế hệ này mà ra : John von NEUMANN. Quê người nước Hung-Gia-Lợi, ông là một nhà toán học, cho đến lúc chết (1960) đã là một bộ não kinh tế và quân sự cho Hoa-Kỳ. Ông mất về bệnh ung thư, nhân đi kinh lý bị những bức xạ trong máy nhiệt hạch tác dụng vào cơ thể. Người ta bảo cạnh giường bệnh, những nhà chỉ đạo Mỹ, từ tổng thống đến các nhân viên cao cấp của chính phủ, nối tiếp nhau để hỏi han. Nén cơn đau với một năng lực phi thường, ông đã chỉ dẫn không những về cách tiếp tục những môn khảo cứu mà còn về đường mở mang kỹ nghệ kinh tế. Von NEUMANN mất đi, để lại những nhận định vừa về vật lý học vừa về tâm lý học dựa vào những kết quả khảo cứu quanh các trận bạc. Nhiều áp dụng các công tác của ông đã giúp ông lập nên lý thuyết các bộ óc điện tử.

Chiếc máy Gamma 60

Lúc ban đầu, những bộ máy phụ trợ tư tưởng chỉ được quan niệm như những máy tính. Vẫn biết tính toán là một môn quan trọng trong cuộc đời. Con người xây cầu, đóng tàu, bắn vệ tinh, đâu đâu cũng cần tính toán. Chiếc máy Gamma 60 của hãng Bull đã tính quả bom nguyên tử Reggane, hình thể chiếc tàu France, chương trình bay của các chiếc Caravelle.

Máy tính chế ra để giúp các nhà chuyên môn, lúc đầu chỉ lo việc tính toán. Dần dần, từ 1947, người ta xoay qua nghĩ các máy này có thể vận dụng nhiều tài liệu khác hơn là những con số. Đúng ra con số chỉ là một hình thức của tài liệu. Điều nhảy của các nàng ong, tiếng nói, âm nhạc, nghệ thuật, những thông điệp dùng ám hiệu đều là những tài liệu. Khi tài liệu có thể định nghĩa bằng toán học tất nhiên có thể dùng máy tính. Người ta hiểu ngay vì sao tiếng này có thể dịch ra tiếng khác, một thông điệp viết theo ám hiệu cũng có thể dùng máy tính đọc được. Tài liệu không phải là vật chất, cũng không phải là năng lượng. Định nghĩa toán học thật là đơn giản. Số lượng tài liệu bằng logarit của tỷ số :

Xác suất một biến cố hay một trạng thái sau khi nhận thông điệp.

Xác suất một biến cố hay một trạng thái trước khi nhận thông điệp.

Từ công thức ấy, khó hiểu cho người phàm và quan trọng không kém gì định luật về năng lượng của EINSTEIN, nhà toán học biết cách giải thích các điều nhảy của nàng ong, thiết lập một mạch vô tuyến điện để thông tin với sao Hỏa, chế tạo một chiếc máy vận dụng những tài liệu không phải là số. Một máy như vậy có thể đánh cờ, khiêu vũ, dịch thuật, phân giải. Một máy như vậy, phải nói ngay không biết suy nghĩ, nhưng có đủ tinh tế, mềm dẻo để thành một cơ quan phụ tá đắc lực cho con người, hiến thêm cho bộ não chúng ta nhiều năng suất mới mẻ.

Sau 1947, những máy điện tử đua nhau ra đời. Tiến triển tăng lên theo một

tốc độ cực kỳ lớn. Hãng Bendix cho biết đang chế tạo một bộ não có thể vận dụng 100 triệu tài liệu mỗi giây đồng hồ, nghĩa là tốc độ chỉ có thua ánh sáng. Máy này bỏ xa tính chất huyền diệu của bộ não con người. Thử tưởng tượng một chiếc máy như vậy có thể theo dõi những hiện tượng trong một quả bom nguyên tử từ lúc phản ứng bắt đầu đến lúc bom hết nổ. Máy này chưa được đem bán nhưng những chiếc như Gamma 60 đã có nhiều thành tích. Một chiếc đặt tại «Thương điểm quốc gia chiết khấu» ở Paris mỗi ngày vận dụng đến 30.000 thương phiếu trong khoảng 4 tiếng đồng hồ. Muốn làm một công việc như vậy trước kia phải cần đến 100 công chức. Trong suốt năm 1963, tất cả công việc kế toán các văn tự của khách hàng đều do máy Gamma 60 đảm nhận. Nhờ phương pháp tham cứu hàng ngày các hộp phiếu, tất cả các công việc chứng khoán đều chỉ xong trong khoảng hai giờ trong lúc một máy dùng cạt đâm lỗ trước kia phải mất 200 giờ !

Nói là máy, thật ra người lại xem bước vào một gian phòng lạnh ngắt như một phòng mổ ở nhà thương. Giữa phòng, hai chuyên viên dùng một mặt máy đánh chữ điện giao tế với máy. Bộ máy thật sự gồm có một dây tử sắt có dây điện nối liền với nhau nhưng ở dưới mặt đất. Một cái tủ ở trung tâm, quan trọng nhất, điều khiển toàn bộ máy, tưởng như bộ não người, nhưng hơn não người nhiều vì cũng một lúc có thể suy nghĩ về nhiều vấn đề khác nhau như toán, lý, hóa và sinh vật học.

Các nhà kỹ thuật cho biết bộ não nhân tạo này có thể nhớ đến 200.000 số, vận

dụng 6 số mỗi một phần mười triệu giây. Nhưng bộ phận thi hành chia ra nhiều công tác :

— máy tính số học chỉ chuyên về những phép tính số học với những số từ bộ não ở trung tâm chuyển qua ;

— những băng từ học có nhiệm vụ tích trữ tài liệu, có thể chứa đến 10 triệu số hay chữ ;

— một bộ phận liên lạc lo đưa tài liệu vào máy và khai kết quả ra.

Một bộ máy như vậy có thể điều khiển dễ dàng một ngân hàng, sắp đặt tiếng nói cả một dân tộc để học hỏi, dịch thuật, thiết lập quỹ đạo cho những phi thuyền vũ trụ tương lai, nói chung có thể cống hiến cho não người những phương cách tổng hợp mới. Với những bộ não điện tử, người ta đã dám xông vào những địa hạt từ trước vẫn cho là không thể thực hiện được, xông vào những vấn đề cách đây 5 năm còn nằm trong vòng khoa học dự tưởng.

Phụ tá đắc lực

Một nhà bác học Mỹ, bác sĩ A. L. SAMUEL, một hôm tháng 3 năm 1959, đã đánh thua một ván cờ đam. Chẳng có gì là một biến cố quan trọng nếu địch thủ của bác sĩ chỉ là một con người như chúng ta. Ở đây, địch thủ của nhà bác học là bộ não I. B. M. 704. Trong máy này người ta đã có chen vào một « chương trình tạt sự ». Sau mười giờ học hỏi, chiếc I. B. M. 704 đã đánh cờ giỏi hơn người thiết lập chương trình. Khảo cứu về mặt này hiện đang được tiến hành bên Hoa-Kỳ, đặc biệt ở Cornell Aeronautic Laboratory. Một chương trình kiểu ấy

cần một toán nhiều nhà thông thái mới thiết lập được. Ở Euratom, một nhóm khác đang học hỏi chế tạo một máy biết đánh cờ tướng. Một máy loại này sau này có thể điều khiển một nhà máy nguyên tử. Người ta tính cũng phải 20 năm nữa mới thấy nó ra đời.

Đứng về mặt tâm lý, những máy có thể học tập đều có thể coi như là có một nhân cách. Ta không thể bảo máy biết suy nghĩ nhưng máy có một thái độ. Như trẻ con, một chiếc máy có thể biểu lộ tánh xấu và lắm khi người ta đã giải nghĩa hợp lý được cơn giận lẫy của máy. Một chiếc máy nọ chỉ chịu vận dụng khi cửa sổ mở. Sau nhiều tháng tìm tòi người ta biết được vì mạch làm lạnh không được tốt. Khi cửa sổ đóng, nhiệt độ lên cao và làm biến loạn động tác các transistor. Vì vậy chiếc Gamma 60 gồm có 6 tủ làm lạnh và vận dụng ở 14 độ. Một máy khác bị hư mỗi khi người ta đánh phách bên cạnh. Đây là vì các cơ quan không chịu đựng được chấn động. Một chiếc máy khác bên Hoa-Kỳ không chịu nhận một chương trình và trả lời : « Vô lý ! Các ông muốn chia 0 cho 0 ! » Ta thấy ngay một sai lầm dù con con cũng có thể làm máy hết chạy hoặc đưa ra những câu trả lời vô nghĩa.

May thay, máy không phải là não người nên mỗi khi hư thì sửa chữa, thay thế, người ta còn muốn dạy cho máy biết tự sửa những chỗ bị hỏng. Hơn nữa, rồi đây người ta còn muốn máy hiểu tiếng nói của con người và trả lời bằng giọng người.

Vấn đề giao tế giữa người và máy hiện nay rất được đặc biệt chú ý. Một

mặt, người ta tìm tòi một thứ tiếng để dùng cho cả người lẫn máy. Nhà toán học người Hòa-Lan, Hans FREUDENTHAL, đang chế tạo chiếc Lincos có thể thông đạt, theo tác giả, với bất cứ một vật có tinh thần nào, những người ở các hành tinh khác chẳng hạn. Một mặt khác, người ta học hỏi cách giao tế cho được lanh chóng. Từ tấm gạt đầm lỗ qua máy đánh chữ tới lời nói, những phương cách truyền đạt ấy đều chậm chạp. Đáng khác, cần phải có một thứ tiếng đặc biệt để giữa máy và máy, cuộc thông tin càng được mau hơn. Người ta tin qua năm 1965, ở Hoa-Kỳ, các cuộc truyền đạt bằng điện thoại sẽ được cử hành giữa các máy chứ không còn giữa người và người nữa.

Trong những chiếc máy điện tử sau này, bộ não trung tâm ở quả đất, còn những bộ phận thi hành có thể ở cung trăng hay sao Hỏa. Như vậy, máy sẽ chinh phục được cả thời gian lẫn không gian. Trong một phạm vi hẹp hơn, ngay ở quả đất ta, những bộ não điện tử sẽ là những phụ tá đắc lực cho các khảo cứu viên. Nhà bác học sẽ không còn làm việc riêng biệt nữa và mỗi một lúc có thể nhờ máy đối chiếu, kiểm tra ý kiến mình, có khi ngay cả giúp ích trong việc suy nghiệm. Con người ngày mai nhờ óc não điện tử sẽ mở rộng và gia tốc tư tưởng của mình.

VÕ-QUANG-YỄN

Tài liệu theo Jacques Bergier

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LA TÚY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

B A O - H I Ề M

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện - thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tô - Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135. Đai-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.R. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

hai giờ với hai tác giả

KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT-NAM ⁽¹⁾

● NGUYỄN-NGU-I

HAI mươi năm qua, kể từ ngày quyển « *Việt-Nam văn phạm* » của Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ và Phạm-Duy-Khiêm ra đời (2), nay chúng ta mới có một quyển sách khảo về ngữ pháp (3) thoát hẳn những ảnh hưởng Pháp, Hoa, trình bày một phương pháp thích hợp với tinh thần tiếng Việt ; đó là quyển « *Khảo luận về Ngữ pháp Việt-Nam* » của Trương-Văn-Chỉnh và Nguyễn-Hiển Lê.

Sách mới phát hành. Một nhà chuyên về ngữ pháp đọc kỹ hơn bảy trăm trang khổ lớn, rồi viết bài phê bình, nhận xét, góp ý ..., ít nhất cũng phải mất một thời gian khá lâu. Vì muốn giới thiệu « sốt dẻo » với các bạn công trình dài hơi và khá bề thế này, chúng tôi tìm đến hai tác giả, để hỏi những điều mà một người độc giả trung bình muốn biết, sau khi đọc sơ qua tác phẩm.

Tôi tìm thăm Trương quân trước. Vốn là chỗ bạn bè, nên tôi vào đề ngay :

— Tôi được biết mười mấy năm về trước, anh chuyên viết sách về chánh trị. Nếu tôi nhờ không lầm thì tác phẩm đầu tay của anh ra đời khoảng đầu năm 1946, quyển « *Quốc tế công pháp thường thức* ». Rồi sau đó, nào là « *Hội nghị Việt-Pháp Đà-Lạt* », « *Hội nghị Việt-Pháp Fong-te* ».

(1) Tác giả : Trương-Văn-Chỉnh và Nguyễn-Hiển-Lê, Đại học Huế xuất bản.

Tựa của l. m. Cao-Văn-Luận, viện trưởng viện Đại học Huế.

(2) Hà-Nội, 1941, Lê-Thăng xuất bản. Và giữa khoảng ấy, có *Văn phạm Việt-Nam* của Bùi-Đức-Tĩnh (1952), *Văn phạm mới giản dị và đầy đủ* của Nguyễn-Trúc-Thanh (1953).

(3) Các học giả ta dịch tiếng « *Grammaire* » của Pháp là « *Văn phạm* » hoặc « *Ngữ pháp* ». Chúng tôi dùng tiếng sau này vì xét nó đúng hơn : *Văn phạm*, *văn pháp* : Khuôn phép làm văn ; *Ngữ pháp* : Cách xếp đặt lời nói, lời viết thế nào cho đúng. Danh từ *Ngữ pháp*, Nguyễn-Triệu-Luật dùng trước nhất (trong tạp chí *Tao-Đàn*) (1939).

ng-ho-lô », nào là « *Liên hiệp Anh* », « *Liên-hiệp Pháp* », « *Giải thích và phê bình thỏa hiệp Ô-ri-on Báo Đại* », (4). Mà sao gần đây, anh lại khảo về ngữ pháp ?

« Anh có thể cho biết vì sao có sự chuyển hướng này. Và chẳng hay sự hợp tác giữa anh và anh Nguyễn-Hiến-Lê là do sự tình cờ hay là vì đồng thanh tương ứng ? »

Anh cười, rồi thông thả đáp :

— Chẳng nói anh cũng biết là hoàn cảnh khác nên tôi thôi không tiếp tục đi con đường đã vạch. Nhưng sách anh vừa kể thuộc về công pháp (droit public) nhiều hơn là chánh trị. Mà còn người tôi, ngoài công việc chuyên môn ở sở (5) nếu không có gì để học hỏi, tìm tòi, viết lách, thì tôi thấy khó chịu lắm.

« Số là... »

Anh bỗng ngừng lại, « à » lên một tiếng

— Sao anh lại hỏi tôi riêng, rồi hỏi anh Lê riêng ? ! Ờ nào cũng có những điều mà hai chúng tôi phải cùng góp ý để trả lời anh. Chúng ta hẹn ngày rồi cùng gặp nhau tại nhà anh Lê vậy.

* *

Thế rồi một chiều thứ bảy, ba chúng tôi quây quần chung quanh bàn làm việc của anh Lê, và cùng nhau nói, bàn về chữ, nghĩa, khi bên ngoài âm ỉ cơn dông.

Anh Chinh vui vẻ trả lời đoạn kể câu tôi hỏi hôm rồi :

(4) Kí bút hiệu Trình-Quốc-Quang

(5) Anh giúp việc ở ngành Bưu-diễn.

— Tôi chuyển hướng trong việc nghiên cứu là do một sự tình cờ. Số là năm 1956, anh Đào-Văn-Tập có mời một số anh em soạn thảo Bách Khoa từ điển và Văn-phạm ; tôi ở trong « ban từ điển » và được anh giao cho một phần về ngôn ngữ, thêm mục danh-từ chuyên môn ngành Bưu-diễn. Tôi có nghe các anh trong « ban Văn-phạm » thảo luận vài lần, tôi cảm thấy quan-niệm cùng phương-pháp các bạn ấy không đúng với tinh-thần tiếng Việt, tôi bèn hứa với anh Tập sẽ viết riêng một quyển về ngữ pháp nước nhà. Và tôi bắt đầu gom góp tài-liệu, tìm sách về ngôn-ngữ-học đọc thêm.

« Được một năm, anh Tập mất. Công việc anh điều khiển đành chịu dở dang. Tôi thấy mình có bổn-phận thực-hiện lời hứa với bạn, sớm ngày nào hay ngày ấy.

« Tôi thấy cần có người hợp tác. May mắn cho tôi, được xem quyển « *Đề hiếu Văn-phạm* » của anh Nguyễn-Hiến-Lê đây, thấy anh có nhiều ý mới, tôi bèn tìm đến anh. Và ngay lần gặp gỡ ban đầu ấy, tôi trình bày với anh quan-niệm của tôi về ngữ-pháp. Chúng tôi có nhiều điểm giống nhau, nên khi tôi mời anh hợp tác, anh nhận lời ngay ».

Anh Lê cười, lên tiếng :

— Lúc ấy, tôi nhận lời ngay là tưởng sách sẽ dày độ hai trăm trang, và có lâu cũng trong vòng d i năm. Nào dè sách dày đến bảy trăm trang và sáu năm mới xong. Nếu biết trước thế, thì tôi đã từ chối ngay rồi !

Đến lượt anh Chinh mỉm cười.

— Ở đời, có lắm cái bất ngờ như thế. Phần tôi, mười ba năm trước, khi anh

bạn Nguyễn-Giang tặng tôi quyển « *Cách đặt câu* » của anh, thì tôi cười thăm, tự nhủ : « Mình viết năm, sáu cuốn sách rồi, chẳng lẽ bây giờ lại học cách đặt câu ! ». Rồi tôi chẳng buồn rờ đến sách ấy. Nào ngờ sau này, tôi phải đọc nó năm phen bảy lượt.

— Hai anh cho biết qua cách hợp tác và làm việc của hai anh, được chớ ?

Anh Lê :

— Anh Chình đóng vai chánh, tôi chỉ phụ với anh thôi. Một phần vì anh nghĩ đến trước, và đã viết được ít nhiều. Một phần vì lúc ấy tôi còn bận nhiều việc.

Anh Chình vội « *đính chính* » :

— Trong công việc soạn thảo này, không có ai là chánh, ai là phụ. Nếu anh Lê muốn cho là tôi có công nhiều hơn, thì công ấy là công tôi đánh máy bản thảo.

Rồi anh nói tiếp :

— Sách không có sẵn, chúng tôi phải tìm dần dần. Mượn của bạn bè có, gởi mua có.

— Chắc là sách Pháp, sách Anh và sách Tàu ?

Hai anh gật đầu.

— Thế thì hẳn tìm tài liệu đến ba thứ chữ cũng gay lắm ?

Anh Chình :

Việc này không gay lắm. Gay nhất là nhiều khi hai anh em không đồng ý, bàn qua cãi lại năm bảy lần mà chưa ngã ngũ, thấy cần có người thứ ba để làm trọng tài, mà chẳng có « *đồng chí* ».

Anh Lê :

— Vì người ấy chẳng những phải chuyên về ngữ pháp, mà còn phải có thì giờ, nhất là phải cùng một quan-niệm với mình, ít nhất là về những điểm căn bản, chẳng hạn về phân biệt từ tính và từ vụ, gom các tiếng mà người Pháp gọi là *verbe*, *adjectif qualificatif*, *adverbe de manière* và một loại.

Anh Chình :

— Chúng tôi có lần nhờ một anh bạn xem vài chương đã viết. Anh xem xong trả lại, mà chẳng có ý-kiến gì. Sau chúng tôi có nhờ Linh-mục Cras. Mặc dầu bận việc Cha Cras cũng chịu khó đọc kĩ, đưa nhiều nhận xét xác đáng, nhưng chẳng may Cha từ trần khi mới coi được phần I.

— Những lúc mỗi người mỗi ý, thì hai anh giải quyết cách nào ?

Anh Lê :

— Người nào cũng có lí một phần. Phải xét mỗi chủ trương xem có tiện lợi không, có mâu thuẫn với những đoạn khác không, rồi thì lựa hoặc dung hòa. Và như vậy, thế nào cũng tìm được cách thỏa-hiệp. Không có vấn-đề tự ái. Lắm lúc, trao đổi ý-kiến đến năm, bảy lần, rồi viết đi, xem lại, sửa chữa ba, bốn lượt. Có khi một giải-pháp lựa rồi, sau bỏ, rồi lại lựa lại.

Như vậy, thì chẳng những lắm công phu, mà cũng lắm gay go. Nhưng chắc hai anh cũng gặp được đôi cái vui trong suốt năm sáu năm làm việc chung với nhau chớ ?

Anh Lê :

— Đôi khi ý mình tự tìm được viết ra, sau đọc sách nước người, mới thấy người ta cũng đã nghĩ như mình. Lúc đó rất vui, i như gặp bạn tri-kỉ ở phương xa vậy.

Anh Chinh :

— Từ khi bắt tay vào việc, tôi thấy cần phải để ý đến cách nói của giới bình-dân, nên trong những dịp đi Lục tỉnh, tôi hay ăn cơm quán, ăn cơm chợ để nghe anh chị em thầy thợ, buôn gánh, bán bưng nói, nhờ thế mà khám phá được đôi điều. Đó cũng là một cái vui nữa.

Tôi quay sang anh Lê :

— Cuốn « *Đề hiếu Văn-phạm* » của anh xuất bản năm 1952, hẳn là anh để ý tới ngữ pháp từ lâu và quyết đi con đường này ?

— Cũng không phải tôi cố tâm. Đạo ấy, tôi dạy Việt văn ở Long-Xuyên. Nhà trường dùng sách văn-phạm của Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ và Phạm-Duy-Khiêm. Tôi đọc kĩ quyển này, thấy không vừa ý, bèn viết những nhận-xét của mình. Sau đó tôi thôi dạy học. Không còn quan tâm đến ngữ pháp nữa. Tình cờ anh Chinh tìm gặp tôi, bàn với nhau, thấy có lắm điểm giống nhau, tôi nhận lời tiếp tay với anh. Nhưng phải nói rằng chính nhờ ảnh thúc đẩy, tôi mới tiến thêm vào khu vực đó. Tôi vốn thích văn chương hơn.

Anh Chinh cười :

— Trái lại, tôi lại không chuộng từ chương.

Tôi hớp một miếng nước trà.

— Hai anh đã gặp nhau ở điểm : không đồng ý với các nhà soạn ngữ pháp nước ta từ trước, và nhất là với các ông Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ, Phạm-Duy-Khiêm, mà sách đã được dùng làm sách giáo-khoa. Hai anh có thể nói rõ điểm này ?

— Chúng tôi cho rằng những người đi trước chúng tôi mắc phải hai điều sai lầm lớn : họ đã dựa vào ngữ pháp của người Pháp để soạn ngữ pháp cho người Việt; họ lại mượn những danh-từ của người Trung-Hoa đặt ra, mà khổ một nỗi, người Trung-Hoa đã dựa vào ngữ pháp của người Anh để soạn ngữ pháp của họ.

— Vậy xin hai anh cho biết qua các phương-pháp hiện dùng trên thế-giới để khảo về ngữ pháp, và hai anh đã theo phương-pháp nào, hai anh có chế biến gì không hoặc đó là phương-pháp mới do hai anh tìm được.

— Chúng tôi đâu dám tự nhận rằng biết tất cả phương-pháp trên thế-giới được. Chỉ nghiên-cứu sách Anh, Pháp, Trung-Hoa, mà nhiều nhất là sách Pháp thì chúng tôi chỉ có thể nói đại khái về những phương pháp của người Pháp, và đã trình bày ở đoạn I của « *Lời mở đầu* » trong cuốn *Khảo luận về Ngữ-pháp Việt-Nam*.

« Trước hết là phương pháp căn cứ vào luận lí học (một ngành của triết học), nên loại ngữ pháp này gọi là « *grammaire logique* ». Theo chủ trương này, thì tùy cái ta cảm giác mà trí óc phán đoán, rồi dùng ngôn ngữ để biểu diễn. Vậy ngôn ngữ là trung gian cho cảm giác và phán đoán, ngôn ngữ là công cụ của luận lí, mà phải là một công cụ tận thiện tận mỹ, nếu không thì ngôn ngữ không làm tròn được chức vụ. Nói thế tức là ngôn ngữ nào có diễn tả được tất cả cái tế nhị, tinh vi của óc phán đoán và suy tư, mới là một ngôn ngữ lí tưởng. Vẫn theo chủ trương này, thì tiếng cổ Hi La gần đạt được mức lí tưởng ấy, nên có thể coi là mô phạm tuyệt đỉnh cho các ngôn ngữ

khác ; và vì thế mà ngữ pháp đầu tiên của Pháp đã rập theo ngữ pháp cổ Hi La.

« Rồi đến phương pháp chủ trương ngôn ngữ là phản ảnh của tư duy, mà tư tưởng của con người, do sự cấu thành của mỗi đoàn thể, mỗi xã hội, tạo nên, chứ không lệ thuộc vào luận lí, nên loại ngữ pháp này gọi là « *grammaire psychologique* ». Theo chủ trương này, các ngôn ngữ có thể có ít điểm giống nhau, nhưng mỗi ngôn ngữ có ngữ pháp riêng, không thể có hai ngôn ngữ mà cùng có chung một ngữ pháp. Vả lại, ngữ pháp phải ăn khớp với ngôn ngữ, chứ không thể bắt ngôn ngữ theo một ngữ pháp duy nhất lấy làm mô phạm. Đặc điểm của chủ trương này là phân tích những thực thể của ngôn ngữ (tức là tiếng lẻ, từ kết, câu) theo nội dung của những thực thể ấy, tức là phân tích tư tưởng. Nhà ngữ pháp danh tiếng F. Brunot, tác giả « *La pensée et la langue* » thuộc phái này.

« Loại ngữ pháp thứ ba gọi là « *grammaire structurale* ». Phương pháp này căn cứ vào hai quan niệm « tác dụng » (*fonction*) và « cấu tạo » (*structure*), là chủ trương của F. de Saussure. Tiếc rằng ông mất sớm, mà những người đi sau không đồng ý nhau về những danh từ « *fonction* » và « *structure* », và phương pháp này, như chúng tôi đã viết trong *Lời mở đầu*, còn đang ở giai đoạn suy cứu, nghị luận và lập lí thuyết. Đại đa số trong phái này chú ý vào hình thể của ngôn ngữ hơn là nội dung. Tuy nhiên, cũng có người lại thiên về nội dung, chẳng hạn như G. Guillaume. Chúng tôi chưa được đọc tác phẩm của nhà này, nhưng một tác giả đã xếp ông vừa vào phái chủ trương

grammaire psychologique, vừa vào phái chủ trương *grammaire structurale*.

« Đó là đại khái những môn phái, những chủ trương, những phương pháp nghiên cứu ngữ pháp tại Pháp ».

— Vậy thì sách của các anh thuộc loại nào : *logique*, *psychologique* hay *structurale* ?

— Điều này thuộc về lí thuyết, mà chúng tôi đâu đã dám tự coi là lí thuyết gia về ngữ pháp. Vậy xin để các bậc cao minh đoán định. Chúng tôi chỉ nhắc lại những lời đã viết. Chúng tôi không theo riêng một môn phái nào. Chủ trương của chúng tôi là « chiết trung », là « tập đại thành ». Chúng tôi sợ nhất là có sẵn thành kiến, óc câu nệ và bị một ảnh hưởng độc nhất nào đó. Cho nên chúng tôi rất mực cân nhắc để lúc thì mượn kinh nghiệm của người, khi thì tự tìm đường lối riêng cho mình, chớ không hề rập tiếng Việt vào khuôn khổ của một ngoại ngữ nào. Chúng tôi rón tìm một phương pháp sao cho theo sát được chân tướng của tiếng Việt mình, để cho ngữ pháp của ta khỏi thành một thứ gì giả tạo. Nguyên tắc đặt cho mình thì như thế, nhưng có theo đúng hay không, thì còn nhờ các bậc đàn anh và bằng hữu xét giúp.

« Ngôn ngữ gồm hai phần : hình thể và nội dung. Vậy nghiên cứu ngữ pháp, chúng tôi chú ý cả về hai phương diện ấy, và chúng tôi coi là phương pháp ấy hợp với lương tri hơn cả. Tuy vậy có khi thì chúng nặng về mặt hình thể, có khi lại nặng về mặt nội dung. Như hai câu :

Trời mưa, tôi không lại anh được.

Tại trời mưa, tôi không lại anh được.
về nội dung không khác gì nhau, nhưng
xét về cách cấu tạo, nghĩa là về hình thể,
chúng tôi xếp vào hai loại câu khác nhau.

« Nói : « một bó hồng », « trong nước »
mà coi những tiếng *hồng*, *nước*, là tiếng
chính và những tiếng *bó*, *trong*, là phụ,
thì chúng tôi phải cân nhắc về nội dung.
Nhân tiện, xin thêm rằng người Pháp nói
« un bouquet de roses » thì *bouquet* là chính,
roses là phụ, mà người Trung-Hoa nói
« quốc nội » thì họ cho *nội* là chính, và *quốc*
là phụ.

« Dẫu sao thì một trong những điểm
chánh chúng tôi lấy làm tôn chỉ nghiên
cứu ngữ pháp là không bao giờ chúng tôi
quên tiếng Việt ta ở trong hệ thống *ngôn*
ngữ cách thể (langue isolante), như vậy các
phương pháp dùng cho các *ngôn ngữ tiếp*
thể (langue affixante), Pháp, Anh chẳng hạn,
phải sửa đổi đi nhiều rồi mới có thể áp
dụng phần nào vào tiếng Việt được ».

— Nghĩa là các anh hết sức uyển chuyển
trong phương pháp.

Hai anh gật đầu.

Tôi lại hỏi hai anh :

— Người Pháp biết rằng phương pháp
cổ điển, tức là *grammaire logique* như các
anh vừa nói, không hợp với ngôn ngữ,
mà tại sao hiện nay họ vẫn còn dùng để
dạy tại các trường Tiểu và Trung học ?

— Ở Pháp, nhiều nhà đã muốn đem
phương pháp mới ra dạy, nhưng phương
pháp cổ điển đã dùng hai ba thế kỉ rồi,
muốn bỏ hẳn đi, ẽ gây ra nhiều xáo trộn,
nên các ông bộ trưởng bộ Giáo dục vẫn
ngại, chỉ sửa đổi, vá vú chút ít thôi.

Chẳng riêng gì dân tộc phương Đông mới
thủ cựu ! Ở nước ta, hoàn cảnh khác.
Phương pháp cũ mới dùng từ mười mấy
năm nay, có thay đổi, hẳn cũng dễ.

— Theo phương pháp của các anh, có
những gì khác với các công trình tương
tự có từ trước ?

— Kể ra thì nhiều, và chúng tôi chỉ xin
nhắc vài điểm chính :

1) Phân biệt triệt để từ tính (nature
des mots) và từ vụ (fonction grammaticale),
Các sách dạy ngữ pháp của Anh, Pháp
hiện dùng, không phân biệt tuyệt đối như
vậy. Chẳng hạn, như Pháp định nghĩa loại
tiếng « nom » thì đứng về phương diện
từ tính, mà định nghĩa loại tiếng « adjectif »,
« adverbe » thì đứng về phương diện từ
vụ, nhưng họ xếp cả những loại tiếng ấy
vào chung một bảng, họ gọi là « espèces de
mots ».

2) Chế biến quan niệm « predicate » của
Anh (chúng tôi dịch là thuật từ) và áp
dụng vào Việt ngữ, chúng tôi đã giải
quyết được lối phân tích những câu không
có « verbe » như : « Hôm nay chủ nhật ».

3) Lấy quan niệm « exposé du sujet »
(chúng tôi dịch là chủ đề) của linh mục
Lamasse trong một cuốn sách dạy chữ Hán
cho người Pháp. Điều đáng chú ý là người
Trung-Hoa chịu ảnh hưởng của Anh nhiều
hơn là của Pháp, nên đã biết áp dụng quan
niệm « predicate » mà không theo quan
niệm chủ đề của một người Pháp nghĩ ra.

4) Phân tích câu, chúng tôi không
theo các sách xưa, nghĩa là câu phức
thì chia ra làm từng cú (cú là Proposition,
những người trước chúng tôi dịch là
« mệnh đề »), mà câu đơn hay cú thì

phân tích ra ngay từng tiếng lẻ một. Câu đơn hay câu phức, chúng tôi đều phân tích ra thành phần, và mỗi thành phần câu có thể là từ (tiếng lẻ), từ kết (groupe de mots) hay cú. Hiện nay chúng tôi đã thấy sách giáo khoa của Pháp dạy về ngữ pháp (như bộ sách của Souché) theo lối phân tích này.

— Xin hỏi riêng anh Chỉnh : thời gian anh dạy môn Ngữ pháp ở Đại học Huế chắc cũng giúp anh phần nào trong việc sắp xếp, sửa chữa và hoàn thành một số chương trong sách ?

— Tôi dạy có một khóa thôi, và rất tiếc vì bận công vụ không thể tiếp tục ra Huế được nữa. Ngán quá, nên có thể nói, thời gian ấy chẳng giúp được tôi bao nhiêu.

— Giờ, xin hỏi chung hai anh đây. Sau quyển khảo luận này, dành cho học giả và các ông thầy, chẳng hay hai anh có tính soạn sách Ngữ pháp cho học sinh hai bậc Tiểu và Trung học không ?

— Mục đích chính của chúng tôi khi soạn cuốn khảo luận này là điều anh vừa nói đó. Nhưng mà phải chờ xem phương pháp của chúng tôi có được công nhận không đã chứ.

— Đành là phải chờ. Song hai anh ngồi đó mà chờ bộ Quốc gia Giáo dục công nhận, hay là cũng phải làm sao cho bộ này công nhận, để đem nó ra thay thế phương pháp đã lỗi thời của các ông Trần-Trọng-Kim, Bùi Kỷ và phạm-Duy Khiêm chứ ?

Anh Chỉnh, mỉm cười :

— Anh muốn chúng tôi phải làm gì bây giờ ? Vận động ư ?

Anh Lê, hóm hỉnh :

— Các anh nhận xét, các anh góp ý, các anh phê bình, so sánh rồi nếu các anh thấy con em chúng ta cần học ngữ pháp tiếng Việt theo một lối khác, thì lúc đó chúng tôi sẽ tính.

Tôi quay sang anh Chỉnh :

— Xin lỗi anh. Khi hỏi các anh có tính làm gì không là tôi chỉ nghĩ đến việc này : các anh sẽ gửi đến cho bộ Giáo-dục hồ sơ quyển « *Khảo luận về Ngữ pháp Việt-Nam* » trong đó có các bài báo phê bình sách hai anh, để giúp Bộ sớm có ý kiến về công trình của hai anh.

— Việc đó chúng tôi nghĩ chẳng cần phải nhắc Bộ lúc này.

— Xin qua vấn đề khác. Tuy để sáu, bảy năm trời trong việc biên soạn, nhưng chắc các anh chưa vừa ý hẳn về cuốn khảo luận này ?

— Làm sao mà vừa ý hẳn được, anh. Môn ngữ pháp ở nước ta còn mới mẻ quá. Tuổi nó chưa đến ba mươi. Sách chúng tôi soạn cũng khá dày, nhưng mà chúng tôi nào đã miêu tả được tất cả những lối cấu tạo, xác định được

ĐANG IN :

TÂM TÌNH

Thi-nghệ-phẩm thứ 3 của
LƯƠNG - TRỌNG - MINH
Bìa và phụ bản do Họa-sĩ
NAM-ANH (Huế) minh-họa

hết những qui luật của ngôn ngữ nước nhà. Gặp những trường hợp cấu tạo lắt léo, khó khăn, chúng tôi cũng cố hết sức giải thích; không giải thích được, thì tạm để tồn nghi. Thiếu sót, sai lầm, sao tránh khỏi. Chúng tôi cầu mong được chỉ giáo để sửa chữa, bỏ tức khi tái bản.

— Tôi có vài câu hỏi phụ, do sách hai anh gọi. Hai anh có một lăm không?

Anh Lê:

— Chưa một đâu. Huống hồ lại là câu hỏi phụ. Anh cứ hỏi.

— Trong mục tài liệu tham khảo, phần Việt-văn, tôi thấy thiếu một cuốn sách nhỏ, có lẽ là cuốn đầu tiên nói về ngữ pháp nước nhà, do người Việt viết, tên là « *Mẹo tiếng An-Nam* ». Tôi tình cờ đọc sách này trên hai mươi năm trước, nên nay chỉ nhớ được tên một trong hai tác giả, ông Nguyễn-Hiệt-Chi, sách xuất bản đầu lồi 1924. Hai anh có biết quyển này chớ?

— Chúng tôi không được biết. Lại có đôi cuốn chúng tôi biết mà không sao tìm ra, như quyển « *Việt văn tinh nghĩa* » của Nguyễn-Trọng-Thuật, xuất bản năm 1928.

— Tôi nhận thấy các anh có xu hướng không dùng dấu gạch nối (cả trong tên họ người, như Hồ Hữu Tường, Đoàn Thị Điểm), thế sao các anh còn dùng trong những danh từ địa lí, như *Ấn-Độ*, *Việt-Nam* và trong những danh từ kép: (bay) *là-là*, (đi) *khấp-khà khấp-khiêng* ...?

— Xin anh đừng cho đó là một nguyên tắc. Vì tiếng mình là ngôn ngữ cách thế

nên muốn bỏ hết gạch nối, nhưng chưa xét kĩ. Từ kép, vốn là một ngữ tố (morphème), nên chúng tôi để gạch nối, nhưng chỉ để ở ba chương đầu giảng về loại tiếng ấy, chớ sau đó, chúng tôi bỏ. Các tên địa lí, nhất là của nước ngoài, như *Ấn-Độ*, *Luân-Đôn* đều là một khối, nên chúng tôi tạm phải dùng đến gạch nối, do đó « *Việt-Nam* » cũng để gạch nối; giá bỏ hết gạch nối trong tiếng Việt được thì vẫn hơn. Chúng tôi xin nhắc lại: về vấn đề đó chúng tôi chưa có ý đưa ra một nguyên tắc nào cả.

— Chắc các anh thấy phiền phức, mà bỏ đi cũng chẳng hại gì.

— Quả có thế.

— Tôi lại để ý thấy các anh viết: *lí trí*, *Mĩ*, thế *kì*, *kĩ* càng, bắt *kì* ... , có phải các anh chủ trương áp dụng một luật này của Ngôn ngữ học: « *Mỗi dấu hiệu chỉ ghi có một âm, mỗi âm chỉ có một dấu hiệu?* » (6) » nên chỉ dùng *dấu hiệu i* để ghi *âm i*, nhưng sao các anh chẳng viết luôn: *quí* luật, *quí* báu, *í* nghĩa, *iếu* tố, mà lại viết *quy* luật, *quý* báu, *y* nghĩa, *yếu* tố?

— Không phải là một chủ trương đâu, anh, chỉ vì thấy tiện và hợp lí phần nào. Chúng tôi cũng muốn viết *í* nghĩa, *iếu* tố, nhưng thấy thế bạo quá, e gai mắt người đọc. Còn như viết *quy* luật, *quý* báu, là vì chúng tôi coi *q*, *c*, và *k* đồng âm, và

(6) « *Un seul signe pour chaque son, un seul son pour chaque signe* ».

(Jos. Mullie. — *Notions élémentaires de phonétique*).

chữ *q* có thể thế bằng *c* hay *k* : *quy* = *cuy* = *kuy*, bằng như viết *qui*, *quí*, *quì*, *quĩ*, *quĩ*... thì thành *cui*, *cúi*, *cùi*, *củi*, *củi*... (7) Chỉ trừ sau phụ âm *q*, còn khi đứng sau các phụ âm khác, vì hai chữ *i* và *y* lúc ấy đọc như nhau. Điểm này nên để các nhà nghiên cứu về ngữ âm học (phonétique) quyết định. Chúng tôi chỉ viết về ngữ pháp thôi.

Tôi đứng dậy.

Tớỉ cồng, hai anh đưa tay ra.

Tôi cười.

— Như « Vọng cổ » có câu thông, xin hỏi hai anh câu chốt rồi hãy bắt tay nhau. Khảo về ngữ pháp rồi, hai anh còn định « đoàn kết » để khảo cái gì nữa không ?

Anh Chinh. — Chúng tôi sẽ nghiên cứu về Diễn-ý-pháp (Stylistique). Chúng tôi thấy làm việc chung rất có lợi, mỗi người đều học thêm được nhiều lắm.

Anh Lê. — Thôi. « Khảo » bấy nhiêu cũng choán giấy của *Bách-Khoa* nhiều quá rồi. Anh không thấy trời sắp nổi cơn dông sao ?

Đầu tháng tám 1963

NGUIỄN-NGU-Í

(7) Chúng tôi xin ghi những ý kiến khác về điểm này :

a) có những người cho rằng *q* trong Việt ngữ không đồng âm với *c*, *k* và khi ráp vần đọc là *quơ* còn *c*, *k* thì đọc là *cơ*, nên chủ trương viết : *quí*, vì họ cho *quí* = *qu* (ơ) + *i*, chứ không phải : *q* + *ui*, vì thế họ viết tất cả âm *i* đứng sau phụ âm với chữ *i* cho thống nhất ;

b) có những người chủ trương viết *i* hay *y* sau các phụ âm vì lý do mỹ thuật ; tỉ như *mi*, *mí*, *mì*, *mị* viết với *i* xem đẹp hơn là viết *my*, *mý*, *mỳ*, *mỵ* ; trái lại *mỹ* viết với *y* xem đẹp hơn là viết *mĩ* ;

c) có những người chủ trương viết *i* hay *y* sau các phụ âm vì nghĩa của chữ ; tỉ như *ơ* viết với *y* vì nghĩa nó là : to (vỹ đại), còn *ơ* với *i* vì nghĩa nó là : đuôi (thủ vĩ) ;

d) có những người chủ trương viết *i* hay *y* vì căn cứ theo cách nói ; tỉ như viết *lì* (một phần mười của phân) và *lỳ* (đồ dùng bằng thủy tinh để đựng nước) vì, theo họ, khi nói, « một *lì* » ta nói ngắn, còn khi nói « cái *lỳ* », ta nói dài.

e) có những người chủ trương viết *i* hay *y* vì căn cứ theo tiếng ấy là Nôm hay Hán-Việt, tỉ như họ viết « *mí* đi đâu » và « *chàng* tu *my* ra đi ».

f) có những người viện lý thói quen.

* *

Sách « Việt-Nam Văn-phạm » của Trần-Trọng-Kim, Bùi-Kỷ và Phạm-Duy-Khiêm ghi ở Lời chú :

« Chữ *I* gọi là *I NGẮN* và chữ *Y* gọi là *Y DÀI*. Hai chữ ấy đứng một mình hay đứng sau một phụ âm cũng đọc như nhau. Nhưng khi hai chữ ấy đi theo một nguyên âm khác để lập thành một vần ghép, thì thành ra hai âm khác nhau :

AI, AY ; UI, UY v.v...

« Chữ *I NGẮN* và chữ *Y DÀI* chỉ khác nhau ở chỗ ấy mà thôi.

« Cách dùng hai chữ ấy đứng sau một phụ âm thì không nhất định ; người ta có thể tùy ý mà viết : « *LI* hay *LY* ; *MY* hay *MI* ; *QUI* hay *QUY*.. »

Tự điển, thì :

— *Nam-ngữ thích Tây tổng ước* của Génibrel : tất cả đều viết với « *i* », trừ tiếng *lý*.

— *Việt-Nam tự điển* của hội Khai-Trí Tiến-Đức : tất cả đều viết với « *i* », trừ văn « *ky* ».

— *Dictionnaire Annamite — Chinois-Français* của Gustave Hue : tất cả đều viết với « *i* », trừ chữ « *lý* ».

— *Hán-Việt từ điển* của Đào-Duy-Anh : một phần lớn với « *i* », một phần với « *y* ».

b, ch, d, kh, n, ngh, nh, ph, qu, th, tr, v, x : i ;
h, l, k, m, t : y

Trong quyền tự điển Việt đầu tiên, quyền « *Đại Nam quốc âm tự vị* » của Huỳnh-Tịch Paulus Của, người ta được thấy *kí*, *kì*, *lì* khi thì viết với *y*, khi thì với *i* ; ngoài ra các vần : *uyên*, *uynh*, *uya*, *uyt* có khi lại ghi : *uilen*, *uinh*, *ula*, *uft*, tỉ như : *hulên*, *quilen*, *huinh*, *khuinh*, *quinh*, *khuia*, *quft*.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



MILOVAN
DJILAS

LAI - SINH
lược dịch

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

(xem tiếp B.K. từ số 158)

III) THẤT-VỌNG.

Nơi điện Cẩm Linh chúng tôi thăm-
viếng những ngôi mộ của các vị hoàng
đế Nga thời xưa. Người hướng dẫn
nói về các vị « Nga hoàng của họ » bằng
một giọng điệu quốc-gia thật là cảm-
động. Chúng tôi nhận thấy bất cứ nơi
nào ở đây người ta cũng cố-ý làm nổi
bật ưu-thê của dân-tộc Nga và điều
đó trở thành lò-bịch.

Và mọi sự cứ diễn ra như thế dưới
mắt và trên bước đường của chúng
tôi. Càng đi sâu vào thực tế, chúng
tôi càng thấy những khía cạnh đặc-
biệt của sự thật nước Nga, cho đến nay
chưa ai biết đến: đầu óc chậm chạp,
nặng nề, tính chất cô-lồ của người
Nga, tinh thần quốc gia hẹp-hòi, mặc

cảm tự-tôn của họ, bấy nhiêu yếu tố
lại phải hợp hòa với những cố-gắng
anh-dũng, phi thường để vượt lên
khỏi dĩ-vãng, tiến theo trào lưu
lịch-sử.

Chúng tôi hiểu các lãnh-tụ, các nhân
vật chính-thức Nga, đầu óc chậm-
chạp, nặng-nề, không thể thông-cảm
với những lời phê-bình thân ái, xây-
dựng, thường xem một lời phê-bình
nhỏ-nhặt nhất như hàm ý chống Nga ;
cho nên chúng tôi không ai bảo ai mà
bồng sông thu mình, bám víu vào
nhau trong một nhóm biệt lập, mỗi
khi chúng tôi tiếp xúc với họ. Dù
muôn dù không, chúng tôi vẫn là
một « phái đoàn » chính trị ; tinh-thần
quốc-gia và tập-thể khiến chúng tôi

phải kiểm soát lẫn nhau, từ thái-độ đèn lời ăn tiếng nói. Sống trong tình thế bắt buộc phải tự vệ, chúng tôi càng ngày trở nên tinh khôn hơn, thoát khỏi lưới rình-rập, tổ-chức nghe lén của người Nga tại khách sạn, nơi văn-phòng, khi cần nói chuyện, chúng tôi vặn to máy phát-thanh để tiếng nói của chúng tôi bị khuất lấp trong những âm - thanh khác.

Chắc lâu dần người Nga hiểu được các biện-pháp đề-phòng của chúng tôi, bằng chứng là càng ngày, đối với chúng tôi, họ càng tỏ ra nghi kỵ, gay gắt.

Một buổi sáng, chúng tôi đến viếng ngôi mộ của Lénine. Quan tài của Lénine, cất giấu trong thời kỳ chiến-tranh, giờ đây được trưng bày tại Hồng - Trường. Đáng lẽ cuộc viếng-thăm này chẳng có gì đáng nói, nhưng đằng này nó lại gây cho tôi và các nhân-viên trong phái đoàn một sự cứng rắn mới mẻ và bất ngờ trong thái độ. Trong khi bước thông thả xuống huyết mộ, chúng tôi để ý đến thái-độ của những phụ-nữ, choàng khăn, làm đầu thánh-giá như khi họ đi ngang qua chiếc hòm đựng di tích cốt hài của một vị thánh trong đạo.

Bỗng dưng tôi cũng thấy rung động như họ, một nỗi niềm cảm xúc huyền bí trong thời mông muội xa xưa, từ lâu đã phai nhạt hẳn nơi tôi.

Nhưng mọi sự đều được xếp đặt đẹp đẽ khéo léo, đến nỗi người ta tưởng như cái gì nơi đây cũng đều do tay người, làm ra cả: từ những tảng đá, hóa cương, những người lính canh

đứng yên như tượng đèn làn ánh sáng mờ, soi gương mặt của Lénine, thân xác của ông, khô khan và trắng bệch như màu phấn viết, đầu của ông, hói, tóc điểm lơ thơ. Mặc dù tôn kính thiên tài của Lénine, tôi vẫn thấy khung cảnh huyền bí của nơi để cốt hài ông ta thật là giả tạo và nhất là phản duy vật, phản nguyên lý chủ nghĩa Lénine.

... Sau vài ngày rảnh rỗi, Popovitch, đại sứ Nam Tư ở Mạc - Tư - Khoa quyết định về Nam Tư, để Todorovitch ở lại. Ông này có trách nhiệm theo dõi tình hình, nghĩa là chờ khi nào các lãnh tụ Nga hoa dịu lại và muốn tiếp tục thương thuyết. Đáng lẽ tôi cũng về với Popovitch nhưng Belgrade điện qua báo cho tôi biết tin Kardelj (1) và Bakaritch sắp đến Mạc-Tư - Khoa. Tôi phải ở lại tham dự cuộc hội đàm đã định trước giữa đại diện hai chính phủ Nga Xô và Nam Tư về những vấn đề « rắc rối đã xảy ra ».

Kardelj và Bakaritch đến vào ngày 8 tháng 2 năm 1948. Đúng ra Tito

(1) *Edouard Kardelj*. Sinh năm 1907 Giáo sư Lãnh tụ Cộng-sản Nam Tư, được xem như người thứ hai trong Đảng, sau Tito. Vào Đảng năm 1928. Hợp tác với Tito cải tổ Đảng Cộng sản Nam Tư, trước chiến tranh (Đệ nhị Thế chiến) Ủy-viên Chính trị bộ Đảng năm 1941. Trong chiến tranh Kardelj chiến đấu trong hàng ngũ Kháng chiến quân, ở trong bộ Tư lệnh tối cao quân đội giải phóng; năm 1943, chính phủ lâm thời Nam Tư thành lập Kardelj làm thủ tướng. Giữ trách vụ này đến năm 1945. Từ năm 1951, ông làm bộ trưởng ngoại giao và chủ tịch ủy ban cải tổ chính quyền Nam Tư.

phải đích thân đến tham dự cuộc thảo luận theo lời mời của chính phủ Nga Xô nhưng chính phủ Nam Tư cáo lỗi, viện lý do rằng thống chế Tito hơi bệnh. Kardelj đi dự hội nghị, thay thế Tito vậy. Điều này xác nhận thêm không khí ngờ vực giữa Nam Tư và Nga Xô.

Cũng vào thời gian này, một phái đoàn chính phủ Páo-Gia-Lợi tức là Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bảo — được mời đến Mạc-Tư-Khoa, Lesakov cho chúng tôi biết tin này.

Trước đó, ngày 29 tháng giêng, báo Sự Thật, cơ quan chính thức của chính phủ và Đảng Nga-Xô, đã phản đối Dimitrov và bác bỏ các luận điệu của ông này về các liên bang, và bang liên « mơ hồ, kỳ quặc », cũng như về dự án thông nhất quan thuế của Dimitrov, Bảo Gia Lợi phải thấy trong sự việc này một lời cảnh cáo của Nga-Xô và một dấu hiệu trước về các biện pháp rõ hơn, nghiêm khắc hơn, mà chính phủ Nga-Xô sẽ áp dụng.

Kardelj và Bakaritch đến cư trú tại một biệt thự ở ngoại ô Mạc Tư Khoa. Tôi đến ở chung với họ.

... Ngay sau khi đến Mạc Tư Khoa, Kardelj đã cho tôi biết rằng vừa rồi thỏa ước Albanie — Nam Tư đã được ký kết; theo thỏa ước này, Nam Tư sẽ gởi sang Albanie hai sư đoàn quân. Chính sự việc này đã làm cho Mạc Tư Khoa bất mãn.

... Hôm sau, Kardelj; Bakaritch và tôi đi dạo trong vườn biệt thự;

tôi và Kardelj tiếp tục câu chuyện hôm qua. Bọn nhân viên an-ninh Nga-Xô canh phòng, tựa sự là bảo vệ, kỳ thật theo dõi chúng tôi, nhưng họ bực tức ra mặt vì không nghe được câu chuyện của chúng tôi.

... Ngày 10 tháng 2 năm 1948, vào lúc 9 giờ đêm, nhà cầm quyền Nga-Xô đem xe đến rước chúng tôi, đưa vào điện Cẩm-Linh. Chúng tôi ngồi tại văn phòng của Staline, chờ phái đoàn Bảo Gia Lợi. Mười lăm phút sau, phái đoàn Bảo Gia Lợi đến, gồm Dimitrov, Kalarov, và Kostov. Người ta đưa toàn thể chúng tôi đến chỗ Staline.

Staline ngồi ở đầu bàn. Bên mặt ông ta là các đại biểu của Nga-Xô (Molotov Jdanov, Malenkov, Suslov và Zorine), bên trái phái đoàn Bảo Gia Lợi (Kalarov, Dimitrov, Kostov) và phái đoàn Nam Tư (Kardej, Bakaritch và tôi).

Molotov mở lời trước. Với lời lẽ vắn tắt, rõ ràng, đặc biệt của ông, Molotov nhấn mạnh rằng có những sự bất đồng quan điểm nghiêm trọng giữa, một bên là chính phủ Nga-Xô, một bên là chính phủ Nam Tư và chính phủ Bảo Gia Lợi. Molotov cho rằng điều này « không thể nào chấp nhận được về phương diện chính trị và phương diện Đảng ».

Có lẽ Molotov còn muốn phê phán nhiều hơn nữa về lời tuyên bố đặc sắc của Dimitrov, liên quan đến việc thành lập một liên bang Đông Âu, (bao gồm cả Hy-Lạp), cũng như

việc thông nhất quan thuế và các kế hoạch hợp-tác kinh tế giữa Lỗ-Mã-Ni và Bảo Gia Lợi. Nhưng Staline đã sớm ngắt lời ông ta :

— Đồng chí Dimitrov đã đi quá trớn, trong những cuộc hội họp báo chí. Đồng chí đã phát ngôn một cách thiếu thận trọng. Tất cả những gì đồng chí nói — cũng như những gì đồng chí Tito nói, đã được thuật lại ở ngoại quốc theo tinh thần là chúng tôi đây, ở Mạc-Tư-Khoa, đã biết và đồng ý rồi. Cũng vì thế mà khi tôi hỏi các đồng chí Ba-Lan : « Các đồng chí nghĩ thế nào về lời tuyên bố của Dimitrov » Các đồng chí ấy đã trả lời : « Đó là một điều hay ». Bây giờ, tôi giải thích cho họ hiểu rằng lời tuyên bố ấy sai lầm. Nghe vậy, họ quả quyết với tôi rằng nếu chính phủ Liên-Xô cho lời tuyên bố ấy không đúng thì họ cũng sẽ cho là không đúng, như Liên-Xô. Hiển nhiên là các đồng chí Ba-Lan tán thành lời tuyên bố của Dimitrov, vì tưởng rằng đồng chí Dimitrov đã trình bày trước với chính phủ Liên-Xô và được chính phủ Liên-Xô chấp thuận rồi. Đã đành là về sau Dimitrov đã sửa đổi lời tuyên bố của mình bằng cách trao cho Thông tấn xã Bảo-Gia-Lợi một bản văn hơi khác. Nhưng văn đề vẫn không bớt gay go. Hơn nữa, kế hoạch của Dimitrov dàn xếp sự việc chỉ tổ gọi lại việc đề quốc Áo-Hung ngày trước đã thọc gậy bánh xe, phá hoại chương trình thông nhất quan thuế giữa Serbie và Bảo-Gia-Lợi. Người ta phải đi đến kết luận này : Xưa kia người Đức (Áo-

Hung) phá hoại, giờ đây người Nga phá hoại. Mọi sự xảy ra như thế đấy !

Đoạn, Malotov lên tiếng, bảo rằng chính phủ Bảo-Gia-Lợi có thể đang tiến tới việc thành lập một liên bang với Lỗ-Mã-Ni, mà không thêm tham khảo ý kiến của chính phủ Nga-Xô.

Dimitrov cố gắng giới hạn tầm quan trọng của văn đề lại. Ông lưu ý cử tọa rằng ông chỉ phát biểu một số ý kiến khái quát về văn đề Liên-Bang mà thôi. Nhưng Staline chặn lời ngay :

— Chính đồng chí đã tán thành việc thành lập một chế độ thông nhất quan thuế và một sự phối hợp kế hoạch kinh tế.

Molotov nói lời :

— ... Và thông nhất quan thuế với phối hợp kế hoạch kinh tế làm gì nếu không phải là để thành lập một quốc gia mới ?

... Dimitrov cố tìm cách giải thích, minh oan nhưng Staline cắt đứt lời ông ta từng chập, chẳng để Dimitrov nói trọn lời. Chân tướng của Staline lộ rõ. Những câu nói hóm hỉnh của ông không còn chỉ có những lời khôi hài dung tục và tánh tình độc đoán của ông phát lộ đến mức ngoan cố, hẹp hòi. Tuy nhiên, ông vẫn tự chủ được, không nổi giận hung hăng ra mặt. Ông ta nói tạt vào mặt các đại biểu Bảo-Gia-Lợi, trách mắng họ thậm tệ. Ông ta thừa hiểu trước sau gì các đồng chí Bảo-Gia-Lợi cũng hạ mình chịu lỗi nhưng ông ta muốn nhân cơ hội này áp dụng chiến thuật « chửi

chó, mắng mèo », cốt ý hăm he gián tiếp các đồng chí Nam-Tur.

Dimitrov nói rõ là Nam-Tur và Bảo-Gia-Lợi không hề tuyên bố sẽ ký kết với nhau một hiệp ước, mà hai chính phủ chỉ tuyên bố rằng họ đã đi đến một thỏa ước đầu tiên để lần hồi tiến đến một hiệp ước chính thức.

Kardelj xác nhận lời của Dimitrov đúng sự thật. Nhưng Staline hét lớn :

— Phải rồi ! Nhưng các đồng chí không hỏi ý kiến chúng tôi ! Chúng tôi chỉ nhờ đọc báo của các đồng chí mới biết được việc các đồng chí làm ! Các đồng chí như đàn bà, nghĩ ra được điều gì thì la lên, ba làng cũng nghe, tất nhiên là báo chí chộp lấy, đăng tải, phổ biến.

Tuy nhiên, Dimitrov tiếp tục trình bày, dùng lời nói quanh để biện hộ cho lập trường của mình trong vấn đề thống nhất quan thuế với Lỗ-Mã-Ni. Ông nói :

— Bảo-Gia-Lợi đang vấp phải nhiều khó khăn kinh-tế đến nỗi, nếu không hợp tác với các nước khác thì chẳng tài nào phát triển được. Tuy nhiên tôi cũng nhìn nhận rằng tôi đã tuyên bố hơi quá trớn trong cuộc họp báo...

Staline ngắt lời :

— Đồng chí muốn làm nổi bật cá nhân mình, tỏ ra có sáng kiến độc đáo hơn mọi người ! Đồng chí sai hoàn toàn, kiểu liên bang ấy thật là quái gở ! Giữa Bảo và Lỗ có liên hệ lịch sử nào ? Tuyệt vô !

Dimitrov cãi :

— Nhưng tôi chẳng thấy điểm dị đồng nào giữa chính sách ngoại giao của Bảo-Gia-Lợi và của Liên-Xô cả !

Giọng nói của Staline trở nên cương quyết, dứt khoát :

— Có những sự khác biệt sâu sắc. Tại sao ta không dám nói trắng ra ? Xưa kia Lénine còn luôn luôn nhìn nhận sai lầm của mình và sửa chữa sai lầm càng gấp càng hay !

Dimitrov tỏ thái độ cầu hòa, gằn như chịu thua :

— Đúng là chúng tôi đã sai lầm. Nhưng cũng chính nhờ những sai lầm mà chúng tôi học được kinh nghiệm, tìm ra một chính sách ngoại giao cho Bảo-Gia-Lợi.

Staline gằn lại :

— « Học ! » Đồng chí hoạt động chính trị đã 50 năm rồi, mà mãi đến bây giờ đồng chí mới bắt đầu sửa sai ! Những lỗi lầm của đồng chí không đáng nói đến làm gì. Tôi muốn nói đến đường lối của đồng chí, khác với đường lối của chúng tôi.

Tôi liếc nhìn Dimitrov. Ông ta bây giờ trông thật thảm hại. Hai tai nóng bừng, gương mặt ửng đỏ từng vệt che lấp mấy đốm lang ben ; mớ tóc lưa thưa và rời, buông xuống gáy từng lọn mềm mại. Ông làm tôi đau xót. Hồi nào, lúc bọn Phát-Xít Đức đang ở thế tuyệt đỉnh uy quyền, Dimitrov dám đứng trước vành móng ngựa của tòa án Quốc-Xã, hiên ngang thách đố Goering và cả bè lũ Phát-Xít, xem cái chết nhẹ hơn lông hồng. Giờ đây mảnh

sư trong vụ án Leipzig chỉ còn là một kẻ héo hắt bạc nhược.

Staline vẫn không buông tha :

— Cái thông - nhất quan-thuê cái liên bang Bảo-Lỗ của các đồng chí, là những chuyện đại-dột. Nhưng nếu có một liên bang gồm Nam-Tur, Bảo Gia Lợi và Albanie thì đó là điều hợp lý, ta có thể dựa vào những liên-hệ lịch-sử và các liên - hệ khác. Đây là liên bang mà ta cần thành lập sớm ngày nào hay ngày ấy, và nếu có thể thì ta thành-lập tức khắc. Ngày mai ? Hay lắm, nếu có thể thì ngày mai ! Nào, các đồng chí đồng ý ngay với tôi đi !

Một đại biểu (tôi nhớ chắc là Karel) cho hội nghị biết rằng Nam-Tur và Albanie hiện đang ở trên đường trù liệu thành-lập liên-bang. Nhưng Staline cãi lại :

— Đâu được ? Phải thành lập trước tiên một liên bang giữa Bảo và Nam-Tur đã rồi sau đó mới đến Albanie vào liên-bang...

Ông ta nói thêm :

— Về phần chúng tôi, chúng tôi cho rằng nên thành lập một liên-bang Hung-Lỗ và một liên-bang Ba-Lan — Tiệp-Khắc.

Trong khoảnh khắc, cuộc thảo-luận dịu dần. Staline cho qua vấn-đề thành lập liên - bang. Nhưng khi vấn-đề thông-nhất quan thuê Hiệp-ước Bảo-Lỗ cũng sắp được giải quyết ổn-thỏa thì lão đồng chí Kolarov sức nhớ một điều quan - trọng nên lên tiếng đột-ngột :

— Tôi không hiểu Dimitrov phạm sai lầm như thế nào, bởi vì chúng tôi đã gọi bản dự-thảo hiệp-ước Bảo — Lỗ qua cho chính-phủ Liên-Xô xem trước và chính-phủ Liên-Xô đã không phê bình gì hết về vấn đề thông-nhất quan thuê.

Staline quay lại hỏi Molotov :

— Thật thế không ? Các đồng-chí ấy đã gọi bản dự thảo hiệp-ước cho chúng ta xem trước ?

Molotov đáp một cách tự - nhiên, không bồi rồi, cũng chẳng bức tức :

— Có gọi.

Staline nổi giận nhưng rồi tự kiềm chế được.

— Đây, các đồng-chí thầy không ? Chúng tôi cũng phạm khuyết điểm như thường !

Dimitrov dựa vào sự kiện mới này, trở lại vấn-đề :

— Chính ra tôi chỉ tuyên-bổ đúng theo tinh-thần bản dự-thảo hiệp-ước ấy mà thôi. Sau khi gọi qua Mạc-Tư-Khoa cho các đồng - chí, tôi tưởng rằng mọi việc đều thỏa - thuận giữa chúng ta rồi.

Nhưng Staline nào chịu thua :

— Chuyện đại-dột ! Đồng-chí nhầm mất làm liều như một đoàn viên trẻ đại của Đoàn thanh niên Cộng-Sản, Đồng chí muốn lòe thiên hạ như là đồng chí còn ở nhiệm - vụ Tổng bí - thư Đệ tam Quốc-tê. Các đồng chí ở Bảo cũng như ở Nam - Tur, chẳng bao giờ cho ai biết các đồng

chỉ làm gì và chúng tôi bị bắt buộc phải biết mọi sự qua lời thiên hạ đồn đãi. Tóm tắt, các đồng chí đặt chúng tôi trước những việc đã rồi.

Kostov, bây giờ đặc trách nhiệm về vấn đề kinh tế ở Bảo, lên tiếng :

— Thật khổ cho thân phận một nước kém mở mang. Tôi muốn nêu lên một số vấn đề kinh tế . . .

Staline chặn lời ông ta ngay, bảo ông hãy bàn với các bộ trưởng có thẩm quyền. Staline nói rõ rằng cuộc thảo luận này chỉ nhằm vào những điểm bất đồng về chính sách đối ngoại giữa ba chính phủ và ba đảng.

Sau rồi, Kardelj phát biểu ý kiến. Sắc mặt ông ta đỏ bừng, đầu ông run xuống vai theo thói quen, mỗi khi ông bị kích động mạnh; trong khi nói, ông dừng từng chập, giữa những câu nói, dừng một cách ngang phè, chẳng có ý nghĩa nào cả.

Kardelj nhấn mạnh rằng bản dự thảo của thỏa ước giữa Nam Tư và Bảo-Gia-Lợi ký kết tại Blev đã được gửi qua cho chính phủ Nga Xô xem trước và chính phủ này không có ý kiến nào thêm bớt cả, ngoại trừ điều khoản nói về thời gian hiệu lực của thỏa ước: Mạc Tư Khoa đã đề nghị đổi câu « vĩnh viễn » trong bản dự thảo ra « trong thời hạn hai mươi năm ».

Staline nguýt Molotov từng chập, âm thầm trách cứ ông này. Molotov nghiêng đầu, mím môi chặt nhưng xác nhận những lời của Kardelj là đúng.

Kardelj nói tiếp :

— Ngoài đề nghị sửa đổi nói trên, mà chúng tôi đã chấp thuận, chẳng có sự bất đồng quan điểm nào . . .

Một lần nữa, Staline ngắt lời của Dimitrov. Nhưng lần này Staline tuy vẫn tức giận, đã bớt tính cách gây gổ. Staline bảo :

— Vô lý ! Có nhiều sự bất đồng và bất đồng sâu sắc ! Về vấn đề Albanie, đồng chí nói sao ? Trước khi kéo quân sang Albanie, các đồng chí hỏi ý kiến chúng tôi hỏi nào đâu ?

Kardelj cho biết chính phủ Albanie đã đồng ý cho Nam Tư đem quân sang Albanie. Nhưng Staline hét lên :

— Hành động ấy rất có thể gây rắc rối nghiêm trọng trên bình diện quốc tế. Albanie là một quốc gia độc lập ! Đồng chí viện lý do nào để hành động như thế ? Dẫu đồng chí biện bạch được hay không biện bạch được một sự thật đã sờ sờ : các đồng chí đã không hỏi ý kiến chúng tôi khi đưa hai sư đoàn quân Nam Tư sang Albanie.

Kardelj giải bày rằng vấn đề ấy chưa phải đã được quyết định dứt khoát. Ông ta nói thêm rằng từ trước đến nay, trong những vấn đề có sự quan trọng quốc tế, Nam Tư luôn luôn hỏi ý kiến của Nga Xô trước khi hành động.

Staline kêu lên :

— Không đúng sự thật ! Các đồng chí không hỏi ý kiến của chúng tôi ! Đây chẳng phải sự lầm của cá nhân các đồng chí mà là sai lầm về đường

lỗi, chính sách. Phải, sai lầm về đường
lỗi chính sách !

Sau khi bị ngắt lời như thế, Kardelj nín luôn. Bây giờ Molotov đem ra một tờ giấy và đọc ; giấy này ghi một đoạn của hiệp ước Bảo-Gia-Lợi — Nam Tư, xác định rằng Bảo-Gia-Lợi và Nam Tư sẽ xây dựng sự hợp tác với nhau theo tinh thần Hiến chương Liên-Hiệp-Quốc và sẽ ủng hộ mọi hành động thuận lợi cho công cuộc bảo vệ hòa bình, chống lại mọi trung tâm gây chiến.

Staline hỏi :

— Như thế nghĩa là thế nào ?

Dimitrov giải thích rằng đoạn ấy nói về « tinh thần đoàn kết với Liên-Hiệp Quốc trong cuộc đấu tranh chống lại các trung-tâm gây chiến »

Staline ngắt lời :

— Không, nói như thế tức là chủ-trương một cuộc chiến tranh phòng-ngừa, tư-tưởng ấu trĩ của một đoàn-viên Đoàn thanh-niên Cộng-Sản ; một câu văn huênh hoang mà tác-dụng là phôi sơ hở cho kẻ thù lợi - dụng, xuyên tạc.

Molotov bàn trở lại vấn-đề thông nhất quan-thuế Bảo — Lỗ nhân mạnh rằng thông nhất này sẽ đánh dấu bước đầu hợp nhất hai quốc gia.

Staline lên tiếng, bảo rằng các tổ-chức thông-nhất quan thuế thường thường chỉ là sản - phẩm của những khái-niệm không thực tế.

Cuộc bàn cãi dịu dần. Nhân đó Kardelj đưa ý kiến rằng trong thực-tế,

việc thông-nhất quan-thuế có khi cũng thành tựu mỹ mãn.

Staline vặn :

— Ví dụ ?

Kardelj đáp, dè dặt :

— Ví dụ như khối Benelux. Ba quốc gia Bỉ, Hòa - Lan, Lục-Xâm-Bảo đã thực hiện được sự thông nhất ấy.

Staline cãi :

— Không đúng, đâu có Hòa Lan ? Chỉ có Bỉ và Lục-Xâm-Bảo trong khối ấy. Thăm thắp vào đâu !

Kardelj quả quyết :

— Không, Hòa-Lan đã tham gia khối Benelux.

Staline vẫn bướng bỉnh :

— Trật, không có Hòa-Lan.

Staline quay sang nhìn Molotov, Zorine và những người khác, có lẽ đề đòi sự đồng ý của họ về quan-điểm của ông hoặc trấn át trước những ý kiến tán thành quan điểm của Kardelj.

Bây giờ tôi muốn giải thích cho Staline hiểu rằng phụ ngữ *ne* trong chữ Benelux phát xuất từ chữ *Nederland* tức là Pays-Bas (tên khác của Hòa Lan). Nhưng thầy không ai cãi nữa, tôi đành làm thinh và... Hòa Lan tiếp tục bị gạt ra ngoài khối Benelux !

Staline bàn trở lại vấn đề phôi hợp kế hoạch kinh tế giữa Lỗ và Bảo :

— Những chuyện ấy vô nghĩa. Thay vì hợp tác với nhau, hai nước ấy sẽ gây gổ với nhau. Sự thông nhất giữa

Bảo và Nam Tư, ấy đây là chuyện khác ! Người Bảo và người Nam Tư vốn có sẵn những điểm tương đồng, những nguyện vọng thông nhất với nhau từ thuở xa xưa.

Kardelj nhắc lại rằng tại hội nghị Bled, hai bên đã quyết định sẽ cố gắng dần dần tiến tới việc thành lập một liên bang Bảo — Nam Tư.

Staline nói rành mạch :

— Không, không phải «dần dần»! mà tức khắc ! Ngày mai làm ngay ! Bảo và Nam Tư phải thỏa thuận với nhau để tiến hành công việc trước. Albanie sẽ gia nhập sau.

Người ta bàn qua vấn đề khác. Cuộc khởi nghĩa ở Hy-lạp được nêu ra.

Staline bảo :

— Phải « gói ghém » cuộc khởi nghĩa này lại !

Ông ta dùng tiếng Nga *svernut* có nghĩa là quấn lại, cuộn lại. Buông câu nói trên rồi ông nhìn Kardelj, hỏi :

— Đồng chí có tin tưởng cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp thắng lợi không ?

Kardelj đáp :

— Tin tưởng chứ, nếu ngoại quốc không can thiệp mạnh và nếu các đồng chí Hy-Lạp không phạm sai lầm quân sự và chính trị.

Staline dần giọng :

— «Nều» ! Cái gì cũng «nều»! Không, cuộc khởi nghĩa Hy-Lạp nhứt định thất bại ! Đồng chí tin tưởng cái gì ? Rằng Anh và Hoa-Kỳ — Hoa-Kỳ, quốc

gia hùng cường nhất thế giới — sẽ để cho các đồng chí cắt đứt con đường giao thông của họ tại Địa-Trung-hải ? Đại đột ! mà chúng ta thì chẳng có hải quân... Cuộc khởi nghĩa ấy cần được chặn đứng, càng sớm càng hay !

Một đại biểu nhắc lại những thắng lợi mà Trung-Cộng mới thu hoạch được. Staline nói :

— Phải, các đồng chí Trung quốc đã thắng lợi. Nhưng tình hình mỗi nơi mỗi khác. Ở Hy-Lạp, Hoa-Kỳ tham gia triệt để, mà Hoa-Kỳ là quốc gia hùng cường nhất thế giới. Ở Trung-Hoa, vấn đề lại khác, những mối liên hệ giữa Hoa-Kỳ và Trung quốc cũng khác. Đúng là chúng tôi vẫn có thể phạm sai lầm. Ở đây, khi cuộc chiến tranh với Nhật kết thúc, chúng tôi đã yêu cầu các đồng chí Trung quốc tìm cách ký kết một thỏa ước với Tưởng-Giới-Thạch. Họ đồng ý với chúng tôi, đồng ý miệng, nhưng khi trở về nước, họ đã hành động theo ý riêng của họ. Họ huy động tất cả lực lượng và họ tấn công Quốc Dân Đảng. Thực tế chứng minh rằng họ có lý và chúng tôi sai lầm. Nhưng trường hợp Hy-Lạp thì khác, chúng ta không nên do dự, hãy chấm dứt cuộc khởi nghĩa này.

... Tôi hiểu vì đâu Staline đã sai lầm trong vấn đề Trung-Hoa, nghĩa là vì đâu ông ta muốn giải quyết hòa bình, êm nhẹ phong trào cách mạng Trung Hoa. Thái độ của Staline phát xuất từ chủ nghĩa cơ hội của

ông ta trong chính sách đối ngoại. Cũng có lẽ ông ta đã cảm thấy trước cái nguy cơ Trung Cộng khi Trung Hoa trở thành cộng sản, cường quốc đối với sự nghiệp của ông ta và đề quốc mà ông ta ngự trị, nhất là khi ông ta quá hiểu rằng ông không có hi vọng chi phối chính sách đối nội của Trung Quốc. Dù thế nào, Staline hiểu rằng mọi cuộc cách mạng phát khởi gần đây đều đưa đến những trung tâm cách mạng biệt cách với Nga-Xô và kết thúc bằng sự thành lập những chính phủ và quốc gia riêng biệt. Quy luật này khiến Staline đâm ra lo ngại sự thành công của cách mạng Trung Quốc, bởi vì cách mạng Trung Quốc là một hiện tượng nhiều ý nghĩa, cũng quan trọng như cuộc Cách mạng tháng mười ở Nga-Xô.

Cuộc thảo luận bắt đầu tế nhạt thì Dimitrov gọi lại vấn đề phát triển những mối liên hệ kinh tế khác Bảo-Gia-Lợi và Nga-Xô. Nhưng Staline ngăn lại :

— Chúng ta sẽ bàn vấn đề ấy cùng một lượt với cả hai chính phủ Bảo và Nam-Tur.

Kostov kêu nài về tính chất bất-công của một thỏa ước viện trợ kỹ thuật. Staline trả lời rằng ông đã chỉ thị cho Molotov cứu xét vấn đề.

Kardelj hỏi Staline về lập trường chung đối với việc chính phủ Ý đang tranh chấp quyền cai trị Somalie. Về phần mình, Nam-Tur không ủng hộ yêu sách của Ý. Nhưng Staline lại

chủ trương trái ngược lại và ông ta hỏi Molotov xem đã trả lời về vấn đề lập trường của Nga-Xô chưa. Staline xác nhận :

— Xưa kia, khi xảy ra những vụ tranh chấp rắc rối về đất thôn tính được, các vua chúa có lệ chia phần lãnh thổ tranh chấp cho kẻ chịu hầu yếu thế nhất. Làm như thế, sau này, lúc thuận tiện, họ có thể đòi đất ấy lại dễ dàng.

Trước khi cuộc hội đàm kết thúc, Staline không quên nhắc đến Lénine và chủ nghĩa Lénine để che đậy những dụng ý bất chính của ông ta :

— Chúng ta ngày nay cũng thế, dù là một môn đệ của Lénine, thường khi chúng ta cũng có những ý kiến với chính Lénine và có lúc chúng ta đến chỗ tranh luận với nhau gay gắt vì vấn đề này, vấn đề khác. Nhưng sớm muộn gì chúng ta cũng giải quyết được ổn thỏa những điểm bất hòa, minh xác được lập trường chung và cùng nhau tiến tới.

Cuộc hội đàm, lâu hai tiếng đồng hồ chậm dứt.

... Vài ba ngày sau vào lúc rạng đông chúng tôi lên đường về nước. Người ta đưa chúng tôi đến phi trường Vnukovo, từ đây chúng tôi lên phi-cơ. Cuộc tiễn đưa âm thầm, không có nghi lễ ngoại giao.

Ngồi trên phi cơ, tôi cảm thấy càng phút càng đậm đà một niềm vui trẻ con nhưng là trẻ con đã biết suy nghĩ.

Bốn năm trước đây, một người đã rảo bước, hướng về Nga-Xô, toàn

thân rung động vì những nỗi niềm sùng kính và ngay thật. Tôi đâu còn là con người buổi ấy ?

Thêm một lần, mộng đẹp đã tan tành trong sự thật.

Từ đây, liệu còn có mộng đẹp nào nữa khai hoa, kết quả nơi tôi ?

KẾT-LUẬN

Nhiều người, trong số này hiển nhiên là có Trotsky, đã cho rằng Staline là một tên sát nhân khát máu. Dụng ý của tôi trong tập ký ức này không phải nhằm vào việc bác bỏ hay xác nhận dư luận ấy.

Thời gian gần đây, tại Mạc-Tư-Khoa người ta đã công khai bảo rằng có lẽ Staline đã sát hại Kirov để nhân đây kiếm có thanh trừng những phần tử đối lập trong nội bộ Đảng. Có lẽ Staline đã nhúng tay vào vụ ám sát Maxime Gorki, bằng cớ là sau đó Staline đã bộc lộ quá rõ ý hướng đổ trút trách nhiệm cho phe đối lập, Trotsky cũng còn ôm giữ giả thuyết cho rằng chính Staline đã giết Lénine, lấy cớ là để rút ngắn sự đau đớn vì bệnh hoạn của Lénine. Người ta còn buộc tội Staline đã giết vợ hay ít ra là đã đẩy người đàn bà ấy vào con đường tự tử, với thái độ đối xử khắc nghiệt, tàn nhẫn của ông ta. Nhưng nhân viên thân tín của Staline đã loan truyền giai thoại rằng vợ Staline bị đầu độc trong khi ngồi ăn chung với người chống qui hóa. Điều ấy thực quá ngô nghê.

Thật ra thì, đối với Staline, cái gì cũng có thể hết, bởi vì không có tội

ác nào, mà ông ta không dám làm. Dù ta phân xét Staline theo tiêu chuẩn nào, ông ta cũng vẫn nghiêm nhiên độc chiếm vinh dự của một kẻ sát nhân vĩ đại nhất trong lịch sử cổ kim. Trong con người của Staline có bản chất vô tri vô giác của một Caligula, có nét sâu độc tinh tẻ của một Borgia, và có sự bạo tàn của Ivan le Terrible.

Nhưng điều mà tôi quan tâm nhất là tìm hiểu vì đâu một nhân vật kinh khủng, xảo trá, tàn ác như thế lại có thể điều khiển vận mạng của một trong những quốc gia lớn nhất, hùng mạnh nhất thế-giới ; và điều khiển, không phải trong một ngày hay trong một năm mà suốt ba mươi năm trường.

Ngày nào mà những kẻ kẻ nghiệp Staline chưa giải thích nổi sự thật đó thì ngày ấy họ chỉ là những người tiếp tục thực hiện đường lối Staline, sự nghiệp Staline, xác nhận một lần nữa rằng họ không thay đổi gì cả ; và dù bộ mặt chính phủ Xô-Việt có thay đổi cách nào đi nữa, người ta vẫn thấy bên trong những yếu tố lý luận, nguyên tắc, phương pháp hành động giống hệt như xưa, những yếu tố đã xây dựng và tăng cường địa vị thống trị của Staline.

... Nếu đứng trên quan điểm phục vụ cho nhân loại, cho tự-do, ta thấy rõ rằng trong lịch sử từ trước đến nay chưa từng có một nhà độc tài nào bạo tàn và hiểm ác như Staline, Staline là một trong số người theo chủ nghĩa giáo điều kinh khủng và hiểm có, dám tiêu diệt chín phần

ĐÀM THOẠI VỚI STALINE

mười nhân loại để làm cho phần còn lại « được sung sướng ! ».

Tuy nhiên, nếu như ta muốn xác định vị trí của Staline trong lịch sử phong trào Cộng-sản, ta phải nói rằng, xét đến giai đoạn hiện tại, Staline là nhân vật vĩ đại nhất, sau Lénine.

... Staline đã sáng tạo ra một chế độ xã hội khép kín, đồng thời chính ông cũng là công cụ của chế độ này nhưng rồi thời thế đổi thay, ông trở thành nạn nhân của ngay chế độ ấy.

Ngày nay Staline bị truất phế vì những sai lầm của ông ta và các nhà lãnh đạo hiện thời của chế độ Staline — còn nguyên vẹn — đã muốn nhờ sự lên án Staline, để cứu vãn chế độ ấy và tự cứu lấy họ.

Cuộc hạ bệ Staline tuy thực hiện như kiểu một màn kịch, nhưng điều ấy chứng minh rằng chân lý sẽ sáng tỏ, cho dù chỉ sáng tỏ khi những người đầu tranh bênh vực nó đã bị tận diệt chẳng nữa. Lương tri con người, không thể lay chuyển nổi và cũng không thể tiêu diệt được. Nhưng khôn thay, mãi đến ngày nay, mặc dù đã có công cuộc gọi là giải trừ ảnh hưởng của Staline, người ta vẫn thấy không thể kết luận cách nào khác hơn thế này : Những ai muốn được sống và sống còn trong một thế-giới khác biệt với cái thế giới mà Staline đã tạo lập — thế giới này vẫn còn tồn tại với toàn vẹn bản chất và lực-lượng — thì những người ấy còn phải tiếp tục đấu tranh.

M. DJILAS

LAI-SINH lược dịch



★ Nếu người ta có đủ tiền để mua tất cả lương tâm đúng với giá của chúng và bán lại với giá chúng tự cho mình, thì đó thật là một áp phe hốt bạc.

Gavarni

MỜI PHÁT HÀNH

THƠ TRẮNG

Thơ của ĐỖ-TẤN

Tựa của VÕ-PHIẾN

Bìa do ĐÌNH-CƯỜNG trình bày

THỜI MỚI xuất bản

30 \$ 00

NG. xa cách,

Trong thư rồi, tôi nói qua về phong cảnh và con người tại Israël, hôm nay, tôi phác họa cho các bạn thấy qua đời sống bên này, đời sống hằng ngày, đời sống tinh thần và một nếp sống đặc biệt ở xứ này là đời sống tập thể.

Nếu bạn nhớ rằng quốc gia Israël mới độc lập chưa hơn 15 năm, người dân Israël từ xưa chuyên sống về nông nghiệp nhưng trải qua bao thăng trầm trong lịch sử, họ đã xoay ra sống nhờ nghề thương mại và biết bao người ngày nay không còn biết cày cuốc chi cả, nguyên liệu trong nước không dồi dào, thiếu đất, thiếu nước để trồng trọt, người về nước mỗi ngày một đông mà công việc cũng như nhà cửa thì có hạn, sự an ninh mỏng manh như đèn treo trước gió, nhớ tất cả cái yếu tố ấy, thì bạn rất lấy làm lạ khi thấy rằng hầu hết dân chúng Israël được an cư lạc nghiệp. Giá sanh hoạt so với số lương tối thiểu thì cũng khá cao, mức sống không bằng các nước Âu châu, nhưng so với các nước Vùng Cận Đông hay các nước mới cõn được xích xiềng ở Châu Á Châu Phi, thì ta thấy người dân Israël sống sướng hơn nhiều dân nước khác. Người dân sung sướng khi có chỗ ở, có đủ ăn, có công việc làm, và lúc đau ốm được săn sóc. Về vấn đề chỗ ở thì chánh phủ Israël chưa giải quyết hẳn được. Mặc dầu hằng năm một phần tiền của công quỹ bỏ vào việc khuếch trương dùng để cất nhà. Từ năm 1948 đến nay, Bộ Cần Lao đã cất trên 300.000 căn phố mới mà số người về nước đã hơn một triệu. Lúc đầu chánh phủ cho họ ở tạm trong những ký túc xá, những trại tạm thời. Từ năm 1954 đến

nay, phần đông những người hồi hương được đưa đến mấy nơi có sẵn công ăn việc làm, sẵn nhà ở. Không những phải lo việc ăn ở mà đồng thời, chánh phủ cũng lo cất thêm trường học và bệnh viện. Các công ty tư cũng bỏ vốn vào việc cất nhà cho mượn, hay bán chịu lại.

Lẽ tất nhiên nhà mới cất sau này, không được đẹp như nhà cũ, phòng nhỏ, trần thấp, nhưng đủ cả tiện nghi. Một anh bạn của tôi vừa được bổ nhậm giám-đốc thư-viện Âm-nhạc tại Jérusalem. Chính-phủ sắp cho anh một căn nhà ba phòng vì anh chỉ có hai vợ chồng và một con. Nhưng chắc anh còn đang đợi một số nhà và biệt-thự cất phía Trường Đại-Học. Anh rất «thèm» được một căn nhà cũ như nhà người em của anh. Hôm dẫn tôi đến thăm, anh có nói; «Chỗ này ngày xưa là nhà riêng của một ông hoàng Á-Rập. Phía bên trái để cho các quý phi của ông ta ở, phía mặt cho súc-vật. Người ta có tiền người ta mua phía cung điện, em tôi chỉ ở nhà cho súc-vật của mấy ông hoàng, tuy ngày xưa là chuồng ngựa chuồng bò chỉ chẳng biết, chớ ngày nay nhà rất đẹp, ba buồng rộng, cửa ra vào có hơi thấp, nhưng mát mẻ lắm. Trong nhà có thảm trải dưới đất, có máy nước đá, có bếp hơi, chồng làm giáo-sư dạy thể-thảo, vợ làm phát ngôn viên tại đài vô-tuyến điện, hai vợ chồng có nhà, có ô-tô, và sống thong thả. Phải làm việc trong chánh-phủ mới dễ kiếm nhà vì người hồi hương mỗi ngày một đông, theo luật cung cầu, giá tiền mua hay thuê nhà đã lên rất cao. Thực phẩm thì cũng đủ ăn. Hiện nay, về khoai tây, sữa, phó mách, trứng gà, thịt cá rau cải, và trái cây, sự sản xuất trong nước đủ dùng. Chỉ còn thiếu bơ và bột để làm bánh mì hay bánh ngọt.

Giá sanh-hoạt đại khái như bên Pháp: thịt bò lổ 260 đồng một kílô, áo sơ-mi 320 đồng một cái, máy vô-tuyến điện 4.000 một cái, giấy vô cửa coi hát bóng ở một rạp nhỏ 30 đồng tính theo giá một đồng liu Do Thái một quan sáu bên Pháp, lổ 30 đồng bạc ta.

Nhưng lương tối thiểu của họ cao, chính-thức thì lương tối thiểu của công-chức là 260 liu Do Thái (lổ 7.800 đồng bạc) ít hơn lương tối thiểu bên Pháp chừng vài trăm đồng bạc Việt. Có chỗ khác bên Pháp là bên Israël không có sự chênh lệch rất lớn giữa lương thấp nhất và lương cao nhất. Một người bác sĩ có vợ, hai con, làm việc được ba năm lãnh mỗi tháng 495 liu Do Thái (lổ 13.950\$), một người kỹ-sư được 523 liu Do Thái (15.690\$) một người chánh văn - phòng 911 liu Do Thái (27.330\$) trong khi bên Pháp lương bác-sĩ, kỹ-sư cao gấp đôi hay gấp ba bên Israël, và thuế lợi tức được qui định một cách công bình để cho người lương thấp không bị thiệt hại. Sau khi trừ thuế rồi thì lương một người phát thư còn được 255 liu Do Thái (7.650\$), lương bác sĩ còn lại 432 liu Do Thái (12.960\$), lương kỹ-sư còn lại 436 liu Do Thái (13.080\$), lương chánh văn-phòng còn lại 690 liu Do Thái (20.700\$). Như thế thì

trong một năm, số tiền đóng thuế lợi tức của mỗi nghề nghiệp nói trên là 150\$ (phát thơ) 990\$ (bác sĩ), 2.610\$ (kỹ sư) 6.630\$ (chánh văn-phòng). Đó là lương công chức. Người làm tư được lương cao hơn. Những anh phu làm đường mỗi tháng được lổi 250 liu Do Thái (7.500\$). Mấy anh tài-xế tắc-xi được lổi 500 liu Do Thái (15.000\$). Các bác sĩ mở phòng mạch, những người thầu khoán, thương gia, chủ sở du - lịch, hay chủ các xưởng kỹ-nghệ thì giàu vô kể. Tuy vậy, nhiều thanh niên trí thức bằng lòng trở nên công chức mặc dầu lãnh lương ít hơn họ làm tư mà họ có cảm-giác được phục vụ nước nhà, hay dân-tộc.

Theo bạn thấy, thì với số lương tối thiểu họ cũng đủ sống, họ lại được luật lao động bảo vệ quyền lợi. Mỗi ngày làm việc không được quá 8 giờ, mỗi tuần không quá 45 giờ. Chiều thứ sáu và suốt ngày thứ bảy là ngày nghỉ. Một năm được hai tuần lễ nghỉ hè mà chủ phải trả lương đủ. Nếu bị tai nạn trong lúc đang làm việc, trong 26 tuần lễ, được lãnh 75 phần trăm số lương mặc dầu nghỉ việc. Sau 6 tháng nằm nhà thương người công nhân được tiền phụ cấp đặc-biệt.

Nếu bị tàn tật thì suốt đời được lãnh tiền phụ cấp bằng 75 phần trăm số lương trước ngày bị nạn. Đàn bà, đến kỳ sanh nở được nghỉ ba tháng, chủ không phát lương, nhưng sở bảo hiểm xã-hội trả 75 phần trăm số lương ấy và một số tiền phụ cấp 162.50 liu Do Thái (4.875\$) để nằm nhà thương và mua tã cho đứa bé.

Những gia đình đông con cũng được chút đỉnh phụ cấp: 7 liu D.T. (210\$) bắt đầu từ đứa con thứ 4, 8 liu D.T. (240\$) đứa thứ 5, cứ thế lên lần đến đứa thứ 8 được 11,5 liu D.T. (315\$) và lẽ tất nhiên những gia đình đông con trả thuế nhẹ hơn gia đình không con. Nhưng chủ bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội cho người làm công. Cạnh bên sở bảo hiểm xã hội, còn có nhiều công ty bảo hiểm tư để chăm nom sức khỏe của dân chúng. Bên này không có tiền trợ cấp thất nghiệp như bên Pháp. Người thất nghiệp được đưa vào mấy sở lập rừng, khai khẩn đất hoang, sở làm đường. Số người ghi tên thất nghiệp là 5.200, so với số người có công ăn việc làm (701.800) không tới 1 phần trăm. Công nhân được nghiệp đoàn bảo vệ quyền lợi. Có nhiều nghiệp đoàn khác nhau, nhưng tổng công đoàn Hista-drout gồm đến 90 phần trăm lao công.

Số người hồi hương rất đông, nên sự tổ chức xã hội nhiều khi rất khó. Thiện chí nhiều khi không đủ, còn phải có khả năng và khả năng cũng còn tùy nhu cầu trong nước. Hôm mới đến Israél, trước khi xe tắc xi đến khách sạn, tôi thấy một số người tập trung trên một miếng đất trống, có lều giăng khắp nơi, hỏi người tài xế, mới biết rằng họ là những người vừa hồi hương, không có nghề nghiệp chi mà không chịu đi về nhà quê trồng

trọt. Họ yêu cầu được ở lại thành thị, và nhứt định giảng lều cắm trại ở trung tâm thành phố Jérusalem để biểu tình phản đối.

Hầu hết dân Israël, nếu không giàu cũng có một mức sống tương đối khá cao. Một khi họ có nhà ở, đủ lương thực hoa quả để nuôi sống, có công ăn việc làm, đau ốm hay bị tay nạn được bảo đảm, làm việc không lo bị chủ ăn hiếp, hằng năm được nghỉ hè mà ăn lương đủ, họ có thể tự hào là đã an cư lạc nghiệp.

Đời sống vật chất họ được đầy đủ, mà đời sống tinh thần họ cũng rất dồi dào.

Trẻ con từ 5 tuổi đến 14 tuổi bắt buộc phải đi học, và ở cấp sơ học, khỏi phải trả học phí. Bên Israël cấp sơ học đi luôn lên đến lớp đệ ngũ bên nhà. Cấp trung học chỉ có 4 năm học, trước khi học sinh thi vào Đại học. Ở cấp trung học nếu không được học bổng, gia đình phải trả học phí từ 430 đến 570 liu Do-Thái (1290 \$ — 1710 \$) trong một năm. Trong nước Israël hiện có trên 600.000 học sinh và sinh viên — dân số là 2.200.000 nhắc lại cho bạn nhớ. Cuối năm 1961 các trường Đại học đã phát 6224 cấp bằng: 565 bằng Tán sĩ văn khoa (Văn chương, Triết lý, Sử địa, Xã hội, Khảo cổ, Nhạc học, v.v...) 593 bằng Tán Sĩ Y Khoa, 20 bằng Tán Sĩ Nha Khoa, 2 bằng Tiến Sĩ Luật Khoa, 3279 bằng cử nhân và 1765 bằng bán cử nhân (giữa Tú tài và Cử nhân). Một số thanh niên thích khoa học khảo cổ để tìm tòi những tài liệu về lịch sử Dân tộc Do Thái. Trung tâm nghiên cứu khoa học gồm có trên 500 thanh niên chuyên về khoa học thuần túy, nguyên tử học và nhất là hướng về những nhu cầu trong nước; như về y học, họ tìm tòi về những bệnh thường xảy ra tại Israël về địa chất học, họ tìm cách khơi nguồn đào giếng.

Họ in sách rất nhiều. Lẽ tất nhiên, là sách viết bằng các thứ tiếng ngoại ngữ còn nhiều nhưng tiếng Hê-bơ-rơ cũng được văn nhân dùng viết sách và Hàn lâm viện tiếng Hê-bơ-rơ sắp dự định xuất bản một quyển tự điển to và một bộ Bách Khoa từ điển. Bộ này còn đang in mà đã có 65.000 người ghi tên mua rồi.

Hằng năm trên 15 giải thưởng văn chương được phát để khuyến khích các văn sĩ viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ.

Hội tác giả Hê-bơ-rơ gồm có trên 300 nhân viên.

Báo chí hoàn toàn tự do. Tất cả được 22 tờ báo sáng và 2 tờ báo chiều — 12 tờ viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ 10 tờ viết bằng ngoại ngữ: tiếng Á-Rập, Anh ngữ, Pháp, Buyn-Ga, Ru-Manh, Hung-Gia-Lợi, Ba-Lan, Ba-Tư Đức, Nga v...)

Sinh hoạt về hội họa điêu khắc, kịch trường và âm nhạc rất dồi dào. Họa sĩ và điêu khắc gia Do-Thái cũng có tranh và tượng trưng

trong các bảo tàng viện trong nước và ở các nước Mỹ, Anh, Hòa-Lan, Bỉ và Ý.

Họ họp lại gần Haifa, trong một làng tên là Ein Hod, một làng nghệ sĩ do nghệ sĩ cai trị lấy. Về kịch trường, người Do-Thái có 4 gánh hát chánh thức và hơn 200 đoàn kịch tài tử. Tất cả các đoàn hát đều được tổ chức dưới hình thức hợp-tác-xã. Một đoàn thuộc về thị xã Haifa và 3 đoàn đặt trụ sở tại Tel-Aviv:

Đoàn *Habimah*, thành lập từ năm 1918 bên nước Nga và trình diễn tại Israel từ năm 1928. Đến năm 1958 đoàn được chánh phủ thừa nhận là quốc gia kịch đoàn và cho tiền trợ cấp. Trong mùa 1960-61 đoàn đã diễn 371 lần cho 688.000 khán giả.

Đoàn *Ohel* thành lập từ năm 1928 là một ban hát cho công nhân. Cũng trong mùa 1960-61 đoàn đã diễn 361 lần cho 311.000 khán giả.

Đoàn *Cameri* (Phòng kịch) thành lập từ năm 1944 đã diễn trong mùa 1960-61 cho 405.000 khán giả.

Các ban kịch ấy diễn những vở cổ điển hay những tuồng mới ngoại quốc như *Marie Stuart*, *Le marchand de Venise* (Người thương gia ở Vơ-ni-zơ) *Le journal d'Anna Frank* (Nhật ký cô bé Anna Frank). Đoàn cũng trình bày những vở kịch tiên tiến của các nước và nhất là của kịch gia Do-Thái. Các ban ấy đều diễn thoại kịch. Israel có một đoàn Quốc-gia Đại ca kịch (*Opéra national*) gồm có 184 nhân viên, nhạc trưởng, nhạc công, ca kịch sĩ, vũ sinh... Đoàn đại ca kịch đã tập được 11 vở đại ca kịch cho trong mùa 1960-61 đã diễn 100 lần trước 168.000 khán giả. Ngoài ra, những ban kịch sinh viên, thanh niên diễn ở các làng mạc cho dân chúng xem. Tại trường Đại học Tel-Aviv có một ngành kịch nghệ và tại Ramat Gan có trường Cao đẳng kịch nghệ để đào tạo kịch sĩ.

Về âm nhạc, trong thư trước tôi đã có nói qua. Chỉ nhắc lại cho bạn nhớ rằng: giàn nhạc giao hưởng Israel thường tấu nhạc tại thánh đường *Frederic Mann* ở Tel Aviv — thánh đường này được 3000 chỗ ngồi — chẳng những đi trình diễn ở các nước ngoại quốc mà trong nước Giàn nhạc ấy có được 25.000 người mua vé trước hàng năm để nghe nhạc. Ngoài ra còn các giàn nhạc giao hưởng khác. *Kol Israel* (của Đài vô tuyến điện), giàn nhạc Haifa, Ramat Gan, giàn nhạc của quân đội, của thanh niên. Có rất nhiều ban nhạc thánh phòng vào và 120 hợp xướng chuyên nghiệp — và lần rồi tôi có nói với bạn rằng sinh viên và học sinh đã tổ chức 80 giàn nhạc và 470 ban xướng phòng chuyên nghiệp. Hội nhạc sĩ Israel gồm có 200 nhân viên và một nhà xuất bản. Hàng năm Đại nhạc hội *Einguev*, tổ chức trong dịp lễ Phục Sinh, trình bày các loại nhạc tại thánh đường của *Kibbout Einguev*, thánh đường này được 2500 chỗ ngồi. Tại Jérusalem, mỗi năm đều có Đại nhạc

hội (Fertival) với sự tham dự của các nhạc sư nhạc sĩ lừng danh trên thế giới : như Pablo Casals, Casals Yehudi Menuhin — Năm nay, tại Jérusalem thánh đường Comentin vừa cất xong — Thánh đường to, rộng có trên 300 chỗ ngồi — Trong chương trình Đại nhạc hội năm nay có vũ khúc Ấn-Độ do cô Shanta Rao trình diễn — Hôm mới đến, tôi được mời đi xem múa Ấn-Độ, tại đây. Một người trong ban tổ chức nói với tôi chẳng nên nhìn cái vỏ bên ngoài : một lẽ vì thánh đường cất chưa xong, vôi đá còn ngổn ngang bừa bãi, mà hai vì họ chỉ chú trọng bên trong, về chỗ ngồi cho thính giả, sân khấu để trình diễn, và cách bố trí các máy phóng thanh — Sân khấu lớn mênh mông thừa chỗ cho một giàn nhạc giao hưởng và ban hợp xướng — Ghế ngồi bằng nỉ màu xám trông rất nhã, và kiến trúc theo kim thời — Ghế đầu nghe cũng to cả. Tôi được mời ngồi hàng ghế thứ 11 nghe rõ đã đành, sau màn đầu tôi đi về phía hàng ghế chót cũng nghe rõ như ở mấy hàng đầu. Hàng ghế sau cao hơn hàng ghế trước nên cả rạp không ai bị ai án cả, ghế đầu cũng thấy cũng nghe. Hình như tôi có duyên với việc khai trương thánh đường. Lúc tôi sang dự hội nghị âm nhạc tại Đông Kinh, thánh đường ở Ueno mới cất xong và hội nghị cử hành trong thánh đường ấy. Lúc sang Thụy-Sĩ tôi là người nhạc sĩ đầu tiên đàn trong rạp hát của trường trung học Saint Maurice — Nay tôi được xem múa Ấn-Độ trong thánh đường Conventin còn chưa hoàn thành — Và đến chuyện ở cũng vậy. Trong học xá Jérusalem, tôi ở vào học xá số 3, vừa mới cất xong, nên drap, mền mới tinh ao, có cái còn mang dấu hiệu của nhà hàng.

Ngoài các buổi trình diễn nhạc quốc tế còn có những đại hội múa hát dân tộc ở Dalia. Cứ mỗi ba năm lại có một lần Đại hội dân vũ và ca nhạc. Đoàn *Inbal*, chuyên các điệu múa dân tộc, đi trình diễn trong và ngoài nước.

Về điện ảnh và thể thao thì Israel còn đi những bước đầu, các công ty điện ảnh chỉ quay phim thời sự và trong 214 rạp hát bóng ở Israel, người ta chiếu phim các nước nhiều nhất là phim Mỹ, Pháp và Anh. Họ cũng thường chiếu phim Ý, Liên-Xô, Mễ-Tây-Cơ và các nước khác.

Vì thể thao họ đang luyện tập và mặc dầu trng bước đầu, họ cũng có tham dự các hội điền kinh quốc tế năm 1952, 1956, và 1960. Vận động trường Ramat Gan được 60.000 chỗ ngồi và hiện họ còn cất thêm 1 vận động trường khác ở Jérusalem trong trường Đại học.

Đại để đời sống vật chất và tinh thần bên Israel như thế, bạn thấy rằng so với số dân, với điều kiện đặc biệt của họ, với thời gian ngắn ngủi là 15 năm sau ngày độc lập, người Do-Thái đã thực hiện được rất nhiều điều đáng kể. Có một nếp sống đặc biệt Do-Thái mà tôi muốn nói cho bạn nghe là cách sống tập thể. Họ có những làng tập thể mà họ gọi là Kibbouts (số nhiều là Kibbutsim). Làng tập thể không dính dáng gì

với lý tưởng Cộng sản cả. Làng tập thể đầu tiên được thành lập bên này từ năm 1909 là làng *Degania*. Tất cả nhà cửa ruộng vườn trong làng đều của công. Dân chúng họp đại hội để lo việc quản trị và phân công. Mỗi người nhân viên trong « ki-bút » làm việc không lấy lương. Công việc của mỗi cá nhân có ích cho cả đoàn thể mà ngược lại đoàn thể có bổn phận phải lo chỗ ăn, chỗ ở, nuôi con, lo về sức khỏe về đời sống tinh thần cho mỗi cá nhân. Ở thì mỗi người có một phòng riêng, mỗi một gia đình có một phòng ngủ riêng, một phòng khách chung với một gia đình khác. Nhưng ăn uống thì công cộng. Trẻ con ở chung trong một căn nhà có người trông nom. Các em, ăn, ngủ, đi học chung với nhau. Đến 4 giờ chiều, khi cha mẹ rảnh việc, lãnh con về chơi với mình đến 9 giờ tối đem trả lại cho ấu trĩ viện để nó ngủ ở đấy. Công việc thì do Đại hội tổ chức và sắp đặt, theo nhu cầu của ki-bút » và theo khả năng của từng người. Bác sĩ thì lẽ tất nhiên là coi mạch, săn sóc sức khỏe cho mọi người. Nông dân thì trồng trọt, nghệ sĩ thì tập tuồng tập hát để biểu diễn văn nghệ cho « ki-bút » mình xem hoặc đi đến các « ki-bút » khác biểu diễn trao đổi văn nghệ hay là nếu không phải là « ki-bút » cùng một nhóm, một lý tưởng thì nghệ sĩ lấy tiền, nhưng bỏ cả vào công quỹ của « ki-bút ». Mua sắm dụng cụ hay nguyên liệu ở ngoài ki-bút đều do Đại hội quyết định. Mỗi ki-bút có một ủy ban quản trị để trông nom, trật tự, và sự giao dịch với các ki-bút khác hoặc với chánh quyền. Mỗi nhân viên ngoài việc ngày ăn ba bữa trong nhà ăn công cộng, có thể lãnh cà-phê, trà để về nhà uống riêng trong giờ nghỉ việc với vợ con, bạn bè. Quần áo rách cứ đem đến sở đổi quần áo mới, hoặc có người ở không mạng vá cho cả đoàn thể. Đau ốm, coi mạch mua thuốc không mất tiền. Nếu cần phải chở đi đến các bệnh viện to ở Jérusalem hay Tel Aviv, đoàn thể chịu tất cả các tiền phí tổn. Mỗi ngày có chiếu bóng hoặc hòa nhạc mà ai muốn xem hay muốn nghe cứ đến rạp mà xem mà nghe không mất tiền. Có chỗ xem báo xem sách tự do. Mỗi người trong nghề nghiệp của mình, như giáo sư cần sách dạy học, nhạc sĩ cần đàn, thì đề nghị cho Đại-hội, tùy theo công quỹ đại hội sẽ liệu mua cho để dùng vào việc công. Trong kỳ đại hội âm nhạc vừa rồi, có một cô giáo sư âm nhạc trong một ki-bút vùng Galilée được đoàn thể cho tiền đến ăn ở tại Jérusalem trong một tuần lễ để tham dự hội nghị. Mỗi năm, tùy theo công quỹ dồi dào hay không, mỗi nhân viên được một số tiền túi để mua những món gì mình thích. Số tiền ấy thường là 100 liu DT (3000đ). Lúc mới vào « ki-bút », những món đồ gì mình mang vào, bàn, ghế, xe, cộ v.v... đoàn thể nhận lấy và ghi đúng. Bao giờ mình không muốn ở đây nữa, bao giờ đời sống tập thể không còn đem yên tĩnh hay hạnh phúc cho mình nữa là mình xin đại hội

cho mình ra khỏi Ki-bút. Cái gì mình mang đến, đoàn thể trả lại cho mình, cái gì mình nhận của đoàn thể : nhà cửa, dụng cụ để làm việc, như máy in, máy đánh chữ, máy cày chẳng hạn, mình trả lại cho đoàn thể. Thành ra bạn thấy rõ ràng, làng tập thể này khác với cách sống tập thể bên Trung-Hoa chẳng hạn. Mình sống tập thể vì mình muốn sống tập thể. Bao giờ mình thấy không kham đời sống ấy, mình còn có cách tự do ra khỏi thể giới ấy mà sống một cuộc đời khác, mình không có cảm giác là bị bắt buộc phải sống tập thể.

Về nguyên tắc « Ki bút » là như thế. Bên Israel có tất cả gần 250 làng tập thể. Làng nhỏ nhất có 60 dân số, làng to nhất 20.000. Hiện nay các làng tập thể ấy tùy theo xu hướng chánh trị hay điều kiện kinh tế hợp nhau từng nhóm.

Thư tới, tôi sẽ trình bày sinh hoạt của từng nhóm đó.

TRẦN-VĂN-KHÊ

Con chó liêm sỉ

tuyển, truyện ngắn THẾ-PHONG

VIỆT-NAM BỊ THẨM ĐÔNG-DƯƠNG

LOUIS ROUBAUD — ĐƯƠNG-BÁ-BỒN dịch

- 13-8-63 đã gửi tới quý Anh Chị Lâm Nghệ-Thuật và Độc-Giả :
- **NHỮNG NGƯỜI QUỐC GIA 1945** *thơ Tq-Quang-Trung*
- **TUYỂN THƠ KHÁNG CHIẾN PHÁP 1939-45**
do Dominique Arny và Jean Paulhan sưu tập — Thế-Phong dịch

SÁCH THỜI MỚI

- THƯ NHÀ *truyện của Võ-Phiến* 38 \$
- HẸM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ
truyện của Xtê-phan Vai, do Trạng-Thiên dịch 22 \$ (Hết)
- TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI
tiểu luận văn học của Trạng-Thiên 42 \$
- GUỒNG MÁY
truyện của Giảng-Pôu-Xac, do Trần-Phong-Giao dịch 48 \$

Mua sỉ, do nơi các nhà phát hành :

Sống-Mới, Nam-Cường, Á-Châu, Khai-Trí

CÁI ĐÈN KÉO QUÂN

lương-thể-nam

Từ ngày thầy Lư chết đi, mẹ Lư không sao nuôi nổi cả một đàn con dại. Mẹ phải phân tán những đứa lớn cho đi ở năm cho những nhà khá giả trong làng hay những làng bên. Lư mới lên bảy tuổi cũng phải từ bỏ gia đình sang làm cho bà phó Càn, cùng làng nhưng khác xóm. Đời Lư, vốn là con nhà nghèo thì đành rằng vẫn vất vả, nhưng phải kể từ khi đèn ăn cơm của bà phó Càn, Lư mới thật cảm thấy : « Bát cơm, bát máu ».

Thăm-thoát cũng đã ba năm qua và sắp hết năm nay là bốn. Mấy năm chống chọi những sự việc vụn vặt không tên tưởng chừng có nghĩa lý gì, nhưng kỳ thực nó chỉ nhỏ nhặt như viên sạn, trông thì không thấy thê mà cũng đủ làm ghê hai hàm răng nhai bát cơm hẩm ; hoặc như mây bụi li ti thừa đủ làm cho nước mắt dầm-dưa khi gió thổi lọt vào hai hàng mi.

Bây giờ hai bàn tay Lư da đã dầy cộp lên khiến rẽ bèo Lư vẫn thường bằm cho tám con lợn ăn hàng ngày không đủ làm nổi mần tẹt lên nữa, hai ông chân, mặc quần cụt suốt năm, chẳng kể gì đèn mưa phùn gió bắc, muỗi cũng đã phải từ, còn hai gan bàn chân đều chắc nịch như đế dép cao su ô tô bắt chấp cả gai góc và phân chuồng trâu chuồng lợn. Đèn cái dạ-dày thì tưởng bỏ sỏi cũng đèn phải tiêu huồng chỉ là mây văng cháy khê khét, những quả cà nhám đen những bát mắm rồi bọt bầy nay Lư vẫn cõ nuột vội vãi dưới căn bếp nhà bà phó. Kê đèn là cái đít đã thành trai dưới những trận mưa roi bão gậy, ngày nay hầu như đã mất hẳn cảm-giác. Tuy-nhiên các trận đòn vọt vẫn làm Lư đau đớn, nhưng chỉ làm đau đớn tinh-thần thôi vì nếu đít Lư càng ngày càng trai cứng thì lòng Lư ngày càng mềm thất lại.

CÁI ĐÈN KÉO QUÂN

Thăm thoát gần bốn năm ! Chóng thật, mà cũng thật dài đằng dằng. . . và hôm nay sắp đến ngày rằm tháng tám... thứ tư kể từ khi thầy Lư mua cho cái đèn con cá ; rồi mua xong được hai tháng thì thầy mất, bỏ mẹ con Lư bơ vơ giữa bốn thôn làng Phú Đức này.

Hôm qua bà phó Càn đã mua về cho hai đứa con bà, thằng Nhỡ thằng Còn hai cái đèn ông sao giấy bóng trang kim. Lư vô tình đi ngang qua đó, nó biết phận đã cố gắng làm ngo mà bắt giặc vẫn cứ nhìn vào đề bà phó tiện dịp nói một câu đái boi :

— Cái đèn này thằng Lư và thằng Còn chơi chung.

Lư biết «chơi chung» đây có nghĩa là đi theo cảm hộ, nhờ đề cháy là chết, vì Còn còn bé quá chạy chưa vững nữa là cảm đèn.

Lũ trẻ hàng xóm cũng tập nập lắm. Chúng rủ nhau đi mua nứa tép, về ngâm dưới ao để pha nan uốn đèn cho dẻo ; chúng gập giấy làm những đèn quả bí mỗi múi một mẫu, chúng tước lá dừa lấy tơ làm râu cho sư tử ; trung thu là tết của trẻ con nhưng cũng là cái vui cho người lớn vì có dịp trò tài khéo léo.

Thoạt đầu Lư làm ngo tất cả ; biết thân phận mình đã đi ở cho bà phó Lư chẳng dám màng tưởng đến những thú vui xa hoa ấy ; bây nay Lư chỉ biết sống bằng cơm chín, sống là để làm việc ; đâu có phải để chơi . . .

Nhưng tiếng trống ếch thôi thúc day dứt quá !

Lúc Lư vác chiều ra cầu ao giặt, đứng ở cầu ao thoáng mát tiếng trống đầu đầy vắng lại rõ mồn một làm Lư không sao khỏi xao xuyến trong lòng. Lư tần ngần nhìn mặt ao bèo kín rồi lại nhìn lên bờ tre cao vút trong ánh sáng mà thấy sự cách biệt giữa tre và bèo to tát quá !

Muôn xua đuổi những ý nghĩ tủi thân, Lư cuộn chặt một cái chiều rồi túm một đầu, nó nẩy hần người về đằng sau rồi lấy hết gân bụng quật mạnh chiều xuống mặt ao làm thành một tiếng ầm vang át hẳn tiếng trống ếch. Lư làm lại mấy lần như thế, tâm hồn đã trở lại vui vui và thôi không nghĩ ngợi gì nữa.

*
* *

Hôm ấy, bà phó Càn gọi cho Lư cấp thúng theo lên chợ huyện. Đi với bà Lư biết cũng chẳng vui thú gì hơn thằng tù đi với người cai ngục nhưng Lư nghe nói chợ huyện vui lắm thành cũng muốn biết.

Quả nhiên chợ đông thật. Lại sắp rằm trung thu nên ngoài các đồ hàng ngày thường còn la liệt rất nhiều thứ quà bày cỗ trông giăng ; mía bưởi hồng cốm và nhất là những tầm bánh nướng mẫu cánh dán có khắc hình mai thọ cùng với các tập bánh dẻo nhân mứt sen thơm phức lẫn nẩy Lư mới trông thấy là một.

Cái thích nhất vẫn là những chiếc đèn giấy ; úi chào ! ai mà khéo tay đèn thề được nhỉ ! Những con cá vàng mắt lồi bằng vỏ trứng mồm đơm đớp

một sâu giấy quần tua giả làm sợi rong xanh, đèn tẩu bay với cái chong chóng gió thổi quay tít như có máy thật, đèn con bướm hai cánh vỗ chập chờn... Lư ngắm mãi mà thấy mỗi đèn một vẻ quyền rũ khó lòng định được cái nào đáng thích hơn.

Chợt Lư bắt gặp một cái đèn kéo quân treo ở một đầu sào có mắc đầy nhiều loại đèn khác tại một cửa hàng gần công chợ. Cái đèn trội hơn hẳn khiến Lư có cảm giác đây là một người tỉnh lạc lõng giữa đám nhà quê thô lỗ. Lư thích lắm, dù đi ở góc nào trong chợ nếu gặp chỗ thông quang Lư lại dán mắt nhìn về phía ấy.

Mua bán đã khá nhiều thức chất nặng vào thúng cho Lư đội; bà phó bận rộn quá nào có để ý gì đến cái vẻ thèm thuồng một cái đèn kéo quân của Lư. Đôi ba lần có bắt gặp Lư đứng tần ngần không theo sát bên bà, bà chỉ la mắng qua loa rồi lại mê mãi chọn hàng; Lư lại có dịp buông thả dòng tư tưởng trở về với vật sở nguyện.

Lâu lắm, Lư đội thúng đã ê cả cổ, bà phó mới tìm hướng đi ra. Nhưng khi vừa thoát khỏi đám người chen chúc chật chội thì bà chợt nhớ ra điều gì, bà bảo :

— À quên, phải mua mớ ốc hạt mít để về trông trăng nữa chứ !

Lư nhăn nhó, len mãi mới đưa được cái thúng nặng tới đây giờ lại đội vào đèn tận dãy hàng cá cuối chợ thì thật khổ nào bằng ! May thay, bà phó cũng hiểu cho nỗi cơ cực ấy :

— Thôi mày đứng đợi đây cũng được, mình tao vào mua cho nhanh trưa mất rồi còn gì.

Lư thở phào khoan khoái vì mắt nó đã liếc thấy cái đèn kéo quân của nó rồi.

Chờ cho bà phó đi khuất hẳn nó mới hạ thúng xuống đất, lấy nón đẩy điệm cẩn thận rồi nó mon men lại xem đèn.

Chà ! Thực là tuyệt xảo ; bốn mặt giấy tẩu bạch phẳng căng, các góc lại dán những đường trang kim chạy chữ triện làm cho cái đèn giống hệt một tòa nhà lầu lịch sự. Một ông lão cấp ô đi tới, ý chừng cũng thích cái đèn lắm bèn lấy tay vén giấy mặt cửa lên xem ; Lư nhờ vậy mà cũng được ngắm thỏa thích. Cái tán đèn tròn xoe như chiếc nón Nhị thôn với ba tầng quân cắt bằng bìa cứng dán vào ba vành tròn nữa ; tầng trên là tẩu bay cùng các chim muông, tầng giữa là ô-tô, xe đạp, xe tăng, tẩu bò và binh lính cầm cờ vác súng, tầng dưới dành riêng cho các vật ở dưới nước như tẩu bè ghe chài tôm cá... Cách xếp đặt hữu lý thật hợp đúng với ý Lư ; như thế thử hỏi Lư không thích làm sao được.

Ông lão ngắm nghĩa chán rồi bỏ đi. Lư bé hèn không dám tự tiện sờ xem nên đành trở về với cái thúng.

Trong tâm trí Lư lúc đó sôi nổi những ý nghĩ không hẳn là vui thích mà là phần khởi lạ. Bà phó vẫn chưa ra. Bỗng Lư quả quyết chạy lại cái đèn một lần nữa ; nó dơ hẳn tay lên

CÁI ĐÈN KÉO QUÂN

sờ vào các nứa, rồi soay đèn để xem đủ bốn mặt. Người bán hàng thấy một đứa bé nhem nhuốc rách rưới dám làm như vậy đã trừng mắt toan mắng thì Lư lễ phép hỏi :

— Thưa ông, bà cháu muốn hỏi ông cái đèn này giá bao nhiêu ạ !

Người bán hàng đảo mắt nhìn quanh đầu đây xem có một bà chủ sang trọng nào đã sai người làm đèn hỏi nên dịu giọng :

— Thưa với bà là đúng giá ba hào nhé ! cả nên.

Lư cười tươi như hoa, xem xét thêm một chút nữa rồi mới nói :

— Vâng ạ !

Khi trở về với cái thúng, nó giồng hết một con lươn bày lâu lán lút dưới bùn vừa được ngoi lên mặt nước ngợp vội một chút không khí trong lành rồi lại chìm về đáy sâu.

Bà phó cũng vừa ra. Bà chút nột mở ộc vào thúng rồi cả hai ra về bỏ chợ huyện với những đèn những bánh lại sau lưng. Dọc đường, óc Lư không rời một ý nghĩ : làm thế nào có được ba hào.

Giải pháp đầu tiên giản tiện nhất là đóng tiền công của nó. Nhưng khi liếc nhìn sang bà phó nỗ phát rùng mình và ý nghĩ ấy vụt tan biến như hơi gió thoảng. Lư lại nghĩ đến hai con gà mái mơ và một đàn gà con nó gửi mẹ nuôi hộ làm vốn tiêu tết, xong khó mà mẹ bằng lòng một hành động nông cuồng như vậy, con nhà nghèo lại định chơi đèn kéo quân, sang hơn cả

những con nhà khá giả ; chắc chắn mẹ ngăn cản mất.

Thật khó nghĩ quá ! Nhưng Lư vẫn cảm thấy không thể nào để cái đèn kéo quân sang tay người khác được. Lư đã nhất quyết.

Hôm nay mới là mồng mười ; Lư còn những năm ngày trước mặt. Lư chắc cái đèn đắt thế ít người dám mua và lại nhà hàng chắc phải có nhiều cái khác nữa chứ. Băn khoăn suy tính suốt dọc đường, bỗng Lư mỉm cười ; nó vừa tìm ra một kế nên yên lòng tin tưởng.

*
* *

Ngày ba tháng tám trong công việc nhà nông vẫn là những ngày tương đối nhàn hạ ; cày đã xong từ lâu cỏ cũng đã dọn sạch bấy giờ chỉ việc mặc cho lúa nhón. Mấy tháng làm đồng vất vả, giờ là lúc nghỉ xả hơi để lấy sức dùng vào cho vụ gặt tháng mười.

Bà phó Cán tất nhiên cũng muốn tận hưởng khoảng thời gian dỗi dãi ấy, nên mỗi buổi trưa sau khi cơm nước xong, bà thường giao thằng Cón cho Lư trông rồi ra vũng nằm xem truyện chờ giấc ngủ.

Trưa nay, mọi việc tất nhiên tiếp diễn đúng như mọi ngày, Lư vốn biết từ trước. Nó chờ đợi khi quyền truyện rời khỏi tay bà phó xuống đất là vội bồng thằng Cón ru cho ngủ nột.

Đặt thằng Cón vào giường đầu đây, nó kiểng chân lộn xuống chuồng trâu. Ở đây một cái liềm và mấy vòng

dây dầy đã đọi sẵn dưới mái lá ; nó tháo chuồng, lấy liềm rồi vội vã đánh trâu đi.

Ra khỏi nhà, nó thúc trâu chạy một mạch đến tận bãi chân đê. Nơi đây cỏ non và rậm ; rồi thả mặc cho trâu ăn tự do, nó ngồi bết xuống lấy liềm cắt cỏ.

Nắng chiều hôm xiên chênh chênh qua mái nón mê như phả lửa vào mặt nó. Nó làm ngoi cứ cắt, cứ cắt ; mồ hôi nhỏ xuống mỗi một vị nồng mặn như vị nước mát, nó cũng chẳng buồn để ý. Lưng nó ướt đầm ; từ khe áo cộc trước ngực hơi nóng hăm hập bốc lên như từ một nồi nước xông. Nó thấy khát cháy cổ bèn xuống sông khóa nón vục nước mà uống ; uống xong chẳng kịp nghỉ nó lại cầm đầu cắt cỏ.

Mặt trời dịu dần lúc nào không biết. Khi cỏ đã được một gánh nặng Lư mới ngẩng lên thì đã hoàng hôn nắng vàng đương thoi thóp. Đàn cò trắng rủ nhau rời sông vắng lặng bay chập chờn trên mặt đồng bao la.

Lư vội vã lấy dây bó gánh cỏ lại thật chặt rồi khoác vào lưng trâu, nó vác liềm nhảy lên với dáng điệu đắc thắng như Đinh-Tiên-Hoàng sau trận Cờ Lau. Nó lại thúc trâu về.

Tối làng, Lư chưa về nhà vội, nó cho trâu lẩn mò vào lòi ngổ tới chùa, Nó đoán nay sát rằm, nhà chùa bận sửa soạn hành lễ, chú tiểu Kệ không thể dắt trâu ra đồng như mọi ngày và

nó có hy vọng bán được gánh cỏ cho sư cụ.

Quả nhiên sư cụ vui lòng lắm và Lư được ngay sáu đồng xu thứ nhất của kế hoạch đem dắt vào cạp quần.

Tối nhà, bà phó chỉ hỏi lục vân mây câu nhưng khi nhìn thấy trâu no, bà mắng vài câu quen mồm rồi cũng bỏ qua.

Đêm ấy, Lư chằn chọc không sao ngủ được. Nó dỡ mây đồng xu phơi ra ánh trăng sáng mà ngắm nước đồng thau óng ánh rồi đem đi đem lại, và kiếm một cộng rơm nếp nó sâu cả lại buộc kỹ đem giấu vào chuồng trâu.

Ngày hôm sau, buổi trưa, Lư lại ru được Cò ngủ ngay và lại vội vã dắt trâu ra bờ đê cắt cỏ như ngày hôm trước. Rồi gánh cỏ cũng lại được sư cụ trả sáu xu và Lư lại đem vận vào cạp quần.

Nhưng khi về nhà thì nó thấy như bà phó Cán đang hăm hăm chờ đọi. Biết có chuyện chẳng lành, Lư vội luôn kỹ mây đồng xu vào sâu trong cạp dài rút rồi mới lúi thủi đi xuống nhà ngang... nộp mạng.

Bà phó găm lên :

— Thằng ranh con kia trưa nay đi đâu để thằng Cò khóc không cho ai ngủ hả ?

Rồi đen đét, đen đét những nhát roi hằn học như có điện làm toàn thân Lư co rúm lại.

Cũng may sáu đồng xu đã có để phòng từ trước, không bị bại lộ và

chương trình « đèn kéo quân » không vì vậy mà sây non.

Lúc vầng trăng dậy thì mùa thu lên cao nhòm chên chên vào góc phản Lư nằm và cả nhà đã ngủ kỹ Lư mới dám nghĩ đèn mấy đồng xu cực-nhọc. Minh mấy còn ê ăm khiến mọi cử-động mạnh lại đau đón thâm thía vào tận tâm hồn chẳng khác gì một niềm oán tiếc sâu hận. Tuy vậy Lư vẫn cảm như trong cái đau pha lẫn cả nỗi sung sướng.

Lư ngồi nhóm dậy ; lùa tay móc sâu trong cặp dài rút, nó lấy đủ sáu đồng xu ra rồi chạy vào tìm thêm những đồng xu trước ; xong đâu đây nó đếm đi đếm lại nhiều lần và ngạc nhiên thấy mình, đã có được những mười hai xu. Sâu tiến cảm đã nặng Lư muốn mân mê triu mến nhưng thôi cánh tay còn đau lắm nó cần phải đi ngủ thì mai mới lại có sức tiến hành công việc. Lư liếc nhìn trăng mỉm cười rồi mới kéo chiếu phủ kín mặt.

Ngày hôm sau, Lư không dám ru thẳng Còn ngủ nữa ; nó dắt Còn ra vườn sau. Nắng thu trong mát quá ! Một tấu lá chuối gió đập rách vẫy vẫy trước mặt. Lư xé lấy một mảnh rồi cuộn làm kèn đưa cho Còn. Hai đứa đi tha thân đi sâu vào giữa những gốc chè tươi, ánh sáng loang lổ. Tiếng kèn toe toe cộc cộc của Còn, tiếng gió đập vườn lá và xa xa giọng gà làng gáy trưa, âm-thanh réo róc một hồi rồi đổ xuống ngân dài. Lư tưởng như gà đang cồ găng vươn lên khỏi hoàn cảnh như Lư nhưng rồi mỗi một

chán nản lại đành thả mặc trôi theo dòng đời vô vọng.

Bỗng có tiếng phịch-phịch nặng nề đâu đây ; Lư tìm lại thì ra là bác hàng xóm dẫn chuỗi dầm rầm. Lư xun xoe lại gần trợ giúp một tay và khi buông chuỗi đã cắt xong Lư hỏi xin cái thân đem về thái cho lợn. Chiều nay thê là khỏi phải vớt bèo và Lư có thể cho trâu ra đồng sớm một cách rất ổn thỏa.

Tuy hơi vội nhưng cò sức là được và đèn tối thì Lư cũng đã cảm được sáu đồng xu nữa từ công tam quan bước ra nhảy phắt lên mình trâu về nhà.

Ngày thứ tư, tuy chuỗi còn không phải vớt bèo cho lợn nhưng bà phó đã sắp sẵn cho Lư một thùng thóc nếp để xay gạo cúng rằm. Nguy quá ! Lư học tốc làm việc để tranh thủ thời gian tuy vậy lúc dắt được con trâu đi thì mặt trời đã ngả bóng.

Lư không đi thẳng ra bờ đê vội mà hãy rẽ vào chùa ; nó cần dặn chú Kệ kéo sư cụ không đợi.

Đê hoàng hôn vắng teo ; triển đất cao vôi vôi chạy theo viền sông dài như một bức thành vạn lý ; bóng chiều nhuộm mặt sông màu vàng dịu hui đèn buồn rợn. Lư thoáng thấy sờ sợ vì cả một con đê dài thăm thẳm chỉ còn một mình nó hí hút cắt cò.

Kết quả sư cụ vẫn đưa cho nó sáu xu nhưng khi nhìn áo quần nó mồ hôi ước dầm trong giữa lúc sương chiều se lạnh, người ái ngại bảo :

— Con vất-vả quá phải không ?

Câu nói từ bi có sức mạnh gì làm cho Lư lúc ra về tự nhiên cảm thấy chán nản, không những đối với cái đèn kéo quân mà với ngay cả cuộc đời.

Sang ngày mười tư, Lư đã đem được hai mươi bốn xu dầu trong chuồng châu. Nó khắp khởi mừng thầm vì chỉ cần thêm một gánh cò nữa là xong, một gánh cò có nghĩa lý gì, nên Lư dám coi như là mộng đã thành rồi.

Nào có ngờ đâu, vì sát đèn rằm, biết bao công việc dồn dập tới. Bà phó bắt phải treo dừa hái quả và lấy lá, quả dùng làm nhân bánh đúc còn lá là để đốt ôc. Những con ốc béo mua từ hôm chợ huyện đã được ngâm kỹ cho sạch rớt bẩn, rồi đây sẽ được chặt vỏ khêu ra ướp giềng rồi cuộn lá dừa vào chỗ hấp.

Lư còn phải treo cau chầy bưởi rồi ngâm hồng, dầm chuối. Mía cũng phải dóc lá, dẫn thành từng đản. Bà phó lại không quên bắt nó phải lên tận xóm trên xin lấy một nắm lá gừng vì bánh đúc dừa lạc mà có pha nước lá gừng thì mới tuyệt; Lư bận liên miên thành thử tuy vẫn dầu sẵn cái liềm và cuộn dây trong chuồng trâu mà nó không làm sao hết việc để dắt trâu đi được. Nó đành đợi đến chiều vậy, nhưng chiều cũng không thoát. Bà phó bảo :

— Hôm nay bận thì rút rơm cho trâu ăn khỏi ra đồng nữa. Lấy gạo nếp và gạo tẻ ra giã lại cho thật trắng để ngày mai thổi xôi nấu cơm cúng, làm nó nhanh tay lên, liệu mà nghênh.

Khôn nạn Lư còn muốn nghênh làm gì ! Lòng nó sôi như lửa đốt, nó cố gắng lắm nhưng vẫn biết rằng : thôi thế là hết !

Tôi đã khuya khuya việc mới vẫn thì giờ này làm sao mà cắt cò được nữa và có cắt thì đèn bao giờ ; thật hoàn toàn tuyệt vọng. Trông vào ngày mai ư ? Chao ôi ! ngày rằm còn bận gấp mấy.

Chợt một ý định vụt sáng trong trí nghĩ làm cho Lư thấy hé một con đường tiền lên.

Nó hấp tấp chạy vào chuồng châu lần mò tìm xâu tiền giấu kỹ dưới lớp rác bôi rồi nhanh như cắt nó lòn ra khỏi nhà. Trong ngõ tre tối đầy mịt nó nhìn không rõ đường mà vẫn đi như chạy. Nó tìm đèn chùa và xin chú Kệ đưa vào gặp sư cụ :

Cụ hỏi : « Con đèn đây có việc gì ? »

Lư đáp ứng : « Bạch cụ xin cụ thương con cho con vay trước tiền một gánh cò để con tiêu rằm ».

Sư cụ vui lòng ngay :

— Được rồi con khỏi lo nhưng hãy ngồi đây ăn lộc thánh đã.

— Dạ con bận quá xin cụ cho con về.

Nhà sư già đưa tiền cho Lư và cũng không quên dúm cho nó một gói cốm và hai quả chuối trứng quóc. Bữa cơm chiều nay Lư bỗng chón buồn bã chẳng muốn ăn ; bụng chỗng rỗng bây giờ lại được nếm mùi cốm mới.

CÁI ĐÈN KÉO QUÂN

Lư rẽ thẳng sang con đường lên huyện ; lòng nhẹ nhàng, hai bàn chân như mọc cánh. Văng trắng cũng vừa lên cao tươi vui và hiền hậu. Lư rộn ràng sung sướng quên cả mệt nhọc ; nó quên hẳn những vết ê ẩm của trận đòn hôm nọ cùng với những chỗ da sây sát rớm máu lúc treo dừa hôm nay. Lư quên luôn cả bà phó, cả thằng Cón thằng Nhỡ.

Từ xa, phố huyện đã thấy đèn đóm như sao. Lư thích cuống cuống chạy gần cho mau hơn. Có tiếng trống sư tử thúc dục dồn dập ; đôi lúc nghe như văng vẳng một điệu hát trống quân tình tứ :

« Cau bảy bồ ba,

Thương nhau cau bảy bồ ba,

Chẳng thương cau bảy bồ ra làm
mười.

Thình thùng thình, thình thùng thình »

Cái đèn kéo quân đúng như Lư dự đoán đắt quá chưa ai mua. Lư chẳng kịp xem lại, vội vã lấy tiền ra trả rồi cầm nền sách đèn nó lại học tọc ra về ; trên con đường khuya vắng nó giống hệt như một thằng ăn trộm.

Tới nhà, nhà đã ngủ yên : con chó vận toan sủa nhưng nhận ra hơi quen lại vẫy đuôi mừng ngay ; Lư chạy xuống bếp ; không có một chỗ nào khả dĩ giấu được cái đèn ; nó lẩn lên nhà ngang cũng vậy. Kết cục chỉ có đầu nhà trái quay ra ngoài vườn là khuất nẻo ít người lui tới ; Lư đành đem đèn treo ở đây vậy. Xong xuôi Lư mới cảm thấy mệt như tử ; không kịp xuống cầu ao rửa mặt mũi tay

chân, nó nằm vật xuống phản, thê là ngủ một giấc đèn sáng.

*
• •

Lư ngồi trên cái trống tre xay bột nấu bánh đúc đã rời rã cả cánh tay phải ; nó đổi sang ngồi đầu trống bên này để thay tay nhưng tay trái yếu và ngượng ngập quá. Cái cối bằng đá san màu gạch thẫm như một nắm cơm đỏ nhiều châu bồi, lúc mới vào xay tường cũng nhẹ thôi nào ngờ bột gạo đặc sít mút hai thớt dính chặt lại. Lư phải đổ thêm nước nhưng lại sợ bột loãng quá khó nấu thì cũng như đòn với bà phó vì xem chừng bà chú trọng đặc biệt đến món bánh đúc lá gừng dành riêng cho dịp Trung-thu này, để hỏng là chết.

Mùi bột pha vôi nồng nồng ngai ngái làm Lư chán ngấy cái công việc ít hứng thú. Mạnh nửa dùng làm đường máng cho bột chảy xuống nôi kê dưới gầm trống cứ theo đà trống đu đưa mà run rẩy, chốc chốc quá chớn lại bật rơi ra làm bột rỏ tong tòng bắn vung lên thành những đóm trắng trên sân đất và hai ống chân Lư.

Thình thoảng mỗi tay quá và cũng để thay đổi không khí cho đỡ ngán Lư bỏ một thoảng ra ngoài và lần nào nó cũng tạt qua đầu nhà trái để ngắm cái đèn kéo quân ; cái đèn vẫn còn đó. Lúc nào Lư cũng cố ý trông chừng bọn thằng Nhỡ thằng Cón.

Say xong được nôi bột thì liên tiếp bao nhiêu công việc khác đang chờ đợi ; nào làm gà thối xôi, nào

sửa soạn rửa hoa quả sắp cỗ, sau đó lại còn lau dọn bàn thờ rồi quét cái sân gạch thật sạch sẽ để tồi làm chỗ trông giăng; ấy là chưa kể việc cắt lá chuối sắp vào mẹt để đồ bánh cùng là những chuyện hằng ngày: nấu cơm, băm bèo cho lợn, vơ rơm cho trâu; thật mờ mắt không kịp.

Tuy vậy Lư vẫn thậm thụt ra đầu nhà trái đều đều; nó vẫn có ý lủi tránh nhưng có ngờ đâu đi lại nhiều quá nên nó không qua nổi mắt hai thằng Nhỡ, Cồn.

Lúc Lư đương đem sôi vào chiếc đĩa con phượng dưới bếp, thì nó bỗng giật mình đến thót một cái rồi tim đập thình thình. Nó vừa nghe thấy tiếng Nhỡ reo:

— «Ồ! vớ được cái đèn kéo quân!»

Lư luống cuống đặt vội đĩa sôi xuống đất rồi chạy đi như người chữa cháy, con vện chẳng hiểu gì cũng ù té chạy theo.

Đền nơi thì trời ơi! thằng Nhỡ đang cầm cái que dài khều khều cái đèn và chọc thủng mắt một lỗ giầy; Cồn cũng đã có mặt tại đây.

Không thể nhìn được, Lư xông lại dụt cái que vút sang bên vườn:

— Đèn của ông đây!

Nhỡ khóc chu lên; và tất nhiên là bà phó lại; Nhỡ thút thít mách mẹ là Lư đánh làm Lư bị mây cái tát trái nên thân.

— Quân này tiền đâu mà mua đèn thế này; lại ăn cắp chanh cấp ồi đem bán đây! Giỏi thật!

Lư đau lắm nhưng vẫn không khóc: bà phó quát:

— Đẻ gà ăn hết sôi bây giờ, cút đi đồ chó.

Rồi dơ tay, bà vớ lấy cái đèn kéo quân đem xuống đưa cho thằng Nhỡ.

Lư đứng dơ tay như một pho tượng gỗ, không có một phản ứng gì rõ rệt. Thấy vậy bà phó găm lên một lượt nữa:

— Nó còn đứng thi gan đây phải không?

Lư đành phải lủi thúi xuống nhà, thần thờ như một người mất trí. Mãi lúc cầm vào đĩa sôi, nước mắt nó mới trào ra tràn ngập cả bộ mặt.

Lư lẩm lủi làm việc, ruột như lửa cháy. Nó cắn răng chịu đựng nhưng vẫn nghĩ kẻ. Mãi lúc xế chiều, khi mọi việc đã tạm xong Lư mới dám tìm đèn xem bọn thằng Nhỡ thằng Cồn đã làm gì vào cái đèn của nó.

Cũng may, hai đứa thích quá không phá phách gì cả. Chơi cũng đã lâu lâu, chúng xem chừng bớt háu không còn quá say sưa như lúc đầu nữa.

Lư mon men đèn đồ:

— Nhỡ cho anh cái đèn đi, chóng anh bắt cho con chuồn chuồn.

Nhỡ có vẻ chịu:

— Con chuồn chuồn chúa cơ!

Lư ừ hừ rồi vội sách đèn chạy đi; đèn lượt Cồn phản đối; Lư quay lại hứa:

— Cho Cồn một con nữa nhé.

CÁI ĐÈN KÉO QUÂN

Rồi nó chui thụt vào chuồng trâu. Lư lần thang đóng leo lên đèn tận chỗ có cái thuyền nan úp trên xà ngang gần nóc, chỗ ấy giấu đèn thật vừa đẹp vì Nhỡ Cồn có đứng dưới cũng không trông thấy. Rồi thoăn thoắt nó nhảy xuống thì Cồn cũng vừa tới nơi. Thấy Cồn còn phụng phịu chưa xuôi, Lư phải nói dối :

— Trâu ăn mất đèn rồi Cồn ạ !

Cồn vẫn muốn sinh sự thì Lư nhanh trí cầm cái chổi đánh chết một con ve đang bậu ở lưng trâu và mắng :

— Đánh chết con trâu này, mày ăn mất cái đèn của Cồn nhé.

Rồi nhặt xác con ve nó đưa cho thằng Cồn xem những vết máu đỏ lôm ; thề là yên chuyện.

Khi bữa cơm chiều xong và mớ ổi dứa cũng vừa chín, Lư tưởng đâu trở về với cái đèn kéo quân của nó, nào ngờ bà phó gọi bảo :

— Thằng Lư sắp nên đót đèn rồi đưa hai em ra sân đình xem múa sư tử.

Thề là Nhỡ Cồn theo bám sát nó ; nó thấy lần chần chốc chốc thằng Nhỡ lại dục :

— Mẹ bảo, mày không đi hả ?

Đèn cơ sự này, Lư không còn cách gì hơn là châm lửa vào hai cái đèn ông sao rồi công thằng Cồn trên lưng nó dắt thằng Nhỡ đi.

Trẻ con từ các ngả xóm cũng tập nập mang đèn tới, sân đình nhộn nhịp khác thường.

Một toán trai làng đã thành lập một phường múa lân đem ra đình để mua vui. Một cái đầu giấy lớn, sừng cong ngay giữa trán, hai con mắt to lồi rồi đèn một cái mũi chùn ngắn cuộn quăm lại trên một cái mồm cực rộng với hai hàm răng lồm chồm ; mặt lân tưởng dữ tợn với những vằn đen trắng và bộ râu ria xồm xoàm thề mà trông lại có vẻ khôi hài. Hai thanh niên mặc áo trên chân quần sà cạp, giữ việc múa nhảy làm cho con lân linh động, còn một chàng cải trang thành một dũng sĩ tay cầm côn xông vào đầu với lân.

Người và vật cứ theo nhịp trống mà quần thảo lẫn nhau ; hồi trống có lúc dè dặt ngộp nghẹn thì con lân cũng như chàng dũng sĩ cũng như chùn mình thề thủ có lúc trống bỗng lên trở thành ào ạt thì lân chồm lên lồng lộn và dũng sĩ cũng vung côn nánh né. Hồi trống rồi rít cuồng loạn thì lân và người quần quýt lẫn nhau trong một thế giáp lá cà ác liệt.

Trận đầu cứ tiếp diễn quanh quần có mấy trò như vậy thề mà các khán giả kẻ cả người lớn lẫn trẻ con vẫn reo hò thích thú.

Đêm trở về khuya ; các cụ trong làng có lẽ muốn chấm dứt nên cho người đem một xâu tiền treo vào một đầu sào dài để lân giật giải. Màn này là màn chót và cũng là màn gay cần nhất.

Tiếng trống bỗng vùng lên thúc dục như mới có một nguồn sinh lực mới ; cả con lân, và chàng dũng sĩ cũng vậy

nhưng lần này hai bên thôi không còn là địch thủ nữa mà lại trở thành đôi bạn trợ giúp nhau cho một công việc quyết liệt tối hậu.

Chàng dũng sĩ đã chông cây côn xuống đất hai chân dạng ngang oai hùng vững mạnh ; con lân chạy quanh rồi vút một cái nó treo lên cái gậy ; trông càng sôi nổi. Lân cồ găng leo lên. Ở trên cao xâu tiền chinh lác lư quyền rũ như một lý tưởng. Con lân càng rần sức và chẳng mấy chốc nó đã đớp được xâu tiền. Hối trông nó tròn rã như một tràng cười đắc thắng ; lân tự xuống đất, trông trở về trang trọng ; lân cúi dập đầu xuống đất ba bốn lần và người ta gọi là lân lễ... thế rồi tan cuộc.

Đèn đóm lại phân tán tàn mác về các ngõ tối tăm.

Suốt buổi rước đèn đêm nay. Lư ngạc như người mất trí, chỉ một đôi lúc con lân vùng vẫy và tiếng trông sát phạt lắm mới làm được nó chú ý đèn cảnh vui nhộn quanh mình, nhưng chỉ thoáng qua thôi, tâm tư nó lại chìm lắng vào một niềm sầu thảm tui cực.

Nó không thèm để ý đèn bất cứ một cái đèn nào của đám trẻ trong làng vì trong lòng nó lúc nào cũng le lói một cái đèn đẹp nhất đất nhất với ba vòng quân cát đủ cả thủy lục không quân đương quay tròn quay tròn tường như không bao giờ hết dưới cái tàn xoè rộng như một cái nón Nhị Thôn.

Thằng Cồn đã ngủ gục trên vai Lư còn thằng Nhỡ cũng cứ ngáp luôn và bước những bước mơ hồ ngái ngủ.

Về đến nhà, một đồng vỏ ốc lẫn lộn với nào bã mía, lá chuối, củi buri ngọn ngang bừa bãi một góc sân ; nhà đã ngủ yên cả.

Lư đặt Cồn vào màn rồi dắt Nhỡ ra cầu ao rửa chân đi ngủ.

Xong xuôi nó mới cảm thấy thực là thanh thản ; vì đã đến lúc nó được tự do để sống cho riêng mình, để làm những việc theo sở thích.

Lư tiến về phía chuồng trâu tối om. Nó lần mò sờ tìm thang đóng định leo lên, thì bỗng nhói một cái hai chân nó muốn khuyu xuống ; nó phải vịn vào tường nghỉ. Bây giờ nó mới kịp nhận ra rằng, hôm nay quần quật suốt ngày từ sáng sớm cho mãi tới khuya mà bữa cơm trưa cũng như bữa chiều hoặc vì bận, hoặc vì buồn nản, đã nuốt mỗ hôi nước mắt nhiều hơn là cơm cháy nên lúc này nó đã hoàn toàn kiệt lực.

Tuy vậy Lư vẫn cồ leo lên, nó lấy tay toan bẻ cái đèn của nó xuống nhưng rồi không rõ nghĩ thế nào nó lại thờ dài lùa tay sờ bốn mặt giấy phẳng căng một lượt rồi trụt xuống đi ra ngoài.

Lư rẽ ra chum nước, khóa gáo vục một gáo đầy rồi đưa lên mồm uống ừng ực một hơi dài.

Uống xong nó lết xuống nhà trái và tìm đèn cái phẫn của nó. Mỗ hôi nó toát ra đầm đìa tường như cả gáo

CÁI ĐÈN KÉO QUÂN

nước vừa uồng được chảy đều hết ra mặt da.

Trong nhà đèn đặc : Lư quay mặt ra sân để nhìn lại vắng trắng rằm một lượt nữa thì mắt nó hoa lên khiến nó tưởng như ánh sáng cũng rung rinh cảm động.

Nó ngã xuống phần, hai tay run run kéo chiều phủ kín người.

*
* *

Hôm nay là mười sáu. Dòng đời sau một ngày Trung Thu sôi nổi đã trở lại bình thản thanh nhàn. Công việc trong nhà bà phó Cán cũng về với nhịp điệu buồn nản cũ ; Lư có thừa thì giờ dắt trâu ra đồng. Nó cắt trả sự cù gánh cỏ còn nợ.

Buổi tối, cả làng đều đi ngủ sớm để bù vào cuộc chơi rằm đêm qua.

Trăng hôm nay lại mù mờ ; đây trời mây vẫn lên.

Lư chờ cả nhà yên giấc đầu đây mới vào chuồng trâu sách cái đèn kéo quân xuống. Nó đem lại đầu còi đã gạo, chỗ khuất gió và thấp cả mây ngọn nền cho thực sáng... rồi thần thờ nó ngồi chông hai khuỷu tay nâng cầm và nhìn cái đèn của nó xoay những vòng luẩn quẩn.

Bồn bề yên lặng quá độ ! Mây kéo về mỗi lúc một đầy. Có lẽ trời sắp mưa !

Lư cảm thấy một nỗi cô độc nhần nhục nhuốm vào ánh sáng chập chờn hắt ra từ cái đèn gặp gió.

Nó thấy thương đèn thương thân.. và bắt giắc nó gục mặt vào lòng bàn tay khóc thút thít.

LƯƠNG-THẾ-NAM

1962

SÁCH MỚI

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Lược Khảo Về Ngữ Pháp Việt-Nam

Của DOÃN-QUỐC-SĨ và ĐOÀN-VIỆT-BỬU

GIÁ 90đ 00

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Luận Luân Lý và Phổ Thông

của PHẠM-THẾ-NGŨ

360 đề nghị luận với bài giải cho các kỳ thi Trung-học và thi tuyển giáo sinh: cán sự, sĩ quan.

QUỐC HỌC TÙNG THƯ XUẤT-BẢN

GIÁ 65 đ 00

Thăm anh

Ngày Quốc Hội, tôi về đây công tác
Sông Kiên Hòa điệp điệp bãi dừa xanh
Trời tháng tám, rắc mưa chiều lác đác
Ở phương nào? Anh, có nhớ không anh?



Trường Trung học mới đôi ngày khai giảng
Phở trưa bùng, áo trẻ nở đầy hoa
Tôi tới thăm anh. Cô học trò bé bỏng,
Nhìn đắm đắm. Rồi bùng mặt khóc òa,



— « Thấy được lệnh đầu quân từ buổi đó,
Hẹn ba năm, giải ngũ, sẽ về đây.
Nhưng xa cách mới hai mùa mưa gió,
Người còn đâu. Năm mộ, cỏ hoa bày ».



Bà chủ trọ nhắc anh, đầy duyên tiếc
— « Thấy ở đây, quen biết trót mười năm... »
Khung ảnh nhỏ còn nụ cười thăm thiết,
sách vở này thăm nhắc kẻ xa xăm.



Định tới thăm anh.

Ôi, người bạn cũ.
Có buồn chẳng khi vĩnh biệt trần gian.
Anh từ trận? Không — Anh vừa giải ngũ,
Khóc làm chi, nếp sống bớt ngang tàng

H. H.

(Bến Tre 63)

mặc tưởng

Hai vành môi mím lại,
mắt rục lửa uất hờn.
tôi nhìn tôi thương hại,
với thân thể hao mòn.

mỗi lần tôi cúi xuống,
mái tóc dài buông rơi.
nhìn đời đầy mặc tưởng,
như sóng nước cuồng trôi.

Có gì đang ăm ức,
trong hồn tôi nhói đau.
nặng đè lên lồng ngực,
Từng hơi thở dồn mau.

Tôi đã đành giấc ngủ,
bằng ý nghĩ xa xôi.
— Chiếc xe hồng thập tự,
Qua đây bỗng rít còi.

I. N. T.

(Đà-Nẵng)

khách lạ quê hương

Mến gửi « Người em quê hương »

Với những ngày hoang dại
niềm say mê thiên đường
từ những trang thần-thoại
đã tan nhòa trong sương

còn đây niềm khắc-khoái
một giòng sông cắt ngang
còn đây niềm mệt mỏi
một thân-thể điêu-tàn

với tâm-hồn i-hủy-thủ
sau những ngày phiêu du
ngất ngư triều sóng lũ
mong ghé lại bờ xưa

trở về tìm an ủi
trên mảnh đất quê hương
để với niềm hận tui
của người mất quê hương

với hoài-mong giản-dị
một ánh mắt yêu thương
một nét cười thùy mị
một mái tóc vương hương.

Ánh mắt nhìn xa lạ
làn môi không nụ cười
tâm hồn em kín cửa
tôi gõ nhẹ bên ngoài

quê-hương thì vậy đó !
tôi trở gót ra đi
thêm một lần thua lỗ
bây giờ tôi còn chi ?

con đường dài trước mặt
quê-hương nằm sau lưng
với ánh hình đôi mắt
kỷ-niệm buồn rưng rưng...

V. Đ. Quảng-Nam 8-63

D. H. S.

Một buổi chiều

CON đường Võ-Tánh đưa tôi Bảy-Hiền, cho tôi một ý nghĩa là lạ : quen thuộc mà đứng dưng. Tôi đi trên con đường ấy nhiều lần, nhưng ý nghĩ ấy không thay đổi. Tôi còn xa lạ đối với không khí thủ đô. Tôi chẳng thấy ở đây có một chút gì vui tươi. Ở đây nhộn nhịp, nhưng tôi có một thế giới riêng, thế giới tẻ ngắt, như lúc tôi sống ở Long-Xuyên.

Chiều thứ bảy hôm nay, đường Võ-Tánh vẫn vắng. Ở đây gần như ở ngoại ô. Ngồi trên chiếc Vélo Solex, tôi không buông hết ga. Chiếc Solex bò từ từ gần như là chiếc xe đạp. Tôi đi qua những mái nhà lụp xụp, rải rác hai bên lề. Thỉnh thoảng vài anh chàng trẻ tuổi, cặp tay một ả mặc jupe bó sát lấy cái mông đầy thịt từ trong ngõ vắng đi ra. Đường này ít xe cộ, Tôi qua khỏi Lăng Cha-Cải, qua một nghĩa địa của người Pháp với những ngôi mộ vuông mang những chữ thập trắng thẳng hàng. Sự lặng lẽ trên con đường này

càng tăng thêm. Thỉnh thoảng một chiếc trực thăng vượt ngang đầu tôi xé tan cái không khí yên lặng của nghĩa địa.

Tôi đã đến cổng nhà một cô bạn người Mỹ. Con đường vào nhà nhỏ hẹp, hai bên viền cây ngọc lan dẫn tôi đến một biệt thự trắng xóa ẩn một nửa dưới chòm cây. Tôi đi vòng sau bếp, rồi leo lên thang gác. Ở đây tôi có thể nghe tiếng đoàn quân xa chạy rầm rộ bên đường Lê-Văn-Duyệt. Tôi lò mò lên phòng Martha Smith, cô bạn gái kiêm cô giáo tôi.

Đáng lẽ giờ này Martha còn đi bơi ở hồ tắm Cộng-Hòa nhưng nàng đã hứa tiếp tôi. Bước nhẹ nhẹ vào phòng, tôi đến cạnh bên nàng, nhưng nàng chưa hay biết. Martha đang mê đọc một tờ báo Việt vì nàng cũng đang trau giồi Việt ngữ. Tôi kêu lên :

— Hi ! Martha !

Nàng giật mình buông rơi tờ báo, vỗ lấy vai tôi :

MỘT BUỔI CHIỀU

— Tôi sẽ đi Vũng Tàu tuần sau. Bây giờ tôi dành cho chị cả buổi chiều này.

Martha hơi nhỏ nhắn đối với gái Tây-phương. Nàng có làn hỏi tôi :

— Này Linh, chị trông tôi giống gái Tàu không ?

Thật vậy, nàng giống ả xẩm nếu mái tóc nàng đen. Tóc Martha hót kiểu Jeanne d'Arc. Nàng ít mặc đầm, chỉ thích mặc quần tây, áo sơ-mi ngắn. Trông Martha có vẻ thể thao lắm. Nàng bảo rằng nàng ưa hát tiếng Việt mặc dù giọng còn cứng lắm, và nàng lại có cái biệt tài bắt chước các ca sĩ Việt-Nam. Tôi vội khai thác ngay :

— Martha ! hát tặng tôi một bản nhạc Việt đi.

Nàng nhận lời ngay, không từ chối. Bỗng nhiên Martha đứng phắt dậy, xách cái đàn Guitare ra. Cô ta đặt cây đàn dựa vào thành ghế.

— Linh ! thí dụ đây là máy vi âm. Và hôm nay tôi hát tặng chị bản « Mưa Rừng ».

Bắt chợt, Martha móc chiếc khăn tay ở túi. Tay trái cầm khăn, tay mặt vịn cái cán đàn. Tôi hiểu ngay, nàng đã quan sát tỉ mỉ các nàng ca sĩ Việt-Nam. Tôi vụt cười thành tiếng. Lúc đầu, Martha làm ra vẻ mơ màng. Sau đó nàng cầm khăn mù soa vừa hát vừa chớp mắt lia lịa, vừa nhún nhảy.

Hát xong, nàng hỏi tôi :

— Tại sao, các cô ca sĩ Việt-Nam khi trình diễn lại cầm khăn tay ?

Tôi không biết giải thích thế nào cho ổn. Sau đó, tôi nói bằng một giọng rầu rĩ :

— Vốn đa cảm, họ phải cầm khăn tay theo để phòng khi họ khóc. Nhạc buồn dễ làm cho người Việt chúng tôi khóc lắm.

Martha ngạc nhiên rồi ngẫm nghĩ :

— Nhưng tôi gặp họ trình diễn nhạc nhộn mà. Vả lại khi hát họ tươi cười.

Tôi nói liêu :

— Họ cười, nhưng họ khóc sau hậu trường.

Martha cười nghiêng ngửa. Sau màn ca hát, Martha đi pha trà. Nàng vừa làm vừa hát khe khẽ. Điệu bộ nàng nhí nhảnh. Sau vài phút, chúng tôi ngồi bên nhau nói chuyện tâm tình. Giọng Martha không vui tươi như lúc đầu. Tôi tấn công nàng :

— Sao chị sang đây một mình ? Chị không nhớ nhà sao ?

Martha nhướn mày so vai.

— Cũng đôi khi thôi, Chị à. Nhưng tôi thích xa nhà. Tôi muốn tìm không khí mới, vả lại tôi muốn. . . gặp chị như hôm nay đây.

Martha lấy điều thuốc, rồi bật que diêm. Dáng điệu nàng chậm chạp như để xếp lại quá khứ cho có thứ tự. Khi làn khói xám từ trong miệng nàng bay ra, nàng đuổi người trên ghế sofa, mắt nhìn lên trần nhà :

— Linh à ! Sợ dĩ tôi sang đây vì tôi thất tình. Tôi yêu một thanh niên cùng học ở Michigan, nhưng... chàng ta có người đẹp khác. Chán quá, tôi thích thay đổi cái không khí lạnh lẽo của quê tôi và tìm đến xứ chị để được ấm áp hơn.

— Như chị còn đi đâu ngoài Việt-Nam không ?

— Có chứ. Tôi sẽ đi Nhật, Thái-Lan và Cambodge nữa. Chưa đi các xứ đó nên tôi cảm thấy quê chị cho tôi khá nhiều kỷ niệm đáng nhớ.

Tôi cảm ơn nàng bằng một cái nhìn âu yếm.

— Chị sẽ làm gì, sau khi chu du Á Châu ?

— Dĩ nhiên là tôi về quê hương sống ở nông trại dưỡng già và viết hồi ký. Thế nào trong trang đầu hồi ký của tôi, chị cũng là nhân vật đáng kể.

Bỗng nàng dụi điều thuốc chỉ cháy một nửa, rồi ngồi phất dậy như cái lò xo :

— Này Linh ! Sắp tới giờ Bill đến thăm tôi đây.

Tôi vội xin phép ra về, nhưng Martha níu tôi lại :

— Sao lại về ? Hôm nay tôi dành cho chị một sự ngạc nhiên. Cứ ngồi đây chờ tôi một tí đi.

Không hiểu sao, tôi ngoan ngoãn ngồi lại chỗ cũ.

Martha vào phòng riêng khép cửa lại.

Tôi nhìn quanh quất. Căn phòng hình chữ nhật, sơn trắng xóa. Giữa nhà, một bộ xa lông nệm mousse màu nâu thẫm. Chiếc ghế sofa kê sát tường, bên cạnh cái pick up, và đối diện kệ sách báo rất ngăn nắp.

Có lần Martha bảo : «Tôi chừng dọn phòng này sơ sài nhưng nó có cái nghĩa riêng của nó. Mỗi lần đi làm về, tôi nằm trên chiếc ghế này hút thuốc. Lúc đó tôi quên rằng tôi sống xa nhà, chị ơi ! Vì cái phòng này giống hết phòng mà má tôi

dành riêng cho tôi lúc tôi còn ở Texas. Chỉ thiếu cái lò sưởi kiểu cổ đun bằng củi thôi.

Trong không khí yên vắng, bỗng vang tiếng thụ cầm của bà mục sư già gần bên làm tôi dễ buồn ngủ.

— Linh mạnh đấy chứ ?

Tôi quay lại. Bill đã đến bên tôi. Chàng niềm nở bắt tay tôi.

Bill to lớn, mắt chàng trong xanh như đôi mắt mèo. Tóc chàng hoe vàng, màu của dây tơ hồng bò trên hàng đậu. Tôi quen Bill qua một cô bạn rồi Bill mời chúng tôi đến nhà. Bill đưa chúng tôi thăm trại gia súc ở Bảy Hiền. Bill thích pha trò và rất lịch sự. Có lần Bill lái xe đưa chúng tôi đi thăm trại heo giống. Đến chuồng những con heo khổng lồ, chúng tôi phải bưng lấy mũi vì cái mùi bất hủ của chúng nó. Bill thấy chúng tôi tỏ vẻ khó chịu liền cười khanh khách :

— Linh ! tôi đưa Linh vào hăng nước hoa đây.

Bill đưa chúng tôi từ chuồng heo đến tàu ngựa. Mỗi nơi Bill giải thích một cách dí dỏm. Ngoài những lúc đi thăm trại gia súc, Bill còn chịu khó dạy tôi học Anh-văn. Bill thân với tôi ngay từ đầu. Bill có lần bảo :

— Linh ! tôi thích có những người bạn gái Việt. Sao họ lạnh quá. Đẹp nhất là lúc các cô thẹn thì dễ mến lạ.

Bill đưa mắt đảo khắp gian phòng. Tôi hiểu ngay là Bill muốn hỏi tôi về Martha :

— « Đợi một chút, Bill. Martha sẽ cho lũ chúng mình một sự ngạc nhiên. Chờ xem !

Bill ngồi xuống cạnh tôi cười vờ vắn. Bốn mắt chúng tôi dán lên cánh cửa phòng nàng và chờ đợi. Cửa phòng bật mở. Martha hiện ra với chiếc áo dài Việt Nam màu hồng, tay cầm chiếc nón lá. Càng ngạc nhiên hơn, tóc nàng biến thành dài, đen óng và bỏ xòa trước ngực (đó là mái tóc giả). Nàng chậm chạp tiến về phía chúng tôi trịnh trọng cuối đầu.

— Chào Bill. Linh xem tôi thế nào ?

Bill cười :

— Martha ! em tuyệt thật !

Martha quay sang tôi bảo :

— Linh ! Tụi mình đi chơi phố. Có tôi hẳn chị không từ chối đi với con trai Mỹ chứ ? »

Tôi gọi :

— Kìa Martha, sao lông nhéo chị lại nâu vàng vậy ?

Martha kêu lên :

— Ấy chết ! Tôi quên.

Martha chạy xỏ vào phòng, ngồi lại bàn trang điểm. Tôi bỏ Bill ngồi đó, vào ngồi bên nàng để làm cổ vắn sắc đẹp cho nàng. Martha lấy cái bàn chải nhỏ đánh cho đôi hàng lông nhéo biến thành đen nhánh. Martha nhìn lần nữa vào gương, mắt nàng mơ màng, miệng nàng cười đắc ý. Nàng chạy đến bên Bill giục :

— Đi Bill. Hôm nay anh đi dạo với hai cô con gái Việt. Linh, thôi chúng mình ra xe đi.

Tôi mượn có bạn việc vì tôi có mặc cảm bây giờ mình là người thừa. Bill Chilton là bạn của tôi, Martha Smith quen

với Bill do tôi giới thiệu. Bây giờ hai người yêu nhau.

Tôi chưa chịu trở về căn nhà trọ ở Hàng Xanh. Tôi cho xe chạy ra bến Bạch Đằng. Trời tối hẳn. Cuộc sinh-hoạt ở đây náo-nhiệt hơn. Phần nhiều người ta đi chơi có bè có bạn. Làm một cuộc phiêu du đơn độc, tôi bỗng có cảm tưởng thiên hạ quên tôi. Tuy vậy, tôi thấy dễ chịu. Pho tượng hai bà Trưng đặt giữa công trường Mê-Linh dường như lãnh đạm ngó xuống lớp người nhốn nháo chung quanh. Tôi gửi chiếc Solex, rồi tho thả trên những lối đi trải sạn, giữa những bồn cỏ hình vuông dài, những cây liễu trồng giữa bồn ủ-rủ dưới ánh điện lơ mờ. Tôi men lại bể cá vàng giữa công trường. Cuộc sinh-hoạt của loài cá rục rờ này cũng nhộn nhịp. Tôi mua một gói bắp rang bơ, rồi thả từng hạt xuống bể cho chúng đớp.

Tự nhiên, tôi buồn rù. Martha xa nhà thiếu hẳn tình thương gia đình, nhưng bù lại nàng được nhiều người say mê. Nàng có nhiều mối tình. Sắc đẹp Á-Đông của nàng dễ quyến rũ những người chuộng vẻ đẹp xa lạ như Bill.

Tôi xa gia đình. Tôi mất Duy. Tôi nhớ những khi tôi mới lên Saigon, chiều nào Duy cũng đưa tôi đi chơi phố.

Bây giờ tôi bỗng như người vô hồn giữa phố đông xa lạ. Cảnh vật vẫn hoạt động theo nhịp điệu cũ, như khi xưa buồn ngó ngang đến tôi như những chiều trước. Và Duy không có ở đây. Hình như tất cả đều quay mặt không nhìn tôi.

Thuở đó, ba má tôi xuống Séc-Trăng lập nghiệp. Em gái tôi đã lên Sài Gòn học. Chỉ còn có một mình tôi sống trong căn

nhà cổ âm thầm này. Tôi làm nghề giảng tập viên, lương thì ít, cực thì nhiều. Nỗi buồn lơ mơ tưởng như không sao dứt được.

Cứ mỗi sáng thức dậy, chưa rửa mặt, tôi bước ra cổng nhà chờ bà bán xôi. Chỉ một đồng, tôi đã được một bữa ăn sáng và sửa soạn đi dạy học. Nói là sửa soạn cho oai, chứ chỉ khoác lên người chiếc áo nội hóa và với cái mặt xanh nhợt không son phấn. Trên con đường đến trường (một trường làng cách nhà tôi lối mười phút đi xe đạp), tôi vừa đạp vừa nghĩ vu vơ. Đôi khi tôi đuổi theo một giấc mơ hết sức ngớ ngẩn. Tôi mơ thành triệu phú nhờ một tấm vé số kiến thiết. Rồi thì bao nhiêu chuyện đẹp xảy ra sau khi thành nhà triệu phú tưởng tượng đó làm tôi bật cười. Nếu gặp mấy con bạn thấy bất ngờ cái cười quái gở ấy, chúng lại kêu lên :

« Cười gì vậy ? » Tôi chỉ biết cười thêm để trả lời cái câu hỏi đột ngột ấy.

Cái xã hội nhà trường cứ đều đều như tiếng tí tắc đồng hồ. Sau giờ hò hét con nít, tôi trở về cái nhà cũ kỹ, lạnh ngắt ấy. Đêm nào tôi cũng nghe tiếng sông róc rách sau nhà, tiếng tàu xà lan chạy xình xịch. Hình như đêm nào tôi cũng chìm trong những tiếng động đó. Tôi phải ra đi. Ra khỏi cái nhà này, cuộc đời tôi sẽ thay đổi. Tôi tin chắc như vậy. Thừa dịp năm phôi, tôi làm đơn nghỉ hẳn việc dạy học.

Sau khi tôi được phép nghỉ, ông hiệu trưởng trường tôi âm thầm tổ chức một bữa tiệc tiễn hành.

Bữa tiệc tổ chức tại nhà hàng thuộc vào hạng trung trong tỉnh. Chúng tôi gồm tất

cả 11 người (tám nữ và ba nam kể cả ông hiệu trưởng). Các bạn nữ đồng nghiệp của tôi có vẻ quyến luyến tôi thực tình. Chắc hẳn họ tiếc mất đi một con bé dám cầm đầu cãi cò với ông hiệu trưởng có tí « máu xấu ». Thực vậy, sau bài diễn văn của ông hiệu trưởng, các bạn gái của tôi tỏ vẻ cảm động mặc dầu tôi hiểu ngay ông ta làm một chuyện theo nghi lễ đối với nhân viên ông ta thôi việc hay bị đổi. Nhưng tôi cảm thấy buồn buồn trước một sự đổi thay dù tôi tha thiết muốn như thế. Sau khi tiệc tàn, và được mỗi bạn tặng cho một cái vỗ vai hay cái siết tay gần như muốn gãy hết cả ngón, tôi lủi thủi trở về. Căn nhà càng tăng thêm lạnh lẽo, cái lạnh lẽo của nhà xác đúng hơn. Tôi xếp vội vài thứ cần dùng mang theo. Khi mọi việc đâu vào đó, tôi vào giường cố dỗ giấc, nhưng bao nhiêu ý nghĩ vui buồn cứ lần lượt quấy rộn tôi. Cứ trần trọc mãi, tôi có cảm tưởng đêm dài không bao giờ hết. Bất chợt đồng hồ buông năm tiếng, tôi thức dậy sửa soạn lên đường. Tôi chỉ đánh thức người anh họ và gửi gắm nhà cửa cho anh rồi lặng lẽ ra đi. Trời chưa sáng hẳn. Ông anh họ tôi còn ngáy ngủ. Tôi nói huyên thiên nhưng không biết mình nói những gì. Nhưng tôi cần tuân hết những ý nghĩ lộn xộn trong lòng tôi. Cuộc đời ở đây đè nặng làm tôi nghẹt thở. Ra khỏi đây, tôi nhẹ cả người. Nhưng, như người ngồi mãi trong chỗ tối tăm, khi ra ánh sáng lại bị chói mắt, đột nhiên nước mắt tôi trào ra. Ông anh họ an ủi tôi. Cái ý tưởng một cuộc đời khác nổi lên theo chuyển đi không làm tôi phần khởi chút nào. Bây giờ tôi là một vì sao đổi ngôi. Vòm trời nơi đây có một bộ mặt đứng đưng.

MỘT BUỔI CHIỀU

nhưng sao lúc này nó lại ràng buộc tôi như vậy? Ra đi một mình, khi trời còn mờ tối, cảm xúc ủy mị xui cho tôi cái cảm tưởng bị người xứ sở hắt hủi.

Giòng sông Mỹ Thuận trôi siết. Mùa này nước sông đục. Trong nắng sớm, những cánh buồm xa thấp thoáng. Tôi đã sang sông, nhưng không phải đi lấy chồng. Tuy vậy, tôi tin sẽ gặp một cuộc đời khác. Rồi nghĩ lại tự nhiên mình rút khỏi cuộc sống cũ, tôi hơi hối tiếc. Nhưng tôi phải đi. Cuộc đời ở đây đứng sừng lại. Tôi muốn tìm cái gì khác hơn cái tôi đang có. Nếu tôi như con chó ngậm một miếng thịt rồi đi qua cầu, thấy bóng miếng thịt lớn hơn, vội nhảy ùm xuống nước bắt lấy, thì ít ra tôi cũng hái được một chút kinh nghiệm.

Tôi ra đi hơi đột ngột và lặng lẽ quá. Ba tháng sau, Nga, bạn tôi gửi thư cho tôi, thuật lại những lời nhận xét của các đồng nghiệp tôi về chuyến đi của tôi. Có người nói tôi trốn xứ để đi sanh nở. Có người đồn tôi xách gói theo ông hiệu trưởng (vì sau khi tôi xin nghỉ việc ông hiệu trưởng cũng bị đổi đi về miền đất đỏ sau một tuần) Đọc thư Nga, tôi ngơ ngẩn không rõ nên vui hay buồn. Sở dĩ thiên hạ đồn như thế vì tỉnh tôi nhỏ bé quá, mọi chuyện gì họ cũng thích bàn tán. Họ giàu tưởng tượng và khoái thêm thất vắn đề. Hơn nữa những cô giáo xin nghỉ việc thành lính chỉ có hai lẽ: đi đẻ hay đi theo trai. Chuyện ấy xảy ra thường cho các cô lâm vào cảnh không may ấy. Cách đó vài tháng, lang thang ngoài chợ Bến-thành, tôi gặp một người chị bạn đồng nghiệp và đồng xứ với tôi. Tôi không giấu được mừng rỡ khi cầm tay chị. Vô tình tôi bắt

gặp đôi mắt của chị dò thám xuống bụng tôi. Bất giác tôi không nín được cười. Tôi vụt hiểu cái nhìn nhiều ẩn ý ấy. Nhưng sau năm tháng bỏ quê, chị không thể thấy bụng tôi lên cao được một phân nào.

* *

Anh Duy! bây giờ em học Anh-văn. Em trở lại làm nữ-sinh. Hai mươi bảy tuổi rồi, em không còn một tâm hồn nữ sinh nữa.

Em còn nhớ khi ở quê nhà, mỗi buổi chiều thứ bảy em mặc áo trắng, dẫn bạn học trò gái đi dạo ở vùng ngoại ô tỉnh lỵ. Thầy trò ngồi xúm xít dưới bóng cây. Chúng nó cúi đầu trên khung thêu. Còn em thì kể chuyện đời xưa có tính cách giáo dục. Anh kiểm em, rồi ngắm em. Chung quanh em toàn là màu xanh của lá cây. Anh bảo em là nàng tiên trong nội cỏ của thiên đường.

Bây giờ em ở đây. Cái vẻ bơ ngỡ quê mùa của em không ăn khớp cảnh xa lạ của thủ-đô đầy màu sắc này. Rồi khung cảnh cũ, em hết là nàng tiên rồi.

Bây giờ anh đi xa... Em nối lại đời học trò. Mộng em thì to, và nỗi cô đơn không nhỏ. Cuộc yêu đương của chúng mình kéo dài chỉ giec cho em nhiều cái nhàm chán. Em đã quá lứa rồi. Em cần phải có nghề nghiệp hẳn hoi. Em sẽ các-ca các-củm để dành từng đồng, từng xu. Còn gì chua chát hơn làm một cô gái già vô nghề nghiệp, sống nhờ đứa em gái, giữ con cho nó như một vú em. Rồi mỗi khi nhìn sự dan díu của vợ chồng nó, rồi tủi thân, rồi ghen ghét cái hạnh phúc của kẻ khác. Em sợ lắm, anh Duy ơi!

Tôi cho xe chạy về Gia-định. Ý nghĩ đó làm cho tôi buồn, nhưng trong cái buồn ấy có vẻ hài hước. Xe hết xăng, nhưng tôi không lại trạm đổ xăng và cứ đạp chầm chậm. Đến một khoảng tối của con đường Bạch-Đằng, một đứa bé chặn tôi lại rồi nói :

— Cô ơi ! có ông Huê Kiều muốn nói chuyện với cô.

Không hiểu sao tôi thảng xe lại. Trong bóng tối mờ mờ một người Huê Kiều, mập, lùn và bụng bự nói với tôi bằng tiếng Việt bập bẹ :

— Hà ! cái lầy chào cú lểng (cô nương). Cú lểng ăn cơm chưa ? Li coi hát pổng với tôi nhá. Tôi ngạc nhiên, rồi đau đớn bàng hoàng. Nếu đi với Duy, thì tôi đâu

có gặp cảnh này. Một người con gái đi một mình trong đêm. Ý nghĩ ấy làm tôi sợ hãi.

Tôi nói bằng một giọng run run, và không hiểu sao nước mắt tôi gần như muốn tuôn ra :

— Nì làm rồi. Tôi đi học lớp tối mới về.

Hắn luống cuống xin lỗi tôi. Tôi lạnh lùng đạp xe. Đường vắng, tôi cần phải đạp mau. Nghĩ đến lát nữa đây, mình sẽ nằm trong bóng tối trên căn gác xép, tôi muốn trở về Long-Xuyên ngay. Ở đó tiếng sông róc rách sau nhà có lẽ sẽ vỗ về tôi. Và tôi sẽ nằm dưới bầu trời quen thuộc, ôn lại những chuyện thời thơ ấu.

NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

máu thu trời quê

xuân-hiến

Heo may nghe tưởng lọt qua song
Hồn thoảng dâng thơm vị cốm hồng
Không khi ngọt ngào hương với trái
Men mùa thu cũ dậy menh mông

Tôi thấy hồn thu trở gót về
Lang thang mây trắng xây trời quê
Bàng hoàng tỉnh giấc đêm mưa nhỏ
Xào xạc cánh hoang thảo thức nghe

• • •

Thế rồi khói lửa tràn quê hương
Bãi rộng trắng soi thu dậm trường
Ái vãng heo may đồn tiếng súng
Trời vàng menh mông thu biên cương.

Ngọn suối cầu treo còn nhớ ta?
Lửa chài thôi thóp, con đường xa
Từng đêm thu cũ về theo mộng
Ta giạt mình trong lớp phấn hoa

Những bức tường ngăn cách tuổi thơ
Đắp xây hi vọng xóa nghi ngờ
Trời bao la rộng, chao ôi, gió !...
Đêm gối ngàn sao đẹp giấc mơ.

Say uống men nồng, tắm nắng mai
Trắng mùa bệnh cũ chết lâu rồi
Mặt trời tin tưởng sôi trong máu
Lửa cháy trong tim định nghĩa đời.



Những chặng đường qua còn lại đó
Biển người cuộn cuộn sóng hoan hô
Lạnh tanh thép súng, tanh hồn bút
Ai đốt theo cùng đám lá khô.

Niên thiếu trôi cùng tiếng súng vang
Giờ còn thấy máu nhuộm thu vàng
Trắng thanh bình chết bên khe suối
Chót đỉnh thiên lương ngực bạo tàn

Chợt thấy hình tôi qua dáng anh
Súng gươm xây mãi kiếp mong manh
Trời xưa thu hẹp qua khuôn cửa
Còn thấy nhỏ cao vạn lý thành.

XUÂN-HIỆN

mong

về

mai

sau

Xin cho thêm những hàng rào nhân ái
Trở đầy hoa trong khắp nước non này
Những linh hồn đang còn đau đớn đần
Được trở về trên vầng trán thơ ngây

Xin cho thêm những dòng sông hiền dịu
Đi xuyên qua từng khuôn mặt mỗi người
Những bàn tay thợ thuyền sinh-viên lao-động
Mau tìm nhau làm ánh sáng mặt trời

Xin cho thêm những cánh đồng bát ngát
Những khu rừng bầy thú dữ vui chơi
Những buổi chiều mùa xuân không bao giờ tắt
Những nụ tình trên môi anh, môi chị, môi tôi

Xin cho thêm nhiều chim trong thành-phố
Nhiều mái nhà đập cánh trước thiên-nhiên
Nhiều chiếc rìu phá thành-trị ngôn-ngữ
Nhiều niềm tin thay hòng súng vô duyên

Xin thu hẹp những nhà tù đau khổ
Được tự-do cửa mở rộng thênh thang
Cho trẻ thơ nức nở đầy miệng sữa
Cây bao hành rụng trái khắp quê-hương

Xin cho thêm những mắt nhìn rượu ngọt
Làm trụ đèn xanh đỏ mỗi ngã tư
Những lưỡi dao tuốt trần trong lồng ngực
Sẽ nảy thành muôn hạt giống nhưng tơ

Ôi dân Việt-Nam da vàng ngọc ngà
Đã tan tành suốt cuộc chiến lẻ loi
Những vầng trán là chiến xa đại bác
Những linh hồn là đốm sáng ma trời

Xin được trở về nằm trong lòng mẹ,
Khi đau thương ở ngoài tầm một đời
Anh sẽ ngủ trong lòng em yêu dấu

TRIỀU-SAO-ĐẠI

BÁCH KHOA CLXII

nguyễn-ngu-í

phụ trách

Bách-Khoa

phòng văn giới nhạc sĩ

XII

★ NĂM-CƠ

Tên thật : Dương-Văn-Cơ.

Sanh năm 1919 tại làng Ngũ - Lạc, tỉnh Trà-Vinh nay là Vĩnh-Bình (Nam-Việt).

Chuyên sử dụng các cây kìm, nguyệt, sến, ghi-ta.

Đã cộng tác với các gánh Hoa - Sen, Kim-Chung.

Hiện đang cộng tác với đài phát-thanh Sài-gòn trong các ban cổ nhạc : Đồng-Nai, Đồng-Thanh, Thành-Công, Nam-Thanh và các hãng đĩa Hồng-Hoa, Việt-Hải.



● Cái hay của Cờ nhạc là ở chỗ đòn tùy hứng. Không thể áp dụng một chữ đòn, một chữ ca như nhạc Tây-phương, như Tân-nhạc.

Cũng không thể đòn rập theo bài bản qui định ; mà là tùy ở người ca, người hòa đòn với mình.

● Chúng tôi vẫn tin ở sức sống của nền Cờ nhạc. Cứ nhìn vào thực tế là thấy. Cái lương bao nhiêu gánh ? mà Kịch thì đã được ban nào sống mạnh đến vài năm ! Và số đĩa hát bán, Tân nhạc chỉ được 20%, còn Cờ nhạc đến 80%.

Hai người bạn vốn đồng hương, nay đồng xóm ở đô thành và đồng nghề ấy, cùng bước vào nhà tôi một lượt với một nụ cười tươi, mặc dầu hai anh vừa thu thanh ở hãng đĩa Hồng-Hoa, đã mệt, mà cơn nắng xé gắt gao càng làm cho hai nghệ sĩ ngành cổ nhạc này càng mệt thêm.

Anh Viễn-Châu lên tiếng trước :

— Từ lâu, tôi nghỉ đồn để soạn tuồng hát cho sân khấu cải lương, rồi soạn tuồng vô đĩa, nên tôi xin đóng vai trò người dựa cột vậy.

Anh Năm Cơ cười :

— Để mình tôi chịu trận sao được, bờ. Cùng hội cùng thuyền mà. Thú thật với anh, tôi có ý mà nói ra khó khăn, có khi không hết. Còn người bạn tôi đây ăn nói viết lách có hạng lắm, lại còn làm thơ ngâm thơ nữa. Vậy hể anh hỏi, tôi có bí, thì xin anh cho tôi cầu cứu với ông cổ vấn này vậy.

Ba chúng tôi cùng cười vui vẻ.

Tôi bắt đầu hỏi :

— Chắc bước đầu vào nghề của anh Năm cũng vất vả ?

Anh xác nhận bằng một cái gật đầu.

— Nhà tôi nghèo, anh à. Ham đồn quá thì tìm cách tự học. Anh biết học đồn mà không thầy thì vất vả và dễ nản lắm.

— Thế trong gia đình anh, có ai chơi đồn không ?

Anh lắc đầu :

— Tôi không được cái may mắn ấy, Khiếu nhạc của tôi, chắc là Trời cho. Rồi hoàn cảnh giúp cho khiếu kia nảy nở.

Anh hớp miếng nước trà, mơn trớn quai tách nhỏ, như nhìn về quá khứ. Và giọng anh như có cái gì khang khác :

— Tôi sanh trưởng trong một làng có nhiều người Triều-Châu. Ta thường gọi họ là người Triều. Họ hay đồn những khi rảnh việc những bản đàn rất hay...

— ... như bài *Mạnh-Lệ-Quán*.

Cả hai anh đều nhìn tôi, hơi lấy làm lạ.

— Anh cũng biết đồn Triều nữa sao ?

Tôi cười :

— Tôi dốt đặc. Nhưng vì mới đọc quyển « Xô ngã bức tường rêu » của anh Bình-Nguyên-Lộc, kể mỗi tình giữa một sinh viên Việt với một thiếu nữ Triều, trong đó bản *Mạnh - Lệ - Quán* đóng một vai trò có phần đặc biệt...

— À ra thế. Người Triều ở xóm tôi hay đồn hai bản *Mạnh-Lệ Quán* và *Trạng nguyên hành lộ*, tôi thích quá, nên quyết tâm học. Nhà nghèo, mà vì quá mê đồn, đôi khi tôi phải lén ăn cắp chỉ tầm mà se làm dây đồn.

Anh Viễn-Châu tiếp lời :

— Đó là cây đồn đoản. Anh bắt đầu học đồn với cây đồn ấy.

— Anh biết cây đàn đó chớ ?

— Tôi được biết. Nó giống cây đồn kìm, song cái cần thì cụt ngắn.

— Khi đàn kha khá rồi, tôi mới hòa đồn với họ.

— Ở đâu, anh ?

— Tại các chành lúa hoặc trên ghe chài.

— Chắc những lúc đó anh vui thích lắm ?

— Còn phải nói. Nhứt cử lưỡng tiện mà ! Vừa được dịp học thêm, lại vừa được... uống trà ngon, ăn bánh ngọt !

— Còn những khi khác ?

— Những khi khác thì tùy cơ ứng biến. Lúc đuổi trâu ra đồng, tìm chỗ cho chúng ăn xong, tôi tìm một gốc cây lớn, nằm dài, lấy cây đàn đoản mang theo ra, rồi rí rả...

Anh Viễn-Châu và tôi cùng cười, và không hẹn mà hai tôi cùng nói lên câu học đầu từ ba mươi mấy năm về trước :

« *Ái bảo chân trâu là khổ ? Không chân trâu sướng lắm chứ...* »

— Rồi năm nào anh lên Sài-Gòn ?

— Năm tôi hai mươi bảy tuổi. Tức năm 1946. Lên Sài-Gòn, là tôi đồn cho gánh Hoa-Sen, rồi sau này cho gánh Kim-Chung.

— Còn giờ ?

— Giờ thì tôi đồn cho nhiều ban cổ nhạc ở đài phát thanh Sài-Gòn và cho vài hãng đĩa hát.

— Thì ra anh hoạt động ở ba... thể giới : ở đài, ở sân khấu, ở hãng đĩa. Thế anh thấy đồn ở mỗi nơi, kĩ thuật đồn có gì khác nhau không ?

— Có khác chớ. Như đồn ở đài, đồn vào đĩa, lỡ có sai có trật hoặc có không hay, mình có thể đồn lại, còn ở sân khấu, thì không. Mà đồn vô băng, vô đĩa, mình đồn ít chữ hơn, vì có thể lúc phát thanh, hai chữ đồn dính lại, nghe không được rõ. Đồn vô băng, hoặc đồn trực tiếp trước máy vi âm, nhấn nhẹ nghe rõ, còn đồn vô đĩa, mình nhấn nhẹ thì khi cho đĩa chạy, ta không phân biệt được chỗ nhấn nhẹ ấy. Đồn sân khấu thì đồn đóng vai đưa

đẩy, dẫn dắt lời ca, mà đào kép thì khi bị mệt, bị đau hoặc vì tưởng mới, tập chưa lâu, khi vì sơ xuất mà ca thấp một chút, cao một chút, mình phải lanh tay mà sửa dây đồn sao cho đồn và ca khỏi phải so le.

Rồi anh dạy lại bạn :

— Có phải vậy không, Bảy ?

Anh Viễn-Châu gật đầu, tiếp :

— Anh còn quên hai điều. Một là đập trường-hợp họ ca có hơi mau, mình phải đồn dồn chữ cho tiếng kịp với lời ca khi dứt câu. Hai là khi họ ca gần hết, mình phải nhớ gần chữ đồn cho họ biết bài sắp hết, kéo họ đi luôn mà rớt !

Anh Năm Cơ nhìn tôi, mắt hơi long-lanh.

— Anh Ngu-Í thấy tôi có nói sai đâu. Ông cố-vấn của tôi đáng cho tôi viện-trợ... một chai rượu nếp than chính cống !

Tôi mời hai anh dùng thêm nước, rồi đổi hướng :

— Anh Nguyễn-Vĩnh-Bảo và Văn-Vĩ không đồng ý với nhau trong việc sử-dụng nhạc khí Tây-phương để đồn bài bản ta. Anh Vĩnh-Bảo cho rằng dùng đồn Tây đồn bản ta, không nên, anh Văn-Vĩ chủ trương ngược lại để cổ-nhạc được phong phú thêm. Còn hai anh thì sao ? Theo anh nào, hay lại chủ-trương một... đường lối thứ ba ?

Anh Năm Cơ đáp :

— Về điểm này, hai chúng tôi đồng ý với anh Văn-Vĩ. Chúng tôi không ngại-ngùng gì mà nói rằng : cây ghi-ta (tức lục huyền cầm) là cây đàn đã giúp đỡ rất nhiều cho bản Vọng-cổ được diễn tả đến

chỗ tuyệt diệu, nhờ chỗ nó nhiều cung bậc hơn nhạc khí cổ truyền của ta. Chúng tôi nghĩ, nếu ta chịu khó nghiên-cứu, tìm tòi thì thế nào ta cũng tìm ra ngón mới lạ với cây đàn nhập cảng không lâu này. Nó thiên biến vạn hóa, hợp với bản ca nhiều chữ và nhiều cung điệu, và được diễn tả có phần tự do như trường hợp bản Vọng cổ.

«Bởi vậy cổ nhạc hay là nhờ ở chỗ đàn tùy hứng. Không thể áp-dụng một chữ đàn một chữ ca như nhạc Tây-phương, như Tân-nhạc. Cũng không thể đàn rập theo bài bản qui-định, mà là tùy ở người ca, người hòa đàn với mình. Khi họ đàn ít chữ, thì mình đàn nhiều chữ, và trái lại, để rồi, gần dứt câu, cùng «xỏ léo»...

— Xỏ léo ?

— Chữ trong nghề, anh à. « Xỏ léo » là trong khi đàn không ăn rập với nhau nhưng khi hết câu, thì hết một lượt.

— Tôi hiểu rồi. Cũng tỉ như hai người khởi đi một lượt ở mức đi, rồi khi kẻ mau người chậm, khi kẻ chậm người mau, thế mà khi tới mức đến, thì bất ngờ, cả hai cùng để chân lên một lượt.

— Đúng thế. Gần dứt câu cùng « xỏ léo » cho khó khăn, cho gút mắt, rồi dứt câu một cách rập ràng, bay bướm, gây một sự sung sướng bất ngờ cho người nghe.

— Giàn cổ nhạc sân khấu ta gồm có mấy cây đàn, anh ?

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) Bạn chuyên về nhạc gì ? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách ? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.

2) Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao ? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc..)

3) Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?

4) Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì ? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì ? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì ?

6) Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.

— Thường thì bốn cây : kìm (nguyệt), cò (nhị) hay vi-ô-lông, tranh và ghi-ta.

— Thế cây đàn nào là đàn chánh ?

— Cây kìm. Có khi cây ghi-ta.

— Sao ta không để giàn nhạc ta ngay trước sân khấu như giàn nhạc Tây-phương, mà cứ « giấu » một bên sân khấu vậy anh. Tôi nghĩ để giàn nhạc ta trước mắt khán-giả, cũng là một cách đề cao quốc-nhạc.

— Cũng có người nghĩ đến điều đó. Cả cách ăn mặc : đàn nhạc khí mượn của Tây-phương thì mặc Âu-phục đằng-hoàng, đàn nhạc khí ta thì khăn đóng áo dài. Nhưng để giàn nhạc trước sân khấu, thì đàn nó « loăng » đi, và mất sự liên-hệ mật thiết giữa người đàn và người hát. Ngồi bên sân khấu, người diễn viên và nhạc sĩ thấy kháng khí với nhau hơn và làm diễn-viên vưng dạ, mà nhạc sĩ cũng dễ theo dõi hơi ca của diễn-viên mà chọn lời đàn, hoặc hơi mau, hơi chậm...

Tôi hỏi sang hướng khác.

— Nhìn vào hiện tình âm nhạc nước nhà, các anh thấy có thể tin tưởng được vào ngày mai của Cổ nhạc ?

Anh Năm Cơ, không cần nghĩ ngợi :

— Chúng tôi vưng tin ở sức sống của nền Cổ nhạc. Cứ nhìn vào thực tế thì thấy. Cải lương bao nhiêu gánh ? Mà kịch thì đã được ban nào sống mạnh đến vài năm ! Và số đĩa hát bán, Tân nhạc chỉ được 20%, còn Cổ nhạc đến 80%.

— Tôi thấy một số anh em, cả Tân lẫn Cổ, tỏ ý phàn nàn đài phát thanh không giúp đỡ họ đúng mức, các anh nghĩ sao ?

Cũng vẫn anh Năm Cơ đáp, hơi ở bên lẽ câu tôi hỏi :

— Chúng tôi mong sao : các trường ban ở Đài phát thanh nên tìm thêm sáng kiến cho đàn mãi theo lẽ lối cũ, để luôn luôn đem cái mới, cái lạ, cái hay cho thính giả, và cố công tìm thêm tay ca giỏi, người đàn hay, bài ca chải chuốt, vì một bài ca hay sẽ gợi hứng cho nhạc sĩ và ca sĩ không ít. Hai điều mong mỗi ngày mà được thực hiện thì chúng tôi cũng đã sung sướng lắm rồi.

Chúng tôi im lặng uống trà. Anh Năm Cơ bỗng như sức nhớ một điều quan trọng.

— Này giờ, ta chỉ toàn bàn những việc làm cho một mệt óc thêm giữa trưa nắng gắt. Phải đổi món chớ. Anh đã đãi chúng tôi trà ngon, mà thúng tôi không có đàn ngọt sẵn, thì chú Viễn-Châu đây sẽ thay bằng một bài thơ do chú ấy vừa làm xong. Thơ có hay không, tôi chẳng biết, nhưng nó nói về cái chua xót của tôi tôi phải đổi tiếng đàn mà lấy miếng cơm. Bấy, ngâm bài « Nấu tiếng tơ đồng, loạn gió thu » đi.

Anh Viễn-Châu đứng dậy, kéo lại hai cánh màn cho ánh nắng bớt chói chang, rồi ngồi lại chỗ cũ ngâm nho nhỏ, mắt mờ màng :

*
* *

Mấy năm rồi nhĩ, ừ xa lắm,
Rời bỏ làng quê đến thị thành.
Hơn một lần đi trong gió loạn,
Bên mình còn lại chiếc đàn tranh.

« Bạn đường một chiếc đàn tranh ấy,
Khi vượt Cầu-Quan, lúc Cái-Tàu,
Vẫn một âm thanh huyền diệu đó,
Giang hồ ai sợ cái gian lao.

« Nhớ những đêm nào ngọt ngào lam,
Súng xa xa vọng tiếng kinh hoàng,
Ta ngồi nhóm lại lò hương cũ,
Dạo khúc «Phượng cầu» khóc thế gian.

« Rồi những đêm qua như diễm ảo,
Màn nhung khép, mở ; cảnh huy hoàng.
Đàn xưa tắt hẳn lời tâm sự,
Nhận lạc dây chùng mộng vỡ tan.

« Đã hẹn lòng ta từ những ngày.
Ai đem đàn đổi lấy sinh nhai ?
Thế mà, thối nói làm chi nữa,
Bạn hơi, đời tôi: kẻ chẳng may.

« Đây tiếng đàn tranh, tiếng đàn tranh
Dư âm rộn mãi ý trung thành.

Tơ đồng năm ngón sầu thiên hạ,
Tháng hết năm tàn, bạc tóc xanh.

« Đã tình hay còn mộng lãng du ?
Cổ hương xa lắm, khói sương mù.
Đỏ thành một tối trắng chênh bóng,
Nấn tiếng tơ đồng, loạn gió thu !... »

* * *

Chúng tôi im lặng, thở dài.

Không có một tiếng tơ. Không có một
làn gió.

Mà nắng dữ sao quá nhiều, quá gắt.

NGUYỄN - NGU - Í thuật



* HOÀNG-THI-THƠ.

— Sinh năm 1929 tại làng Bích-Khê, tỉnh Quảng
Trị (Trung-Việt).

— Đã học nhạc từ năm 12 tuổi, với nhiều nhạc
sư Việt-Nam, trong đó có nhạc sư Nguyễn-Đình-Chiến,
(tác giả nhiều symphonie và sonate).

Sau này, học lớp harmonie, fugue, contrepont,
orchestration, instrumentation và direction d'orchestre
với École Universelle (Pháp).

— Bắt đầu soạn nhạc từ lúc 17 tuổi và là tác
giả của hơn 200 ca khúc và 4 bản trường ca.

Một số lớn tác phẩm đã được xuất bản, thu thanh
vào đĩa vào phim Việt và phim ngoại quốc.

— Đã cộng tác với Đài Phát thanh quốc gia gần
10 năm nay.

— Đã soạn một số sách âm nhạc, trong số đó đáng kể nhất là cuốn « Để sáng
tác một bài nhạc phổ thông », gồm 2 phần: Hòa âm và Sáng tác, được xuất bản vào
năm 1956.



— Đã mở nhà xuất bản âm nhạc : nhà xuất bản Ly-Tao vào năm 1958.

— Năm 1960, thành lập và điều khiển Đoàn Văn Nghệ Việt Nam mà tôn chỉ là phụng sự nền ca vũ nhạc dân tộc.

— Đã xuất ngoại nhiều lần tại Cao-Miễn (1957), Ai-Lao (1962) Hong-Kong (3 lần vào những tháng 6, 8, 9 năm 1962), Nhật-Bản (2 lần vào những tháng 7 và 10 năm 1962), Đài-Loan (1962), Tân-Gia-Ba (1963 tại Đại hội Văn Nghệ Đông-Nam-Á), Thái-Lan (1963) và Mã-Lai (1963) để hoặc nghiên cứu hoặc trình diễn văn-nghệ.

● Nhận rằng âm nhạc Việt chỉ có hai dòng là Cổ nhạc và nhạc Tây phương mà không nhận có dòng thứ ba là Tân nhạc là muốn có cái thái độ của Tần-Thĩ-Hoàng nhúm lửa đốt sạch mấy ngàn công trình sáng tạo của mấy trăm tâm hồn đã từng rướm máu, là muốn phủ nhận những con người có công lao như Phạm-Duy, Dương-Thiệu-Tước, Lê-Iương, Nguyễn-Hữu-Ba, Thẩm-Oánh, Văn-Cao, Lưu-Hữu-Phước v.v..., là muốn lột cái thẻ bài « nhạc sĩ Việt » của những người này và đuổi họ ra khỏi cái thế giới âm thanh.

● Trường Q.G.Â.N. có nhiệm vụ đào tạo nhạc sĩ làm việc đặc lực cho nền nhạc quốc gia, chứ không phải sản xuất những nhạc công để rồi khi tốt nghiệp, hoặc phải ra nước ngoài học thêm dài hạn, hoặc phải sống khốn đốn trong sự đe dọa liên miên của « thần Thất nghiệp ».

Hỏi : Người ta bảo anh : người nhỏ mà ưa làm lớn, cái gì cũng vĩ-đại cả. Sáng tác nhạc thì ưng làm « Ngày trọng đại », một bản trường ca trong khi công chúng hầu hết thích các ca khúc ngắn ; lập gánh thì lấy tên là « Đoàn Văn-Nghệ Việt-Nam »... Anh nghĩ sao về « lời thển hạ » ấy ?

Luận về lớn bé, to nhỏ, vĩ-đại, tí hon, chỉ có thế.

Có một đạo, tôi tạm ngừng sáng tác những ca khúc ngắn để viết những trường ca như « Ngày Trọng đại » « Máu Hồng Sĩ Xanh » « Triều vui Thế hệ » « Tiếng Trống Diên-Hồng ». Sự đổi hướng tạm thời trong đời sáng tác của tôi chỉ là một cố gắng, cố gắng tầm thường. Ngoài ra, đó cũng chỉ là một câu trả lời cho một câu hỏi mà tôi thường tự đặt ra cho tôi : « Mãi sáng tác những ca khúc sao ? Nhạc Việt chỉ có ca khúc sao ? »

Đáp : Tôi chưa bao giờ ưa làm lớn. Tôi chỉ thích làm những cái đáng làm và phải làm. Những cái đáng làm và phải làm của tôi chỉ bằng hạt cát hoặc con ruồi, con muỗi. Nhưng sở dĩ có người cho những việc đó là lớn lao, vĩ - đại vì không ai hoặc rất ít người chịu khó và can đảm làm những việc đó.



Hoàng-Thị-Thơ đang điều khiển giàn nhạc Hồng-Kông tại rạp City Hall ở Hồng-Kông (phía sau là đông đảo khán giả đang xem Đoàn-Văn-Nghệ Việt-Nam trình diễn)

Việc làm của tôi là một việc hết sức giản dị, thoát thai từ một quan niệm cũng vô cùng giản dị.

Mục đích của tôi có gì là vời vợi xa xôi đâu nếu không nói là thấp hèn và gần gũi : đẩy việc sáng tác xa một gang, nâng cao nghệ-thuật trình-diễn lên một tấc, tạo một gạch nối tí hon giữa lối sáng tác trình diễn ca khúc ngắn và nghệ thuật sáng tác trình diễn loại nhạc diễn tả không lời. Rồi có đạo, tôi can đảm thành lập « Đoàn Văn-Nghệ Việt-Nam ».

Nhiều người, mặc dầu tôi đã giải thích và thanh minh nhiều lần, vẫn cố tình hiểu lầm rằng tôi có nhiều « gan lớn » và « tham vọng » (muốn đại diện cho nước Việt-Nam).

Từ ngày tập tễnh làm văn nghệ, tôi hằng ôm một giấc mộng con con là dù sáng tác, dù trình diễn, lúc nào cũng phải nghĩ đến Việt-Nam, phải đặt dân tộc tính lên trên cả Đoàn văn nghệ của tôi có

cái tên « Việt-Nam » vì Đoàn Văn Nghệ của tôi mang một ước vọng thầm kín là trình diễn thứ văn nghệ có cá tính Việt-Nam. Cũng vì vậy, mà chúng tôi — những người xây dựng Đoàn — đã cố gắng tạo những điệu vũ, ca khúc mang ít nhiều dân tộc tính Việt Nam.

Mục đích của « Đoàn Văn Nghệ Việt Nam » là giới thiệu ít nhiều khía cạnh văn nghệ của dân tộc có nhiều ít màu sắc Việt Nam.

Tôi thiết tưởng ước vọng thầm kín ấy của tôi, lòng nghệ sĩ Việt-Nam nào chẳng có, và mục đích bé bỏng của tôi, bàn tay nghệ sĩ Việt-Nam nào chẳng ôm ấp ?

Thế thì có gì là mới và vĩ đại đâu ? Có nhiều lúc tôi xấu hổ hơn là hãnh diện khi thấy nhiều người nhắc nhở đến tên tuổi tôi và việc làm của tôi.

Tôi nghĩ rằng Việt-Nam phải có nhiều nhân tài làm việc cho văn nghệ, cho ca nhạc, mà trong số đó tôi không được phép góp mặt. Tôi đã nhiều lần tâm tình với anh chị em ruột, thịt của tôi về chuyện tôi muốn từ già thế giới văn nghệ vì việc thiếu tài của tôi. Tôi cũng mong rằng ngày « hồi hưu » ấy không còn xa.

Từ trước đến nay tôi luôn luôn chỉ nguyện làm thân con đom đóm lập lờ giữa đêm tối. (Chắc ai cũng biết lửa đom đóm chẳng lấy gì làm rực rỡ vinh quang). Ngày nào có nhiều ngọn đèn xuất hiện, con đom đóm kia xin nguyện biệt dạng vào khóm lá bờ tre. Nhưng đom đóm kia, giờ đây xin được hưởng một chút công bằng

nhỏ bé trên trần gian : Thấy đom đóm thì cứ gọi là đom đóm, chớ gọi là đèn !

Hỏi : « Ngày Trọng đại » của anh là một quả bóng đèn đường hay là viên đá đầu tiên của một công trình kiến trúc vững bền về âm thanh ?

Đáp : Tôi rất tin tưởng khi tôi làm một việc gì. « Ngày Trọng đại » của tôi có thể là một bước dò dẫm, tuy dò dẫm nhưng đầy tự tin, mà cũng có thể là một viên đá đầu tiên cho công trình kiến trúc vì âm thanh của riêng tôi.

Anh Nguyễn-Ngu Í (người phỏng vấn tôi) nên nhớ cho tôi rằng « Ngày Trọng đại » là trường ca thứ tư mà tôi đã viết trong đời tôi, chứ không phải là trường ca đầu tiên.

Cách đây 10 tháng, khi tôi ở Nhật-Bản về, tôi đã nhận được thư của nhạc trưởng ban nhạc đại hòa tấu không quân Hoa-Kì thương lượng với tôi được trình diễn « Ngày Trọng đại » tại Hoa-Kì. Tôi đã gửi cho ông ta bài ấy với lời ca bằng tiếng Anh và cả phần phụ soạn hòa âm.

Đời văn nghệ của tôi đau đớn và khổ sở nhiều. Bây giờ anh cho phép tôi cười một chút và sung sướng một tí anh nhé.

Hỏi. — Cũng có người cho rằng âm nhạc trên nước Việt ta chỉ có hai dòng : quốc nhạc tức cổ nhạc và nhạc Tây phương, họ không công nhận Tân nhạc và dòng nhạc thứ ba Họ lại cho rằng cái nhạc được gán cái tên là Tân chẳng có cái gì là mới cả, mà cũng chẳng có gì đặc biệt để đáng gọi là cải cách cả. Anh có thể cho biết ý kiến anh.

Đáp : Quan niệm ấy hơi mất gốc. Những ca khúc : « Tiếng Gọi Sinh Viên »

(bài Quốc ca) của Lưu-Hữu-Phước, « Thiên Thai » của Văn-Cao, Con Đường Cái Quan (và vô số bài khác) của Phạm-Duy, « Hồn Vọng Phu » của Lê Thương, « Đêm Tàn Bến Ngự » của Dương-Thiệu-Fước, một vài bài mà tôi không nhớ tên của nhạc sư Nguyễn-Phụng, Giám đốc trường Quốc gia Âm Nhạc v. v. . . những bài đó gọi là « Quốc Nhạc » hay « Nhạc Tây phương » ?

Khi ca sĩ trình bày một ca khúc của Phạm-Duy, chúng ta có thể giới thiệu là một bài « Quốc Nhạc » được không ? Tuyệt đối là không.

Khi một ca sĩ trình bày một sáng tác của Nguyễn-Phụng, chúng ta có thể giới thiệu là « một bài nhạc Tây-Phương do ông Giám đốc trường Quốc gia Âm nhạc sáng tác » được không ? Nếu giới thiệu như thế thì thực lỗi bịch hết chỗ nói.

Vậy những bài nhạc đó thuộc loại nhạc gì, nếu không nói là những sáng tác của những nhạc sĩ Việt-Nam. Loại nhạc đó quyết không phải « Quốc Nhạc » (vì không đại diện hoàn toàn cho Quốc gia) mà cũng không phải là « Nhạc Tây-phương » (vì có mang hồn Việt-Nam). Loại nhạc đó, tùy ai muốn đặt tên gì thì cứ đặt, nhưng đã hiển nhiên nằm trong một dòng nhạc khác (khác với nhạc Tây phương và Quốc Nhạc) rất phong phú, rất ồ ạt, mà người đời đặt cho một cái tên là « Tân Nhạc » hoặc là « Nhạc Cải cách ».

Kể ra dòng nhạc đó có cái tên « Tân » hay « Cải cách » đều có phần đúng cả. « Tân » là mới. Nó được gọi là « mới » vì nó khác với « cũ ». Ngược thời gian

ta thấy rằng nó hoàn toàn khác với dòng nhạc đã có từ ngàn xưa : Quốc Nhạc. So sánh một điệu « *Nam Ai, Nam Bằng* » miền Trung với « *Hồn Vọng Phu* » của Lê-Thương, ta có thể phân biệt được cái « cũ » cái « mới » ngay.

« Cải cách » là sửa đổi lại (réformer, rénover). Chính khi sáng tác, những nhạc sĩ Việt-Nam đã « cải cách » rất nhiều : cải cách ý tứ, cải cách hứng cảm, cải cách hình thức, cải cách ghi chép, cải cách hòa âm. So sánh một điệu « *Chầu-Văn* » miền Bắc (hoặc Trung) với bài « *Lửa Rừng Đêm* » của Nguyễn-Hữu-Ba, hoặc một điệu « *Lí Huế* » với bài « *Tiếng Hát Dân Chàm* » của Châu-Kỳ, hoặc một điệu Quan Họ « *Tình Bằng* » với bài « *Tình Tự Tin* » của Phạm-Duy, ta có thể phân biệt dễ dàng cái « nguyên thể » và cái « cải cách »

Cho rằng chỉ có 2 dòng nhạc trên nước ta là Quốc Nhạc và nhạc Tây phương, chứ không công nhận có dòng Tân Nhạc cũng như nói rằng chỉ có hai thứ người ở Việt-Nam. Một là người Việt thuần túy với bộ quốc phục khăn đen áo dài và hai là người Tây trăm phần trăm với bộ « đồ Tây ».

Tại sao lại cho rằng người Việt mặc đồ Tây đều là Tây phương cả ? Theo tôi, nói một cách âm nhạc hơn, người Việt mặc đồ Tây, phải được gọi là « Tân » hay « Cải cách » mà thôi. Không thể gọi họ là « Tây phương » được. Vì tuy họ mặc « đồ Tây », nhưng da họ vàng, mũi họ tẹt, họ nói tiếng Việt-Nam, họ tư tưởng theo lối dân của miền đất hình chữ S, tâm hồn họ là tâm hồn của giống Tiên Rồng, cách làm duyên, cách đi đứng của họ theo lối của đám người sống trên dải đất đầy chim

chóc, đầy âm thanh, đầy cảnh đẹp, đầy thi phú này.

Không nhận có dòng Tân nhạc là muốn có cái thái độ của Tần-Thĩ-Hoàng nhúm lửa đốt sạch mấy ngàn công trình sáng tạo của mấy trăm tâm hồn đã từng rướm máu.

Không nhận có dòng Tân nhạc là muốn phủ nhận những con người có công lao như Phạm-Duy, Dương-Thiệu-Tước, Lê-Thương, Nguyễn-Hữu-Ba, Thẩm-Oánh, Văn-Cao, Lưu-Hữu-Phước v.v...

Không nhận dòng Tân nhạc là muốn lột cái thể bài « nhạc sĩ Việt » của những nghệ sĩ này và đuổi họ ra khỏi cái thể giới âm thanh.

Và khi làm thế, nói thế là hoàn toàn phủ nhận công lao của một số người đã rất có ích cho việc xây dựng không những cho nền văn nghệ nước nhà mà còn cho sự đứng vững của cả một quốc gia, kể từ năm 1963, khi họ dùng những con đẻ tinh thần của họ để làm cách mạng cho đến 1935, để chống xâm lăng giữ nước, dang đẳng suốt 30 năm trường...

Hỏi : Nền nhạc Việt ta hiện nay đứng lùi, hay tiến ?

Đáp : Không lùi, chẳng đứng, mà tiến. Không tiến về phẩm thì cũng tiến về lượng. Tiến cũng như lòng đổ kị, tị hiềm nhau thường thấy trong làng nhạc.

Hỏi : Xin anh cho biết vai trò của trường Quốc-gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

Đáp : Điều này, xin anh hỏi nhạc sư Nguyễn-Phụng, Giám đốc Trường, thì tiện hơn.

Nhưng tôi cũng xin vô lễ đưa ra, ý cặn.

Dù dạy âm nhạc Tây phương hoặc dù dạy Quốc Nhạc, trường Quốc gia Âm nhạc, như cái tên đã đề ra, phải có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên đến chỗ *Xây dựng Âm nhạc Quốc gia*. Trường này có nhiệm vụ đào tạo nhạc sĩ làm việc đặc lực cho nền nhạc Quốc gia, chứ không phải sản xuất những nhạc công, để rồi khi tốt nghiệp hoặc phải ra nước ngoài học thêm dài hạn, hoặc phải sống khốn đốn trong sự đe dọa liên miên của «thần Thất nghiệp»

Tôi tin rằng, các nhạc sư của Trường ai cũng quan niệm như thế. Nhưng kết quả vẫn chưa được như mong ước, vì «ngôn dị hành nan» (nói dễ làm khó).

Hỏi : Xin anh cho biết vai trò của Đài Vô tuyến truyền thanh đối với Tân nhạc.

Đáp : Đài Vô tuyến truyền thanh đã giúp được một phần lớn trong việc giới thiệu và phổ biến các sáng tác của giới Tân nhạc.

Hỏi : Nếu có thể, xin anh vui lòng cho biết anh bước vào thế giới âm thanh trong trường hợp nào, cùng những khó khăn mà anh đã gặp để có ngày hôm nay.

Đáp : Tôi yêu nhạc từ nhỏ. Tuy nhiên, trong gia đình tôi, chẳng có ai làm «nghề này» cả. Chỉ có tôi là «ngược gia phong»

Tôi đã mê nhạc và sáng tác từ thời mới Kháng chiến. Có lẽ cuộc sống phiêu lưu nhiều khía cạnh, có lẽ tình cảm dạt dào của tuổi chưa biết yêu, có lẽ đời sống trử tình của thời ấy đã hun đúc tâm hồn tôi hôm nay.



Ông bà Quốc trưởng Tân-Gia-Ba đang bắt tay Hoàng-Thị-Thơ khen ngợi sự đóng góp hữu ích của Đoàn Văn-Nghệ Việt-Nam tại Đại Hội Văn Nghệ-Đông-Nam-Á

Đến ngày nay của đời tôi, đường đi thật khó. Chông gai chơm chớm. Trở ngại hàng hà. Khó khăn không hiếm. Nhưng không gì ghê tởm bằng lòng ganh ghét, tị hiềm của đồng nghiệp, bạn bè. Dân chúng bao giờ cũng dành cảm tình cho mình. Nhưng bạn bè thì muốn mình phải suốt đời lặn hụp dưới bùn. Mình dốt, bất tài, họ chê bai thậm tệ. Mình sáng một chút, có làm được đại việc, họ tìm cách dìm mình xuống, xuống tận lớp đất thứ chín, không cách gì ngóc đầu lên nổi. Da thịt một chập trở nên dạn dày, cung tên không thủng. Đầu óc trở nên lạnh giá. Lòng rồi cũng trơ trơ. Nhưng cứ thế mà làm việc. Và có thể làm việc mới được, và làm được nhiều. Mong rằng những người thường công kích, nguyên rủa tôi, hiểu cho tôi hiện đang ở trong trạng thái ấy, và hiểu cho cái triết lí rẻ tiền của tôi :

«Đã nguyện làm thân con đom đóm kia bay giữa đường đêm ba mươi, thì cũng

chẳng ngại gì những bàn tay trẻ dại vô tình muốn xé cánh, ngắt đầu . . . »

Hỏi : *Xuất ngoại tập thể ba lần, anh thấy, nghe và nghĩ gì về nhạc nước người : nhạc sân-khấu, nhạc thuần túy nhạc cổ-điển, nhạc vui tươi. Và thấy người ngấm lại ta, anh có ý nghĩ gì, quyết-định gì ?*

Đáp : *Mấy lần cá nhân tôi được may mắn ra nước ngoài và ba lần khác may mắn hướng dẫn Đoàn Văn-Nghệ Việt-Nam xuất ngoại trình-diễn tôi có may mắn có nhiều cơ hội. Chứng thị người ngoại quốc chơi nhạc tuyệt diệu ! Thời kì ở Nhật Bản, tôi được nghe giàn nhạc cổ-điển Tây-phương trình-diễn. Giàn nhạc gồm 300 nhạc công. Không thể đem óc phân-tích ra mà nhận xét được. Phải phán đoán bằng cảm giác và cảm tưởng. Thực kì lạ ! Về nhạc cổ-điển Tây - phương, họ đáng « Sur » của những « sur » Việt-Nam. Cũng trong thời gian ở Đông-Kinh, điều «khủng khiếp» hơn là được nghe giàn nhạc cổ-truyền Nhật-Bản với 200 chiếc đàn «coto» và 200 chiếc đàn « samusen ».*

« Ảo mộng, ảo mộng ! » Nghe xong ra về, trong tôi cứ vang lên câu tán thán ấy : « Ảo mộng ! Ảo mộng ! » Nghệ - thuật trình-diễn điêu luyện đến chỗ thần thánh ! Âm-thanh lạ tai và kì diệu đến chỗ thần tiên ! Lần thứ nhất mà e cũng lần chót trên đời tôi được nghe.

Tháng trước, qua Tân-Gia Ba dự Đại Hội Văn-Nghệ Đông-Nam-Á, tôi lại được điểm phúc nghe giàn nhạc cổ-điển Tây-

phương Tân Gia-Ba. Một giàn nhạc với một con số vĩ-đại : 600 người. Vĩ-đại hơn nữa là nhạc công đều là « tài tử » chứ không phải chuyên nghiệp. Hôm đó, họ diễn ba tiết mục : Les trois ouvertures de Léonore, op 72 của Beethoven ; Symphonie inachevée No 8 en Si mineur của Schubert và Piano Concerto No 2 en Ré mineur của Mozart. Giàn nhạc do một nhạc trưởng Ấn-Độ, ông Alphonso Anthony điều khiển. Thực là một buổi hòa-tấu đúng với danh-từ.

Nghệ thuật trình-diễn âm-nhạc cổ-điển Tây-phương của nước người đã vượt xa Việt-Nam, vượt xa đến mức khó lòng kể trước người sau bắt gặp nhau.

Nhạc sân-khấu của Nhật-Bản tiến quá sức tưởng tượng. Một giàn nhạc sân-khấu của họ không dưới 50 người. Nhiều sân khấu có đến từ hai đến ba giàn nhạc như thế. Sân-khấu Mikado có đến ba giàn. Sân khấu Hanabasha có đến hai giàn : một giàn nhạc « đồng », một giàn nhạc « dây ». Loại nhạc nào họ chơi cũng được và rất được : nhạc cổ-điển Tây-phương, nhạc khiêu vũ, nhạc cổ truyền . . .

Thấy người ngấm đến ta, tôi có rất nhiều ý nghĩ. Nhưng quyết định thì chẳng dám quyết-định gì cả. Những bậc thầy, đàn anh của tôi ở Quốc-gia Âm - nhạc-Viện phải có bốn-phận suy nghĩ và quyết-định đi. Họ phải cho rằng suy - nghĩ và quyết-định bây giờ đã là muộn lắm rồi.

HOÀNG-THI-THO

● Bọn gian ác mà liêu lĩnh là do bọn nhân đức khiếp nhược

Cuttaz

SINH HOẠT

Một vấn đề tâm lí chiến : thái độ của người trí thức trước thời thế

NGUYỄN-NGU-Í kể

Tại trung tâm Quân y Việt-Nam, đã có buổi giảng thuyết đặc biệt về chính trị do nhà văn Nguyễn-Mạnh-Côn phụ trách (1). Đề tài : tâm lí chiến. Giảng thuyết viên gầy và xanh, đã xin lỗi trước vì đau bệnh mới lành. Nhưng kết quả là anh nói khá lâu — từ 2g 30 đến 4g 15 nói khá lớn và hăng hái.

Vào đề, Nguyễn-Mạnh-Côn dành ít phút để nói về sự khác biệt giữa «Chiến tranh Tâm lí» và «Tâm lí chiến». Theo ý anh thì có sự lầm lộn về danh từ. Chiến tranh tâm lí đã bao gồm tất cả các phương pháp và phương tiện có



Nguyễn Mạnh-Côn

liên hệ đến một cuộc tranh giành thắng bại ở ngoài công việc bắn súng, ném bom, thì Tâm lí chiến — theo tinh thần tổ chức của bộ phận này trong quân đội V. N.C.H. — là một sự

đối thoại trực tiếp giữa những cán bộ của quân đội (hay chính quyền) và đối tượng của họ. Chữ «tâm lí chiến» cần phải đổi là «tâm ý chiến», có thể dịch sang chữ Pháp là *guerre psychique*.

Tâm ý chiến, theo anh Nguyễn-Mạnh-Côn có thể có môi trường trong ba khu vực : *Cộng sản, chính quyền cộng hòa, dân chúng*. Diễn giả không chời mình sẽ nói về Cộng-sản nhiều hơn.

Và anh đã không để cho người nghe thất vọng. Điều rõ ràng nhất là

(1) ngày 14-7-1963.

sau buổi giảng thuyết, chúng tôi nhận thấy anh đã làm việc được nhiều, và đạt được nhiều kết quả từ năm 1961 là năm anh viết tài liệu « Cộng-sản là gì » ? đăng trên nhật báo Ngôn-Luận (2). Tài liệu này đã xoay trở, đào xới rất kĩ trong quá trình và hiện tại hoạt động của Cộng-sản. Kết luận, như bạn đọc còn nhớ, là « Cộng-sản chỉ còn là một tập thể tranh đấu để đoạt và giữ chính quyền ». Đó là nói về mục đích.

Tài liệu đem ra giảng thuyết hôm 14-8 khác hẳn. Sau khi đã trình bày khá đầy đủ về chủ tâm tàn nhẫn của những người Cộng-sản như vừa nói ở trên, anh bạn của chúng tôi, lần này, đi vào vấn đề tâm lí, bao gồm cả 3 phần lí thuyết, lí tưởng và tình cảm.

Về lý thuyết và lý tưởng, anh Nguyễn-Mạnh-Côn đưa ra mấy nhận xét có tính chất cô đúc về những sai lầm có khi vô tình, có khi cố ý của Cộng-sản. Trước hết, về yếu tố « mâu thuẫn » trong lí thuyết Mác-xít, anh trình bày một khám phá quan trọng là vai trò « trung gian » của một lớp người đặc biệt trong xã hội. Lớp người này là những kĩ sư, công nhân, chính khách, nghệ sĩ v. v... xuất thân từ gia đình vô sản, nhưng cố gắng học tập và tranh đấu, đã đạt tới và được liệt vào giai cấp tư bản. Lớp người này vận dụng tình cảm (đôi với giai cấp xuất thân), vận dụng

(2) Về sau đã in thành sách, do nhà Nguyễn-Đình-Vượng phát hành.

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Vượt thác**, tập truyện của Vũ-Hạnh, Giao-Điểm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 7 truyện ngắn đặc sắc của nhà văn quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa. Bản đặc biệt, không đề giá bán.

— **Con chó liêm sỉ** tập truyện ngắn của Thế - Phong do Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang in ronéo, khổ 21×27, gồm 4 truyện ngắn chọn lọc của tác giả. Loại bản thảo không bán.

— **Việt - Nam bi thảm Đông - Dương**, bản dịch của Đường-Bá-Bôn, nguyên tác: « Việt Nam tragédie indochinoise » của Louis Roubaud do Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản, và gửi tặng. Sách dày trên 80 trang, in ronéo, khổ 21×27, loại bản thảo không bán.

— **Năm thiên ký ức** của Triều-Đầu loại « soi vóc đáng » do Đại-Nam Văn - Hiên xuất - bản và gửi tặng. Sách dày trên 40 trang, in ronéo, khổ 21 X 27 không đề giá bán.

uy thể và tín nhiệm (đòi với giai cấp tư bản), và vận dụng cả đèn thể lực chính trị (chính quyền, nghị viện) và văn hóa (báo chí, diễn xuất) để thực hiện một lúc ba công việc là làm cho giai cấp vô sản bớt căm thù và chấp nhận tranh đấu dẻo dai, hợp pháp ; làm cho giai cấp tư bản bớt bóc lột, và sau hết, đưa chính quyền tiền dần về hướng xã hội hóa để tránh sự đổ vỡ.

Theo anh Nguyễn-Mạnh-Côn, Karl Marx đã biết có lớp người này từ giữa thế kỉ trước nhưng đã đánh giá họ quá thấp. Karl Marx không ngờ rằng thuyết « *cách mạng tất nhiên* » vì « *hồ cãm thù càng ngày càng lớn* » của ông bị họ làm cho sai lạc: họ lập dần hồ cãm thù, cách mạng không bắt buộc phải có. Chứng cứ là ở Anh, Mĩ, Pháp, Đức... xã hội không cần có cách mạng cũng tiên bộ. Cách mạng ở đây đã dành a cách mạng cộng sản. Về lí thuyết, như thế là sự vận động của mâu thuẫn ở trong quyết thế không nhất thiết phải gây nên một trạng thái biến cồ (bột phát). Sự sai lầm (về lí thuyết) chỉ đáng nói đến khi nó được chứng minh bởi một trạng thái thực tế của xã hội hiện đại. Trạng thái này, cồ nhiên Việt-Nam chưa đạt tới được, nhưng tất cả các dữ kiện chính trị hiện có cho phép chúng ta hi vọng có thể đạt tới xã hội quá mà không cần phải đổ máu địa chủ, tư sản và trí thức theo kiểu Mao-Trạch-Đông, Hồ-Chí Minh.

Tiếp tục nói về sự sai lầm của Cộng sản, anh Nguyễn-Mạnh-Côn nhắc lại quan niệm Cộng sản đòi xây dựng chính quyền trên giai cấp vô sản. Giễu cợt các lí thuyết gia Đỏ, anh quả quyết không có ai vô sản mà muốn vô sản suốt đời để trung thành với chính phủ Cộng sản. Bởi sự thật là « *tài hóa lưu thông* » nên hôm nay người này giàu có, ngày mai người kia giàu có. Hễ giàu có là phản đối chính quyền vô sản ngay. Thành thử chính quyền ấy đòi có một thứ nền móng uyển chuyển, linh động, tuyệt đối không có phần tử cốt cán. Trừ khi họ *vô sản hóa* toàn thể một dân tộc thì mới có cơ sở vững chắc. Đó là điều họ đã làm. Đã làm và đã bị dân chúng căm thù. Cho nên họ cần phải mua chuộc bằng cách « *hữu sản hóa* » một hệ thống cán bộ. Đó cũng là điều họ đã làm. Hệ thống cán bộ được hữu sản hóa chính là « *Giai cấp mới* » của Milovan Djilas.

Sang phần thứ hai, anh Nguyễn-Mạnh-Côn nhắc lại một phần của cuốn « *Cộng sản là gì?* » để nói rằng phần lớn thanh niên vì lí tưởng của chính họ chứ không phải vì lí thuyết Mác-xít mà theo Cộng sản. Anh nói đến sự đổ vỡ giữa Liên-Xô và Trung-Cộng và phân tích vấn đề theo kinh nghiệm của một cựu cán bộ kháng chiến. Nhắc đến sự phục tùng của đảng bộ và chính phủ cũng như dân chúng trong vòng Việt Cộng đối với bọn cán bộ Trung Cộng, anh nhấn mạnh rằng theo lí thuyết thì Trung Cộng có bốn phận phải phục tùng Nga-Xô như vậy. Sự phản đối của Trung-Cộng

là nguyên nhân của tất cả mọi sự đổ vỡ. Đổ vỡ không riêng gì giữa Nga-Xô với Trung-Cộng, vì đổ vỡ lan rộng xuống Miền Nam : bọn cán bộ Việt-Cộng ngã ngựa người khi thấy Trung-Cộng kháng đối Nga-Xô. Bọn chúng nhận chân được một sự thật đau đớn là chỉ vì quá tin vào lí thuyết, vào tình đồng chí, mà bị Trung Cộng nắm đầu, đến bây giờ muốn cưỡng lại thì bị nắm quá chặt rồi, muốn cưỡng cũng không được.

Sự đau đớn này ảnh hưởng cả đến bọn cán bộ hoạt động trong khu vực V.N.C.H. Khởi đầu, năm 1957, với tất cả mọi ưu thế về địa hình, địa vật, bọn chúng đã đi đến thất bại dần dần. Nguyên nhân về đâu ? — Theo anh Nguyễn-Mạnh-Côn, thì trước hết vì trong tâm hồn chúng đã mất quá nhiều tin tưởng, thứ hai vì cuộc chiến đấu kéo dài một cách phi lí nên bị dân chúng bỏ rơi, thứ ba và sau cùng vì, về phía quốc gia, có nhiều sự cố gắng để vừa chống Cộng vừa đi dần đến tiền bộ.

Nghiên cứu về tâm lí bọn cán bộ nằm vùng Việt-Cộng, anh Nguyễn-Mạnh-Côn cho rằng họ đã mất hết tin tưởng nhưng còn có khả năng chiến đấu một cách quyết liệt vì chúng ôm lấy cái tự ái của những con người đã có những lịch sử chiến đấu (chống Pháp) oanh liệt. Những cán bộ trẻ, không có thành tích, lại bị bao vây bởi một thứ « tình đồng chí » ngụy tạo, vì sự thật, đó chỉ là tình bằng hữu và tình

Sách Bảo Mới

Bách Khoa đã nhận được :

— **Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc** (tập II) của Anh - Tuấn Nguyễn - Tuấn - Phát do Ngôn - Luận xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang, giá 40đ.

— **Niềm tin** truyện dài của Vĩnh - Lộc, do tạp chí văn nghệ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 227 trang, bản đặc biệt không để giá.

— **Lược khảo về Ngữ-pháp Việt-Nam** của Doãn - Quốc - Sĩ và Đoàn-Việt-Bửu do trường Sư-Phạm Sài Gòn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm ba phần chính : âm thể tiếng Việt, Từ ngữ Việt và phân định từ loại và cú pháp, cùng phần phụ lục : Chánh tả Việt ngữ. Bản đặc biệt không để giá.

— **Trời không muốn sáng** tiểu thuyết của Thanh-Nam do Tiểu thuyết tuần san xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày ngót 200 trang, trình bày mỹ thuật, bản đặc biệt không để giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

đồng ngũ. Sau hết, bọn chỉ huy dù sao cũng còn có võ khí và đơn vị trong tay, nên trước khi được bảo đảm một cách vững chắc về tương lai (nếu tìm về qui thuận), bọn chúng cò nhiên phải cố gắng chiến đấu để giữ gìn ngay lấy tính mạng và địa vị (trong hàng ngũ V.C.) của chúng.

*
* *

Đến đây, diễn giả qua phần thứ hai và thứ ba : *chính quyền và dân chúng*.

Những khó khăn mà bất cứ chánh phủ nào cũng phải gặp trên đất nước ta, và cái « khó » của một chính phủ đối với các quốc gia thù và bạn đã được diễn giả say sưa trình bày, với những ví dụ cụ thể mượn ở trong nước và ngoài nước.

Sau đó, là phần chắt vắn.

NGUYỄN-NGU-Í kể

NHẮN TIN

Hiện nay nhà **GIAO ĐIỀM** đã bán hết cuốn
Sứ Mệnh Văn Nghệ Hiện Đại

của **TRẦN-PHONG-GIAO** dịch Albert Camus. Quý vị cần mua sỉ, xin hỏi tại các nhà sách **TỰ-LỰC** (số 92) và **KHAI-TRÍ**, số 62 **Đại-lộ Lê-Lợi, Sài Gòn**. Miền Trung, xin hỏi các nhà sách **LAM-SƠN**, số 144 **Đại-lộ Độc-Lập Đà-Nẵng**.

Vừa phát hành :

NHỮNG CÂM NGHĨ CỦA MỘT NGƯỜI THẦY THUỐC, II

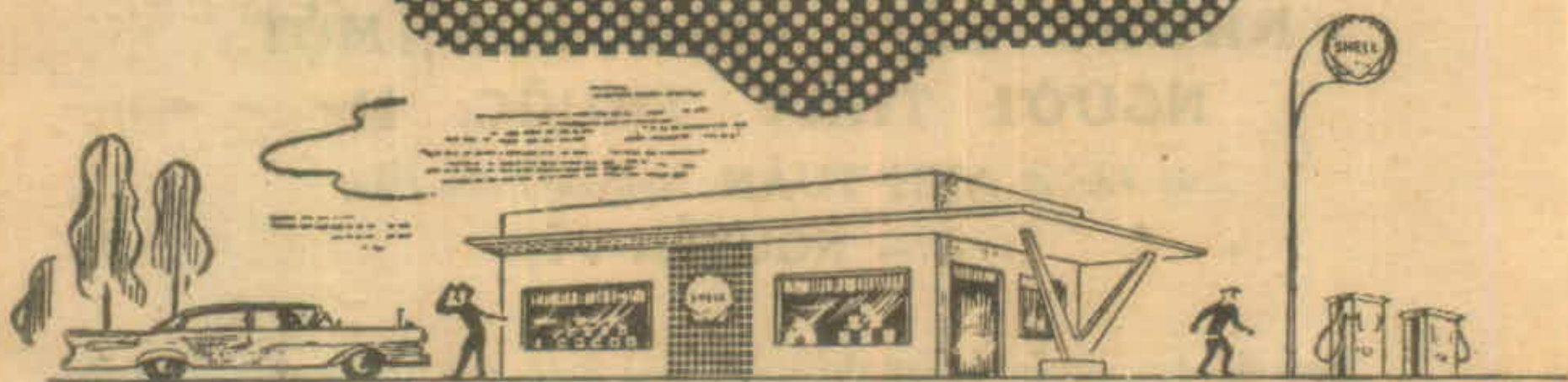
của bác sĩ **ANH-TUẤN** *Nguyễn-Tuấn-Phát*

(tựa của **NGUYỄN-VỸ**)

Bạn đã đọc quyển I, đã thấy yêu đời hơn, tin tưởng ở con người hơn, thì bạn không thể bỏ qua quyển II này để củng cố niềm tin yêu nọ.

GIÁ : **40** \$

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn 50 năm tại Việt-Nam

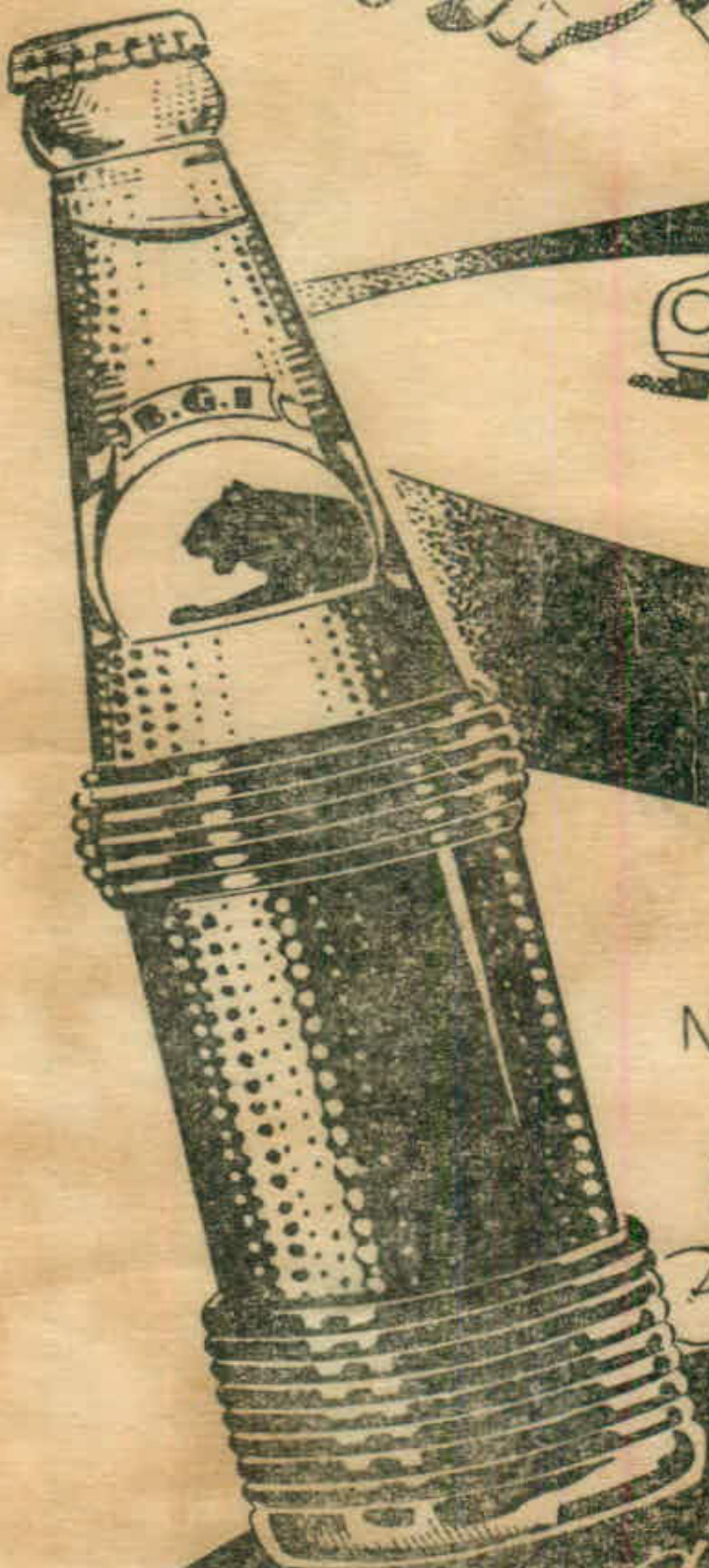


TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁC MỆT

Chỉ có

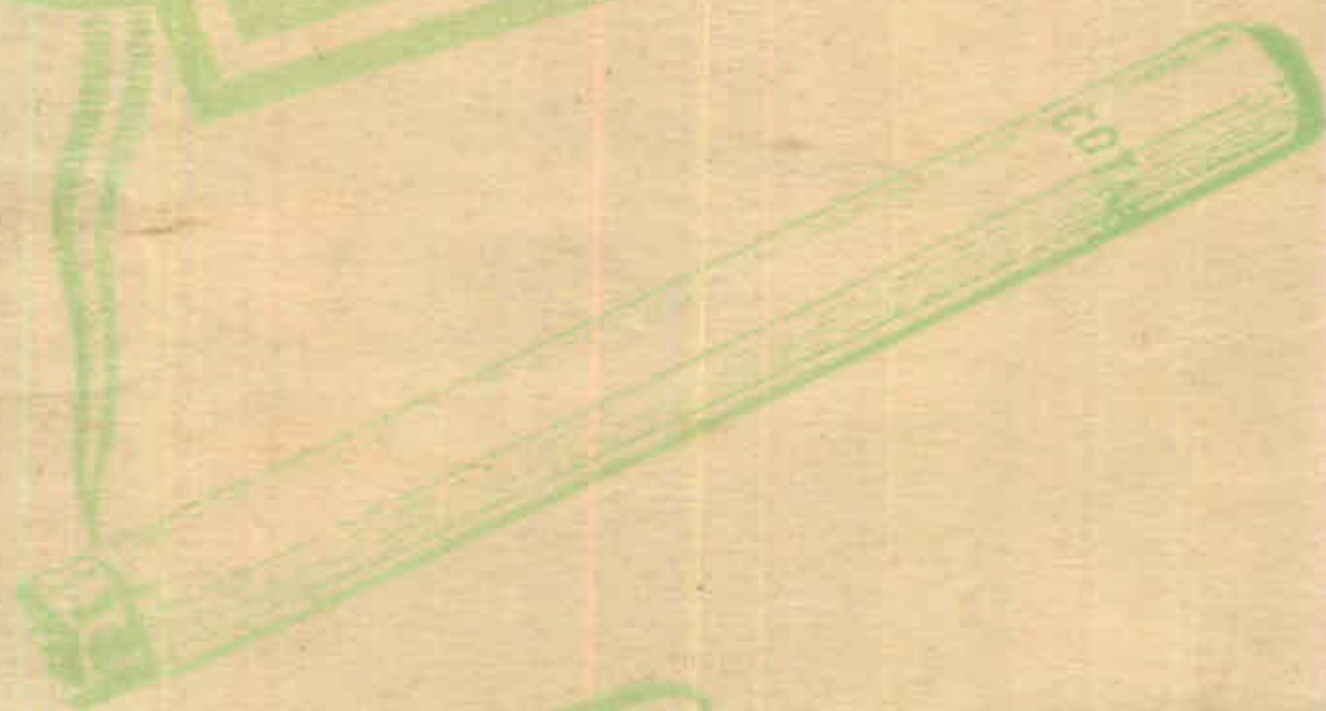


NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai "HÒA TIỀN!"

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE

Quản-nhiệm :

HUỖNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Sog

160, Phan-Đinh-Phùng — SAIGON

In tại VĂN-HÓA AN-QUẢN
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$